

Việt Nam Văn Hiến

Năm Thứ 4889

www.vietnamvanhien.org
www.vietnamvanhien.net
www.vietnamvanhien.info
www.vietnamvanhien.com



Những Ngày cuối Việt Nam Cộng Hòa

Những Ngày Cuối VNCH 1



Lời tòa soạn: Trong tinh thần tưởng niệm “Ngày 30-4-1975”, nhìn lại cuộc diệm Việt Nam 30 năm về trước, VB trân trọng giới thiệu loạt bài tổng hợp về một số sự kiện quan trọng xảy ra từ ngày 10/3/1975 đến cuối tháng 4/1975. Loạt bài này được biên soạn dựa theo các tài liệu sau đây: hồi ký của cựu Đại tướng Cao Văn Viên do Trung tâm Quân sử Lục quân Hoa Kỳ phổ biến; hồi ký của cựu Trung tướng Trần Văn Đôn, Tổng trưởng Quốc phòng cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa; hồi ký của Trung tướng Ngô Quang Trưởng, một số bài viết của các nhân chứng, từng giữ các chức vụ trọng yếu trong Chính phủ và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, và tài liệu riêng của Việt Báo. Riêng trong bài về mặt trận Ban Mê Thuột, một số sự kiện được biên soạn dựa theo hồi ký của Đại tá Nguyễn Trọng Luật, Tỉnh trưởng/Tiểu khu trưởng Darlac, nhật ký hành quân của Thiếu tá Phạm Văn Huân, Sĩ quan Báo chí của Tư lệnh Quân đoàn 2.

Tướng Niệm 30 Tháng 4/1975: Mặt Trận Ban Mê Thuột Ngày 10-3-1975
Vương Hồng Anh

***Cao nguyên ngày N-1**

Ngày N-1 của mặt trận Cao nguyên là ngày 9 tháng 3/1975, ngày Cộng quân gia tăng áp lực khi mở trận tấn công đánh chiếm quận lỵ Đức Lập (tỉnh Quảng Đức). Từ diễn biến này, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2 & Quân khu 2, đã bay đến Ban Mê Thuột để thị sát tình hình và họp với Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh (lúc bấy giờ là Tư lệnh Mặt trận Nam Pleiku), các Tỉnh trưởng/Tiểu khu trưởng Darlac và Quảng Đức. Cuộc họp diễn ra tại Trung tâm Hành quân bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, kéo dài từ 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều.

Sau khi nghe Trung tâm Hành quân trình bày tình hình ở Đức Lập, Thiếu tướng Phú quay sang Đại tá Phạm Văn Nghìn, Tỉnh trưởng/Tiểu khu trưởng Quảng Đức, cho những chỉ thị cần thiết, và ra lệnh cho vị tỉnh trưởng này bay về ngay tỉnh lỵ để đôn đốc chỉ huy các đơn vị chuẩn bị đối phó với tình hình mới. Thiếu tướng Phú nói với Tỉnh trưởng Quảng Đức rằng trong trường hợp Quảng Đức bị tấn công, ngoài Liên đoàn 24 Biệt động quân đang tăng phái cho tỉnh này, ông sẽ tăng cường thêm quân để chặn địch. Ông nhấn mạnh với Đại tá Nghìn: “Lệnh Tổng thống phải giữ Quảng Đức bằng mọi giá.”

Đại tá Nghìn vừa rời phòng họp, Thiếu tướng Phú ra lệnh cho Thiếu tá Nguyễn Văn Hóa, sĩ quan tùy viên, lo chuẩn bị bản đồ các mặt trận để ông họp tiếp tại văn phòng Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh với Chuẩn tướng Trường và Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh, Đại tá Nguyễn Trọng Luật, Tỉnh trưởng/Tiểu khu trưởng Darlac. Trong cuộc họp, Thiếu tướng Phú đã hỏi Chuẩn tướng Trường là nhận định thế nào về tin tức tình báo cho rằng sư đoàn F 10 CSBV đã về Quảng Đức, và trong trường hợp như thế, có nên rút bớt lực lượng Sư đoàn 23 Bộ binh đang hành quân tại Pleiku về tăng cường cho mặt trận ở Quảng Đức và Ban Mê Thuột không? Chuẩn tướng Trường đã trình với Thiếu tướng Phú rằng có thể có một phần của 2 sư đoàn F-10 và sư đoàn 320 CSBV đã về hoạt động tại hai tỉnh này, nhưng Tướng Trường không tin rằng toàn bộ sư đoàn F10 đã di chuyển về Quảng Đức. Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh nhận định rằng có khả năng là sư đoàn CSBV này sẽ để lại 1 hoặc 2 trung đoàn để phối hợp với sư đoàn 968 CSBV từ Lào xâm nhập qua để mở mặt trận tại Nam Pleiku.

Sau lời trình bày của Chuẩn tướng Trường, Đại tá Luật báo cho Thiếu tướng Phú biết là cách đây hai ngày trung đội Thám báo Tiểu khu Darlac đã phục kích bắt được 2 tù binh CSBV tại một ấp Thượng cách tỉnh lỵ 10 km, trong đó có 1 sĩ quan bị thương. Cả hai tù binh khai là thuộc bộ phận tiền thám của sư đoàn 320 CSBV. Viên sĩ quan tù binh CSBV tiết lộ là sư đoàn 320 CSBV được lệnh chuẩn bị tấn công Ban Mê Thuột. Theo đề nghị của Đại tá Luật, Thiếu tướng Phú đã cho gọi Trường phòng 2 Tiểu khu Darlac trình bày chi tiết về cung từ của hai tù binh.

Trước những báo cáo của Tiểu khu Darlac, sau một lúc suy nghĩ để lượng định tình hình, Thiếu tướng Phú ra lệnh cho Chuẩn tướng Trường bay về Pleiku trước để phối trí lực lượng tại đây, chuẩn bị lực lượng tiếp ứng cho Quảng Đức khi tỉnh này bị tấn công. Từ 4 giờ đến 5 giờ chiều, Thiếu tướng Phạm Văn Phú họp tiếp với Đại tá Quang, được chỉ định làm Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột, và Đại tá Luật về kế hoạch bảo vệ tỉnh lỵ tỉnh Darlac. Trong giờ cuối cùng họp với tướng Phú, Đại tá Vũ Thế Quang đã trình bày sự phối trí lực lượng như sau:

-Phòng thủ phía Bắc: Trung tâm huấn luyện Sư đoàn 23 Bộ binh.

-Phòng thủ phía Đông: Bộ chỉ huy chi khu Ban Mê Thuột và đơn vị Địa phương quân thống thuộc chi khu.

-Lực lượng phía Tây-khu vực trọng yếu và nguy hiểm nhất có hậu cứ của tiểu đoàn của Thiết đoàn 3 Thiết kỵ và kho đạn Mai Hắc Đế. Ngoài ra, doanh trại các tiểu đoàn Pháo binh, Công binh, Truyền tin thống thuộc Sư đoàn 23 bộ binh đóng gần thị xã đều tận dụng quân số tại hàng để tổ chức phòng ngự trong phạm vi trách nhiệm. Lực lượng trừ bị cho thị xã Ban Mê Thuột là lực lượng Trung đoàn 53 Bộ binh (trung đoàn trừ, chỉ có 2 tiểu đoàn), án ngữ tại phitường Phụng Dục. Riêng về trách nhiệm của Tiểu khu Darlac, Đại tá Nguyễn Trọng Luật đã cho điều động Tiểu đoàn 204 Địa phương quân đang đóng tại Ban Don về thị xã. Việc di chuyển không phải dễ dàng vì phải trưng dụng tất cả các quân xa trong toàn thị xã Ban Mê Thuột mới đủ quân xa để vận chuyển cả một tiểu đoàn.

*** 2 giờ sáng ngày 10/3/1975: Mặt trận Ban Mê Thuột bùng nổ**

Đúng 2 giờ sáng ngày 10 tháng Ba/1975, Cộng quân khai hỏa tấn công vào Ban Mê Thuột. Tiếng pháo kích rền vang trong thị xã này đến 4 giờ sáng. Sau đó, Cộng quân đã sử dụng chiến thuật tiên pháo hậu xung tấn công chiếm kho đạn Mai Hắc Đế ở phía Tây. Đơn vị trú phòng đã chống trả mãnh liệt và bảo vệ được kho đạn. Về phía Bắc, Đài Truyền tin của Không quân cũng bị tấn công. Đến 7 giờ sáng Cộng quân ngưng pháo kích vào thị xã nhưng đã điều động bộ binh và thiết giáp tiến vào thị xã và khai triển lực lượng xung quanh nhà thờ thị xã.

Để tiện phối hợp trong việc chỉ huy, Đại tá Nguyễn Trọng Luật đã xin Thiếu tướng Phạm Văn Phú cho ông được qua ở chung với Đại tá Vũ Thế Quang. Đề nghị của Đại tá Luật được tướng Phú chấp thuận. Sự lo ngại của Đại tá Quang và Đại tá Luật là chiến xa Cộng quân đã lọt vào thị xã. Từng là Tư lệnh 1 Lữ đoàn Kỵ binh, Đại tá Luật thấy rõ hỏa lực tấn công của địch một khi có thiết giáp tham chiến. Tuy nhiên cả Đại tá Quang và Đại tá Luật vẫn hy vọng ở sự yểm trợ của Không quân VNCH khi trên bầu trời Ban Mê Thuột đã xuất hiện những phi cơ L 19 và các phản lực cơ chiến đấu. Tinh thần của quân sĩ trú phòng lên cao. Các đoàn chiến xa của Cộng quân từ hướng bắc tiến về phía Nam đã bị các đơn vị Địa phương quân của Tiểu khu Darlac đánh chặn lại.

Cộng quân thay đổi chiến thuật tấn công: Trưa ngày 10/3/1975, đối phương đã pháo kích dồn dập vào bộ chỉ huy tiểu khu và một số vị trí trọng yếu trong thị xã, trong đó có cả bản doanh bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Hệ thống truyền tin tại bộ chỉ huy Tiểu khu bị trúng đạn pháo, hư hại nặng. Trước tình hình đó, Thiếu tá Hy, trưởng phòng 3 Tiểu khu, xin Đại tá Luật cho di chuyển bộ tham mưu ra khỏi vị trí. 13 giờ 30, Thiếu tá Hy báo cáo Cộng quân tập trung pháo binh bắn vào doanh trại bộ chỉ huy, sau đó chiến xa và bộ binh Cộng quân tràn vào hệ thống phòng thủ. 2 giờ chiều cùng ngày, Cộng quân tràn ngập vào doanh trại này. Đại tá Nguyễn Trọng Luật liền khẩn báo cho Thiếu tướng Phạm Văn Phú. Tướng Phú ra lệnh cho trực thăng vận Liên đoàn 21 Biệt động quân xuống Ban Mê Thuột để tái chiếm doanh trại bộ chỉ huy Tiểu khu. Đúng 17 giờ, đoàn trực thăng đã đến gần thị xã nhưng không đáp xuống được vì hỏa lực phòng không của Cộng quân.

Cuối cùng, vào lúc 18 giờ, Bộ Tư lệnh QĐ 2 quyết định thay đổi vị trí bãi đổ quân. Liên đoàn 21 Biệt Động Quân được thả xuống trong khu vực Bộ Chỉ huy Chi khu Buôn Hồ rồi từ đó di chuyển bằng đường bộ tiến vào thị xã Ban Mê Thuột.

Về trận chiến quanh thị xã Ban Mê Thuột, sau những trận tấn công cường tập vào một số vị trí trọng yếu quanh vòng đai Ban Mê Thuột trong sáng ngày 10/3/1975, CQ đã điều động một trung đoàn mở cuộc tấn công lần thứ 2 vào kho đạn Mai Hắc Đế, một căn cứ được xem là tiền đồn của thị xã Ban Mê Thuột, có 1 diện tích rất rộng với hệ thống tuần tiểu bên ngoài dài hơn 15 km. CQ đã chiếm trại,

nhưng bị tổn thất nặng trước tinh thần chiến đấu quyết tử của lực lượng trú phòng. Sau đó CQ đã tung lực lượng chiếm các doanh trại gần đó như Tiểu đoàn 23 truyền tin, Trung tâm huấn luyện Địa phương quân, Đơn vị hành chánh tài chánh...

Tại phi trường Phụng Dực, ngay từ ngày 10/3/1975, CSBV đã điều động 2 Trung đoàn thuộc sư đoàn 320 và 1 tiểu đoàn chiến xa tấn công cường tập vào tuyến phòng thủ của Trung đoàn 53 Bộ binh. Đây là trung đoàn tăng phái cho Quảng Đức vừa được điều động về Ban Mê Thuột, do phải bố trí một thành phần phòng thủ chặn địch ở Thuận Mẫn (Đông Bắc Ban Mê Thuột), nên Trung đoàn chỉ còn lại 2 tiểu đoàn. Bị tổn thất nặng trong các trận kịch chiến với CQ tại Quảng Đức, nên tổng quân số của hai tiểu đoàn chỉ còn hơn 600 chiến binh. Rạng sáng ngày 11/3/1975, Cộng quân đã mở đầu đợt tấn công thứ hai vào phi trường Phụng Dực bằng những trận những đợt pháo kích dồn dập, sau đó, thiết giáp và bộ binh CQ ồ ạt xông lên. Lực lượng phòng ngự của Trung đoàn 53 Bộ binh đã bình tĩnh chống trả, chặn đứng được các đợt xung phong của địch quân. Các khẩu đội pháo binh 105 của lực lượng trú phòng đã bắn trực xạ vào các chiến xa T 54 của địch quân.

Theo báo cáo sơ khởi của các cánh quân bảo vệ Ban Mê Thuột thì tính đến 6 giờ chiều ngày 10/1975, CQ đã bị loại ra ngoài vòng chiến khoảng 300 cán binh CSBV, 12 chiến xa T-54 Cộng quân bị bắn cháy. (V)



14-3-1975: Tổng Thống Thiệu Quyết Định Bỏ Cao Nguyên

Vương Hồng Anh

***Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra quân lệnh triệt thoái lực lượng VNCH khỏi Cao nguyên**

Sau cuộc họp với Hội đồng An Ninh Quốc gia tại Dinh Độc Lập ngày 13/3/1975 có sự tham dự của Trung tướng Ngô Quang Trưởng-Tư lệnh Quân đoàn 1- để bàn về kế hoạch tái phối trí lực lượng trong tình hình mới, sáng ngày 14 tháng 3/1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cùng Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, Đại tướng Cao Văn Viên, Trung tướng Đặng Văn Quang, Phụ tá an ninh của Tổng thống đến Cam Ranh để họp với Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2 & Quân khu 2. Tại cuộc họp kéo dài gần 2 giờ, Tổng thống Thiệu ra lệnh cho Tướng Phú phải rút toàn bộ lực lượng Quân đoàn 2 tại hai tỉnh Pleiku và Kontum về khu vực duyên hải miền Trung (Phước Yên và Khánh Hòa) để tái phối trí lực lượng phản công chiếm lại Ban Mê Thuột.

Khi được Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu hỏi nên rút quân theo trục lộ nào, Tướng Phú đã trình bày

với Tổng thống Thiệu rằng các quốc lộ chính nối trong khu vực Cao nguyên đã bị Cộng quân cắt đứt, chỉ còn liên tỉnh lộ 7B. Đây là con đường đá từ Quốc lộ 14 rẽ raphía nam cách thị xã Pleiku chừng 32 km, chạy theo hướng đông nam, xuyên qua Hậu Bồn về Tuy Hòa (tỉnh lỵ Phú Yên). Kế hoạch chọn liên tỉnh lộ 7B đã không được sự đồng ý của Đại tướng Viên vì ông cho rằng đưa một quân đoàn di chuyển trên một đoạn đường dài hơn 250 cây số mà không rõ tình hình an ninh là một việc “quá sức liều lĩnh”, tuy nhiên cuối cùng Tướng Viên cũng không tìm ra được một con đường nào khác nên kế hoạch của tướng Phú đã được chấp thuận.

*** Một chi tiết đặc biệt về lệnh triệt thoái Cao nguyên: Chủ lực quân rút, Địa phương quân ở lại...**

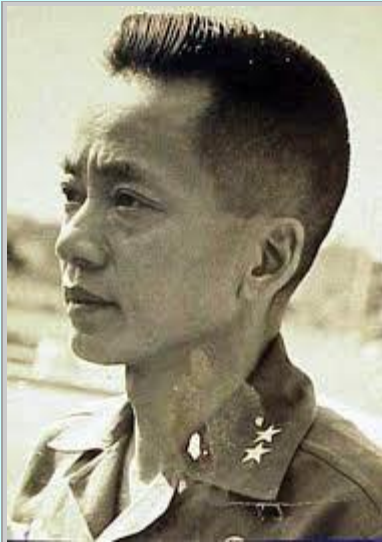
Trên đường trở lại Pleiku, Tướng Phú đã tâm sự với thiếu tá Phạm Huân-sĩ quan Báo chí của tư lệnh Quân đoàn 2, là trong buổi họp ông đã khẩn khoản xin Tổng thống Thiệu cho ông được tử thủ giữ Pleiku, nhưng đề nghị của ông đã không được chấp thuận. Một chi tiết đặc biệt đã được Tướng Phú kể lại cho Thiếu tá Phạm Huân với nội dung như sau: Trong cuộc họp, Tổng thống Thiệu căn dặn tướng Phú rằng lệnh triệt thoái là tối mật, từ cấp tỉnh trưởng/tiểu khu trưởng trở xuống không được biết, có nghĩa là các lực lượng Địa phương quân vẫn ở lại chiến đấu, vẫn tiếp tục làm việc với tỉnh trưởng, quận trưởng. Chỉ có toàn bộ chủ lực quân gồm Bộ binh, Pháo binh, Thiết giáp, Công binh, Không quân là phải triệt thoái.

Trước quyết định của Tổng thống Thiệu, Tướng Phú đã lo lắng và hỏi lại: Thưa Tổng thống, nếu Chủ lực quân, Thiết giáp, Pháo binh rút đi, làm sao Địa phương quân chống đỡ nổi khi Cộng quân đánh? Hơn 100 ngàn dân hai tỉnh Pleiku, Kontum, và gia đình anh em binh sĩ? Tổng thống Thiệu trả lời: Thì cho thăng Cộng sản số dân đó. Với tình hình nặng nề hiện tại, mình phải lo phòng thủ, giữ được những vùng dân cư đông đúc... màu mỡ hơn là bị kẹt quá nhiều quật trên vùng Cao nguyên! (Cuộc triệt thoái Cao nguyên, tác giả Phạm Huân, xuất bản 1987, dòng thứ 1 đến dòng thứ 6, trang 86).

Về phần Đại tướng Cao Văn Viên, khi về đến Sài Gòn, ông đã chomời Chuẩn tướng Trần Đình Thọ, Trưởng phòng 3 bộ Tổng Tham Mưu (TTM) và báo cho vị trưởng phòng này về các chi tiết đã được bàn trong buổi họp tại Cam Ranh. Tham mưu trưởng Bộ TTM là trung tướng Đồng Văn Khuyên lúc ấy đang công tác ở ngoại quốc. Cuộc hành quân cũng được giữ bí mật tối đa do chính Tổng thống ra lệnh trực tiếp cho viên tư lệnh chiến trường nên Bộ TTM không được quyền ra lệnh làm gì hết, kể cả việc tái phối trí các đơn vị Không quân và lực lượng tăng phái cho Quân đoàn 2 tại Pleiku và Kontum.

Vào thời gian này, tại vùng Kontum và Pleiku chỉ còn 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 44 thuộc Sư đoàn 23 BB, 5 Liên đoàn Biệt Động Quân QK 2, thiết đoàn 21 M 48, hai tiểu đoàn pháo binh 175 mm và các đơn vị yểm trợ như Liên đoàn 20 Công Binh Chiến Đấu, Liên đoàn 231 Yểm trợ Tiếp Vận, kho đạn của Không quân và Lục quân với khoảng 20 ngàn tấn đạn, kho tồn trữ nhiên liệu với trữ lượng dùng trong 45 ngày và nhu yếu phẩm và thực phẩm đủ dùng trong hai tháng. Nhiệm vụ của Tướng Phú là làm sao đưa hết được các đơn vị và tiếp phẩm này về Nha Trang và để từ đó mở cuộc phản công tái chiếm lại Ban Mê Thuột.

*** Cuộc họp của Thiếu tướng Phú về kế hoạch rút quân:**



Theo lời ban tham mưu của Tướng Phú kể lại, vào lúc 5 giờ 10 chiều ngày 14 tháng 3/1975, khi vừa từ Cam Ranh trở về, Tướng Phú triệu tập một cuộc họp khẩn cấp tại chiếc bunker của ông, với thành phần tham dự gồm có: Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm, Phó tá Hành quân; Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân, Đại tá Phạm Duy Tất, Chỉ huy trưởng Biệt động quân Quân khu 1 (gồm 5 liên đoàn Biệt động quân), Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn 2 & Quân khu 2. Mở đầu cuộc họp đặc biệt này, tướng Phú đã thừa lệnh Tổng thống VNCH gán cấp Chuẩn tướng cho Đại tá Phạm Duy Tất. Ngay sau đó, ông trình bày tóm tắt nội dung cuộc họp tại Cam Ranh và chỉ định chuẩn tướng Trần Văn Cẩm và tân Chuẩn tướng Phạm Duy Tất chỉ huy tổng quát cuộc rút quân khỏi Cao nguyên.

Kế hoạch cuộc chuyển quân được phổ biến khẩn trương: Tướng Phú và Bộ tư lệnh nhẹ sẽ đi Nha Trang trước bằng trực thăng. Chuẩn tướng Tất chỉ huy toàn bộ các đơn vị tham gia cuộc triệt thoái từ Kontum và Pleiku về Tuy Hòa theo tỉnh lộ 7 B. Đại tá Lê Khắc Lý được giao trách nhiệm điều động bộ tham mưu quân đoàn và các đơn vị yểm trợ. Toàn bộ cuộc hành quân đặt dưới sự giám sát của chuẩn tướng Trần Văn Cẩm.

Theo kế hoạch do Tướng Phú đề ra, Liên đoàn 20 Công binh chiến đấu sẽ cho một đơn vị đi đầu để làm thành phần tiên phong có nhiệm vụ sửa chữa cầu cống, đường sá khi cần thiết. Các đơn vị thiết giáp được giao nhiệm vụ yểm trợ đoàn xe vận tải. Các đơn vị Địa phương quân và Nghĩa quân trong khu vực đoàn quân đi qua chịu trách nhiệm an ninh trực lộ. Đi cuối cùng là hai Liên đoàn Biệt động quân và 1 đơn vị thiết giáp. Các đơn vị cuối cùng này sẽ rời Pleiku vào ngày 19/3/1975.

Do cuộc chuyển quân rầm rộ với nhiều đơn vị và hàng trăm xe vận tải cùng nhiều quân cụ nặng nên thời gian chuẩn bị phải mất hết 4 ngày liên tiếp, bắt đầu từ ngày 16 tháng 3/1975.

Sau khi họp với các đơn vị trưởng, sáng ngày 15 tháng 3, Thiếu tướng Phú cùng với một số sĩ quan được chọn lựa trong ban tham mưu bay về Nha Trang để tái tổ chức lại bộ tư lệnh Quân đoàn ở đây. Cũng trong ngày này, Chuẩn tướng Cẩm và vài sĩ quan thân cận bay đi Tuy Hòa để chuẩn bị đón đoàn quân di chuyển từ Pleiku về. Cũng trong ngày này, đã có một số quân xa bắt đầu rời Pleiku theo các toán nhỏ. Như đã trình bày ở trên, từ khi có cuộc tái phối trí được nêu ra trong cuộc họp cho đến khi bắt đầu thực hiện, tất cả đều tiến hành một cách bí mật, không một lời nào được tiết lộ, kể cả không cho các tỉnh trưởng của hai tỉnh Kontum và Pleiku biết.

Tỉnh trưởng Pleiku nhờ ở gần bộ Tư lệnh nên được biết trước, còn tỉnh trưởng Kontum thì đến phút chót mới biết được và ông đã tháp tùng theo đoàn quân, nhưng giữa đường thì bị CQ bắn chết.

Ngày 16 tháng 3, đoàn xe đầu tiên của Quân đoàn 2 khởi hành rời khỏi thị xã Pleiku như đã trù liệu. Nhưng khi chiếc xe cuối cùng vừa rời khỏi bến thì tin này được dân chúng biết. Vậy là mọi người vội vàng bỏ thành phố bằng bất cứ phương tiện nào sẵn có, ngay cả chạy bộ, và mang theo bất cứ thứ gì có thể mang theo được. Sau đó đoàn người từ Kontum cũng nhập vào thành một đoàn người cả quân lẫn dân kéo dài dọc theo liên tỉnh lộ 7B đầy nguy hiểm. Cuộc chuyển quân của Quân đoàn 2 khỏi Pleiku bắt đầu...



Ngày 16-3-1975: Quân Đoàn 2 Triệt Thoái Khỏi Cao Nguyên *Vương Hồng Anh*

* Ngày 16/3/1975: Chuẩn tướng Phạm Duy Tất tổng chỉ huy cuộc triệt thoái của Quân đoàn 2 khỏi Cao nguyên.

Ngày 16/3/1975, thi hành quân lệnh của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu đã ban ra tại cuộc họp lịch sử ở Cam Ranh ngày 14-3-1975, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2, đã cho lệnh triệt thoái toàn bộ lực lượng Quân đoàn 2 khỏi 2 tỉnh Pleiku và Kontum của Cao nguyên Trung phần.

Theo phân nhiệm của Thiếu tướng Phạm Văn Phú, tân Chuẩn tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy trưởng Biệt động quân Quân khu 2, được ủy nhiệm tổng chỉ huy toàn bộ các đơn vị triệt thoái.

(Trước đó, vào sáng ngày 15 tháng 3, Thiếu tướng Phú cùng với một số sĩ quan trong Bộ Tư lệnh bay về Nha Trang để tái tổ chức lại Bộ tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2 ở đây. Cũng trong ngày này, Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân Tư lệnh Quân đoàn 2 và vài sĩ quan thân cận bay đi Tuy Hòa để chuẩn bị đón đoàn quân triệt thoái từ Pleiku và Kontum về).

Theo lịch trình triệt thoái khỏi Cao nguyên, ngày 16 tháng 3/1975, một số đơn vị tiếp vận, Pháo binh, Công binh của Quân đoàn 2 di chuyển trên 200 quân xa, với sự yểm trợ của một đơn vị Thiết Giáp, đã khởi hành ra khỏi thị xã Pleiku, đây là lực lượng đi đầu của của đoàn quân triệt thoái.

Sau thành phần đi đầu, lịch triệt thoái của các ngày kế tiếp như sau: vào ngày 17-3. các đơn vị Công



binh, Pháo binh còn lại cùng Quân y với trên 250 xe sẽ di chuyển vào ngày 17/3/1975 và cũng do Thiết giáp tháp tùng bảo vệ. Ngày 18/3/1975: Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2, đơn vị Quân cảnh, một phần của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, cùng khoảng 200 quân nhân của Trung đoàn 44 Bộ binh triệt thoái, và cũng được Thiết giáp đi theo bảo vệ. Ngày 19/3/1975: lực lượng đoạn hậu gồm có Biệt động quân và đơn vị thiết giáp cuối cùng.

Theo lộ trình, đoàn quân sẽ từ Pleiku di chuyển về phía Nam của Quốc lộ 14 để đến giao điểm QL 14 và Liên tỉnh lộ 7 cách thị xã Pleiku khoảng 33 km đường chim bay về phía Nam, từ giao lộ này đoàn quân sẽ tiếp tục di chuyển dọc theo liên tỉnh lộ 7 B về hướng Đông Nam, xuyên qua tỉnh lỵ Phú Bổn để về Tuy Hòa.

* Tổng tham mưu trưởng Cao Văn Viên phân tích về liên tỉnh lộ 7B và cuộc rút quân của Quân đoàn 2.

Trong phần trình bày về cuộc họp tại Cam Ranh, VB đã lược

trình về quyết định của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu ra quân lệnh cho Thiếu tướng Phạm Văn Phú triệt thoái Quân đoàn 2 khỏi Cao nguyên. Sau đây là những ghi nhận chi tiết về quân lệnh này.

Tại cuộc họp Cam Ranh, khi nghe Thiếu tướng Phú chọn Liên tỉnh lộ 7B làm trục lộ rút quân, Đại tướng Cao Văn Viên không đồng ý, vị Tổng tham mưu trưởng Quân lực VNCH cho rằng đưa một quân đoàn di chuyển trên một đoạn đường dài hơn 250 cây số mà không nắm rõ tình hình an ninh lộ trình là “quá sức liều lĩnh”, tuy nhiên cuối cùng Đại tướng Viên cũng không tìm ra được một trục lộ nên kế hoạch của Thiếu tướng Phú đã được Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu và Hội đồng Quốc gia chấp thuận.

Nhận định về địa hình liên tỉnh lộ 7 B, Đại tướng Cao Văn Viên phân tích rằng ngoài trừ khúc từ Quốc lộ 14 đi Hậu Bồn còn dùng được, đoạn còn lại không biết tình hình giao thông như thế nào. Tuy nhiên, có một điều mà Quân đoàn 2 biết trước là cầu bắc qua sông Ba về phía nam Củng Sơn đã bị phá hủy hoàn toàn, không thể sửa chữa được, và đoạn đường chót đến phía tây Tuy Hòa thì những vào năm trước 1973, lực lượng Đại Hàn hoạt động tại đây đã gài mìn dày đặc.

Trong khi Đại tướng Viên lo ngại về lộ trình rút quân, thì Thiếu tướng Phú lại tin tưởng về kế hoạch chuyển quân theo Liên tỉnh lộ 7B. Đây là con đường đá từ quốc lộ 14 đi Hậu Bồn (có đèo Cheo Reo) về Tuy Hòa sát biển. Đường này rất ghồ ghề, đá lởm chởm và bị bỏ lâu không dùng đến. Giải thích về sự chọn lựa này, Thiếu tướng Phú trình bày rằng yếu tố bất ngờ đã khiến ông có dự tính như thế.

Thiếu tướng Phú chỉ yêu cầu Bộ Tổng tham mưu cung cấp phương tiện cầu nổi để qua sông mà thôi. Với quyền hạn của một Tổng tham mưu trưởng, Đại tướng Viên chấp thuận ngay lời yêu cầu của Thiếu tướng Phú.

Nhận định về quyết định của Tổng thống Thiệu và kế hoạch chuyển quân của Thiếu tướng Phú, Đại tướng Viên cho rằng “đưa một lực lượng cỡ quân đoàn với đầy đủ quân cụ, quân xa và nhiều thứ khác trên một đoạn đường dài hơn 250 cây số qua núi cao và rừng già trên vùng Cao nguyên mà không biết tình hình an ninh con đường đó ra sao quả là một việc quá sức liều lĩnh. Có tạo được yếu tố bất ngờ hay không là do khả năng di chuyển nhanh gọn. Nhưng là một người chỉ huy sáng suốt thì lúc nào cũng phải có sự cẩn trọng trước tình trạng là địch đang có mặt hầu như cùng khắp tại khu vực đó”.

Cũng trong buổi họp tại Cam Ranh, Đại tướng Viên đã nhắc nhở Thiếu tướng Phú về những khó khăn và nguy hiểm sắp đến, cũng như biện pháp an ninh cần chuẩn bị. Đại tướng Viên cũng đã đề cập đến sự thất bại của quân Pháp khi muốn rút quân từ Lạng Sơn về đồng bằng trong năm 1947. Ông cũng nhắc đến hai cuộc chuyển quân của hai binh đoàn Pháp trước năm 1954, theo đó một binh đoàn từ Thất Khê lên hướng Bắc và một binh đoàn từ Cao Bằng di chuyển về hướng Nam, tất cả đều bị đánh tan nát tại chân núi xung quanh Đông Khê, dọc theo Quốc lộ Thuộc Địa số 4. Về địa thế và con đường mà Thiếu tướng Phú chọn để di chuyển quân đoàn 2 thì vào tháng 6/ 1954, Lực lượng Cơ động 100 nổi tiếng của quân đội Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương đã bị thăm sát trên Quốc lộ 19 gần An Khê và số sống sót còn lại cũng bị tiêu diệt tại Đèo Chu-Drek trên Quốc lộ 14. Theo Đại tướng Viên, đó là “những bài học máu xương và thảm khốc nhất mà bất cứ vị chỉ huy nào cũng phải biết rõ vì địa thế hiểm trở của vùng Cao nguyên là vậy”.

Về tình hình Ban Mê Thuột sau khi thất thủ vào ngày 11/3/1975, Đại tướng Viên cho biết thêm: tại cuộc họp ở Cam Ranh, Tổng thống Thiệu chỉ hỏi một câu quan trọng nhất liên quan đến số phận của

Ban Mê Thuật, đó là Thiếu tướng Phú có thể chiếm lại Ban Mê Thuật không. Những người tham dự đều biết trước là Thiếu tướng Phú không khẳng định được điều này nên không có câu trả lời dứt khoát. Thiếu tướng Phú chỉ yêu cầu tăng thêm viện binh. Quay sang Đại tướng Viên, Tổng thống Thiệu hỏi xem còn lực lượng nào có thể tập trung đưa lên giải vây không. Hỏi vậy nhưng chắc chắn ông biết rõ câu trả lời. Đại tướng Viên cho biết đơn vị cuối cùng là Liên đoàn 7 Biệt Động Quân đã được phái lên Vùng 2 theo yêu cầu của Thiếu tướng Phú. Lực lượng chủ chốt là Sư đoàn Nhảy Dù và Sư đoàn Thủy quân lục chiến thì đều ở Quân khu 1 từ năm 1972.

Theo lời Đại tướng Viên thì vào giờ phút nghiêm trọng như vậy mà Bộ Tổng Tham Mưu không thể nào tăng viện cho Quân khu 2 được. Tổng thống Thiệu hỏi như vậy là để cho mọi người cùng hiểu thực trạng của quân đội như thế nào, và biết được bước kế tiếp ông phải làm gì. Khi cuộc họp chấm dứt, thì Tướng Phú xin riêng với Tổng thống Thiệu bằng một giọng khẩn khoản rằng ông xin Tổng thống thăng cấp chuẩn tướng cho Đại tá Phạm Duy Tất, Chỉ huy trưởng Biệt động quân Quân khu 2. Kể lại sự việc này, Tướng Cao Viên ghi lại như sau: “Tôi không quen thân với Đại tá Tất nhưng được nghe ông là người có khả năng, nhưng làm tư lệnh chiến trường thì không có bằng chứng nào chứng minh ông ta có khả năng. Tôi liền phản đối ngay và nói rằng khi nào tái phối trí xong rồi mới nói đến. Tổng thống Thiệu tỏ ra do dự nhưng thấy tôi nói có lý nên không đồng ý việc thăng cấp. Thế nhưng, Thiếu tướng Phú khẩn khoản xin cho bằng được. Cuối cùng Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cũng đồng ý thăng cấp Chuẩn tướng cho Đại tá Phạm Duy Tất.



NGÀY 19-3-1975: TT Thiệu Họp Bàn Kế Hoạch Giữ Đà Nẵng *Vương Hồng Anh*

*** Cuộc họp mật ngày 19 tháng 3/1975 bàn về số phận 5 tỉnh miền Trung thuộc Quân khu 1.**

Sau 2 cuộc họp mật của Hội đồng An ninh Quốc gia tại Dinh Độc Lập vào các ngày 11 và 13 tháng 3/1975, vào ngày 19 tháng 3/1975, Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu lại mở cuộc họp đặc biệt để duyệt xét tình hình Quân khu 1. Cuộc họp bắt đầu 11 giờ, ngoài các nhân vật đã tham dự hai cuộc họp trước (Tổng thống Thiệu, Thủ tướng Khiêm, Đại tướng Cao Văn Viên, Trung tướng Đặng Văn Quang), còn có Phó Tổng thống Trần Văn Hương tham dự. Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1, cũng được gọi về Sài Gòn để dự cuộc họp này.

Theo lệnh của Tổng thống được chuyển đến Tư lệnh Quân đoàn 1 trước đó, Tướng Trưởng trình bày về kế hoạch rút quân của Quân khu 1 tập trung về Đà Nẵng để bảo vệ thành phố trọng yếu này. Theo ghi nhận của Tướng Viên, kế hoạch của Tướng Trưởng rất chu đáo và được tiến hành theo hai phương cách: phương cách thứ nhất sử dụng Quốc lộ 1. Theo đó thì có lực lượng VNCH từ Huế và từ Chu Lai

cùng một lúc rút về Đà Nẵng. Phương cách thứ hai: nếu địch cắt Quốc lộ 1 thì sẽ rút quân về tập trung tại ba nơi khác nhau: Huế, Đà Nẵng, Chu Lai. Tuy nhiên Huế và Chu Lai chỉ là nơi tập trung tạm thời để sau đó các đơn vị được hải vận về Đà Nẵng, kết thúc cuộc bố trí giữ Đà Nẵng. Như vậy, Đà Nẵng sẽ trở thành ốc đảo trong lòng địch để cố thủ bằng 4 sư đoàn (Sư đoàn 1, 2, 3 Bộ binh, Sư đoàn Thủy quân Lục chiến) và 4 liên đoàn Biệt động quân.

Sáu giờ chiều ngày 19 tháng Ba, Trung tướng Trương trở lại Đà Nẵng. Khi phi cơ ông vừa hạ cánh, thì ông nhận được báo cáo khẩn cấp của Trung tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh phó Quân đoàn 1, gọi từ bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 1 ở Huế vào. Tướng Thi báo rằng đại bác 130 ly của địch đang nã vào bản doanh của ông và CQ đang tung đợt tấn công quy mô lớn bằng xe tăng để tìm cách vượt qua vòng đai phòng thủ của lực lượng VNCH tại sông Thạch Hãn.

*** Đại tướng Cao Văn Viên phân tích các quyết định của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu về vận mệnh VNCH**

Trước khi đưa ra những quyết định trong cuộc họp ngày 19 tháng 3/1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã 2 lần họp mật với Hội đồng An ninh Quốc gia để duyệt xét về tình hình tại Cao nguyên và miền Trung. Sau đây là những ghi nhận và phân tích của Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng Quân lực VNCH về những cuộc họp này.

Theo lời của Đại tướng Viên, một ngày sau khi Cộng quân tổng tấn công vào Ban Mê Thuột, sáng ngày 11 tháng Ba, 1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã mời Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc Phòng Trần Thiện Khiêm, Đại tướng Tổng tham mưu trưởng QL.VNCH Cao Văn Viên, Trung tướng Đặng Văn Quang, Phụ tá An ninh của Tổng thống, đến dinh Độc Lập để ăn sáng và họp. Sau khi ăn và uống cà phê xong, các nhân viên phục dịch đi hết, Tổng thống đã lấy ra một tấm bản đồ có tỷ lệ nhỏ của Việt Nam Cộng Hòa và bắt đầu nói đến tình hình quân sự ở mỗi nơi. Sau đó, Tổng thống nói thật rằng “tính ra thực lực của chúng ta thì không thể nào giữ hết nổi lãnh thổ như ý chúng ta được. Vì vậy chúng ta cần phối trí lực lượng lại để phòng thủ những nơi nào đông dân cư mà thôi và tăng cường bảo vệ những nơi nào hiểm yếu.”

Nhắc lại quyết định của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Đại tướng Viên đã ghi lại trong hồi ký như sau: “Kết luận này làm chúng tôi ngạc nhiên vì nói như vậy tức là ông đã cân nhắc rất kỹ lưỡng. Dường như ông chưa muốn công bố quyết định này nên tỏ ý rằng chỉ cho ba chúng tôi tham dự bữa ăn sáng này biết trước. Tổng thống Thiệu đã vạch ra một bản đồ ghi những vị trí quan trọng. Đa số các vị trí này đều nằm quanh Quân khu 3 và 4 cùng với hải phận của hai quân khu này. Chỉ một vài nơi quan trọng mà hiện lúc ấy đang bị Cộng sản chiếm và như vậy Quân đội VNCH phải ra sức tái chiếm lấy bằng mọi giá. Sau cùng, lãnh thổ mà Quân đội VNCH sẽ giữ gồm những nơi vừa lúa, đồn điền cao su, khu kỹ nghệ, v.v. Chính phủ cần giữ những nơi trù phú và đông dân đó. Thêm nữa, ngoài thêm lục địa vừa mới khám phá có dầu, và chính phủ xem đó là những vùng yết hầu bất khả xâm phạm, nơi cần giữ vững nhất là Sài Gòn, các tỉnh phụ cận và vùng châu thổ sông Cửu Long.”

Tổng thống Thiệu đã nói nhiều về kế hoạch tái phối trí vùng địa lý chánh trị, nhưng khi đề cập đến Quân khu 1 và Quân khu 2 thì Tổng thống không còn vẻ khẳng khái. Còn Cao nguyên Trung phần thì Tổng thống vừa nói, vừa dùng tay chỉ vào khu vực Ban Mê Thuột, quan niệm rằng đó là nơi quan trọng hơn Pleiku và Kontum gộp lại vì vị trí kinh tế và dân số. Những tỉnh dọc duyên hải Quân khu 2 cũng quan trọng không kém vì các tỉnh này có thêm lục địa nhiều tiềm năng khai thác. Còn đối với Quân khu 1 thì ông chủ trương giữ vững những gì giữ được. Tại đây, Tổng thống phác họa một kế hoạch nhiều giai đoạn đánh dấu bằng đường ranh cắt bỏ dần để rút xuống phía Nam. Tổng thống nói: “Nếu chúng ta đủ sức, thì sẽ giữ đến Huế hay Đà Nẵng. Nếu không thì rút về và giữ từ Chu Lai hoặc

từ Tuy Hòa trở vào.” Tổng thống nhân mệnh: “Làm như vậy chúng ta mới tái phối trí được khả năng mình, giữ vững được các yếu điểm của lãnh thổ một cách hữu hiệu và mới có cơ may phát triển đất nước giàu mạnh được.” Cứ như vậy, Tổng thống Thiệu nói hết ý định của mình, và cũng kể như quyết định quan trọng. Thế nhưng dụng ý của toàn bộ kế hoạch thì chưa rõ, nhưng chắc chắn sẽ tạo ra nhiều vấn đề, nhất là về phương diện quân sự.

Với tư cách một Tổng Tham mưu trưởng, Đại tướng Viên cảm thấy có bổn phận phải lên tiếng. Sau đây là ý kiến của Đại tướng Viên: *“Tôi (Đại tướng Viên) nói rằng khi tái phối trí thì quả thật có hiệu quả phòng thủ tuy hệ quả của nó không thể tránh khỏi, và tôi cũng đã từng nghĩ đến tình trạng này từ lâu. Tuy nhiên tôi chưa nói ra vì chưa phải lúc. Trước hết, tái phối trí là trái với chủ trương duy trì chính sách Quốc gia, và thứ hai tôi đưa ra đề nghị đó thì có thể bị nghĩ là có óc chủ bại. Duy có điều tôi nhân mệnh đến một sự tái phối trí lúc này đã quá trễ và không chắc thành công được. Ngoài ra tôi không cho rằng quyết định này của Tổng thống sẽ loại trừ được bất cứ chỉ trích không có lợi nào. Dù sao, với tư cách Tổng tư lệnh Quân đội, Tổng thống có toàn quyền và trách nhiệm để đưa ra mọi quyết định ứng phó với cuộc chiến. Chắc ông đã nắm vững những gì ông đang làm chứ.”*

Nhận xét về quyết định của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Đại tướng Viên phân tích: *“Cho dù quyết định này có đi sai chính sách Quốc gia hiện hành đến cách mấy, bản thân quyết định đó vẫn hợp lý mà một nhà lãnh đạo có thể làm được. Đã hai năm kể từ ngày Hiệp định Ba Lê được ký kết, tình hình cứ suy sụp đến mức báo động. Chỉ có thể phê bình Tổng thống là ở điểm tại sao ông đợi lâu đến như vậy mới đưa ra quyết định. Trong cuộc họp, ông không hề giải thích hay có hướng dẫn nào về những bước cần thiết khi ông quyết định như vậy. Đường như quyết định do thực tế bên ngoài đưa tới.”*

Cũng theo lời Đại tướng Viên, sau khi Ban Mê Thuột thất thủ, ngày 13 tháng 3/1975, Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu đã chủ tọa một cuộc họp tại Dinh Độc Lập để duyệt xét kế hoạch tái phối trí lực lượng tại Quân khu 1. Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn 1 & Quân khu 1, được gọi về Sài Gòn để tham dự cuộc họp này. Trong buổi họp, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu phân tích tình hình chung của đất nước, nêu ra những khó khăn mà chính phủ đang gặp phải khi thiếu nguồn quân viện. Tổng thống không hy vọng Không quân Hoa Kỳ sẽ can thiệp trong trường hợp Việt Nam Cộng Hòa bị tổng tấn công. Tổng thống nhân mệnh rằng trước tình hình như vậy thì chỉ còn một cách duy nhất là thay đổi chiến lược để giữ vững những nơi hiểm yếu có nhiều tài nguyên quốc gia. Tại Quân khu 1, khu vực trù phú cần phải giữ là Đà Nẵng. Chi tiết mà Đại tướng Viên nêu ra khác với lời kể của Trung tướng Trưởng với báo chí (sau 1975) như sau: *trong cuộc họp ngày 13/3/1975, Tổng thống Thiệu ra lệnh cho Tướng Trưởng rút toàn bộ Quân đoàn 1 khỏi Quân khu 1 và rút về Phú Yên, VNCH thu gọn từ Phú Yên đến Hà Tiên.*

Đại tướng Viên cho biết: sau khi nhận chỉ thị của Tổng thống, Trung tướng Trưởng trở về Đà Nẵng ngay trong ngày. Suốt trong 6 ngày tiếp theo, dù tình hình Quân khu 1 trở nên rất đáng ngại, thế nhưng Trung tướng Trưởng vẫn muốn giữ Huế và một số vị trí trọng yếu tại Quân khu 1. Sau khi suy nghĩ và phân tích tình hình, Tướng Trưởng đã gọi điện thoại theo đường dây đặc biệt trình bày ý kiến với Đại tướng Viên nhờ xin với Tổng thống cho ông được tận dụng mọi cách để giữ Huế và Vùng 1. Cuối cùng Tổng Thống chấp thuận. Được sự đồng ý của Tổng thống, Trung tướng Trưởng bay ra Huế họp với Trung tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn, về kế hoạch phòng thủ Huế. Tướng Trưởng ra lệnh phải giữ Huế thật vững. Thế nhưng chiều hôm đó, khi trở lại Đà Nẵng, Tướng Trưởng nhận được mật lệnh do Đại tướng Viên ký thừa lệnh Tổng thống là phải bỏ Huế.

NGÀY 23-3-1975: Quốc Lộ 1 Đoạn Huế-Đà Nẵng Bị Cắt Đứt

*** Cộng quân cắt đứt Quốc lộ 1, đoạn đường từ Huế đi Đà Nẵng.**

Ngày 23 tháng 3/1975, tình hình tại chiến trường Thừa Thiên trở nên nghiêm trọng sau những trận tấn công của Cộng quân trong 2 ngày 21 và 22 trên Quốc lộ 1, đoạn đường Huế-Đà Nẵng đi ngang địa phận Quận Phú Lộc, quận ở cực Nam Thừa Thiên, gồm những xã có địa hình dọc theo Quốc lộ 1. Kịch chiến đã diễn ra giữa Cộng quân và Trung đoàn 1/Sư đoàn 1 Bộ binh được tăng cường Liên đoàn 15 Biệt động quân. Khi trận chiến vừa xảy ra, lực lượng Bộ binh và Biệt động quân nỗ lực giải tỏa áp lực của địch quân. Với sự yểm trợ tối đa của Pháo binh và Không quân VNCH, các đơn vị Cộng quân bị đẩy lùi ra khỏi một số vị trí trong một thời gian ngắn, sau đó Cộng quân lại tăng cường lực lượng và tổ chức các đợt tấn công cường tập vào vị trí của Trung đoàn 1 Bộ binh và Liên đoàn 15 Biệt động quân.. Đến 2 giờ chiều, Liên đoàn 15 Biệt động quân và Trung đoàn 1 Bộ binh đã phải rút lui để bảo toàn lực lượng.

Ngày 23 tháng 3/1975, Sư đoàn 1 Bộ binh điều động lực lượng phản công nhưng Cộng quân đã lập các chốt chặn tại Đá Bạc, và bám giữ các vị trí trọng yếu trên Quốc lộ 1, để cắt đứt trục lộ vận chuyển của các đơn vị VNCH từ Huế vào Đà Nẵng.

Cũng trong ngày 23 tháng 3/1975, CQ đã pháo kích vào một số vị trí trong thành phố Huế và vòng đai phụ cận. Các đợt pháo kích tiếp diễn suốt ngày nhưng không có hiệu quả, các quả pháo không rơi trúng vào các vị trí quân sự. Tuy nhiên, tinh thần dân chúng càng hết hoảng hơn và thành phố Huế bắt đầu hỗn loạn.

*** Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 Ngô Quang Trưởng duyệt xét tình hình Huế**



Trong ngày 23/3/1975, theo ghi nhận của Đại tướng Cao Văn Viên, trước tình hình chiến sự diễn biến bất ngờ, và Quốc lộ 1 không thể khai thông được, Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 cho lệnh rút lực lượng VNCH tại chiến trường Thừa Thiên về lập phòng tuyến tạm thời tại Huế. Cũng trong ngày này, tàu Hải quân được tăng cường để đón dân tị nạn cùng thân nhân gia đình binh sĩ vào Đà Nẵng.

Chiều 23 tháng 3/1975, Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn 1, gọi Chuẩn tướng Nguyễn Văn Điem, Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh, vào Đà Nẵng để duyệt xét lại tình hình phòng thủ Huế. Tướng Điem đã báo cho Trung tướng Trưởng biết là Sư đoàn 1 Bộ binh đang đối đầu với 3 sư đoàn chủ lực và 1 sư đoàn pháo của Cộng quân.

***Từ phòng tuyến Thạch Hãn đến phòng tuyến Huế.**

Như đã trình bày, suốt đêm 19 và rạng sáng ngày 20 tháng 3/1975, tất cả lực lượng phòng thủ dọc theo bờ nam sông Thạch Hãn (tỉnh Quảng Trị) kể cả Liên đoàn Địa phương quân, 1 tiểu đoàn Biệt động quân và vài chi đoàn Thiết giáp đã rút về phòng ngự phía Nam sông Mỹ Chánh. Về phòng tuyến Thạch Hãn, trong hơn hai năm, kể từ khi có Hiệp định ngưng bắn Paris ký ngày 27/1/1973, sông Thạch Hãn được xem như là “ranh giới” của lực lượng quân sự hai bên. Tại đây, có trạm hoạt động của Ủy hội Quốc tế và là nơi được chọn để trao đổi tù binh.

Trước khi Cộng quân tấn công phòng tuyến Thạch Hãn, vào 6 giờ chiều ngày 19/3/1975, Trung tướng Trương từ Sài Gòn trở lại Đà Nẵng sau cuộc họp tại Dinh Độc Lập. Khi phi cơ chở ông vừa hạ cánh, thì ông nhận được báo cáo khẩn cấp của Trung tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh phó Quân đoàn 1, gọi từ Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 1 ở Huế vào. Trung tướng Thi báo rằng đại bác 130 ly của địch đang pháo kích vào bản doanh của ông và CQ đang tung đợt tấn công quy mô lớn bằng xe tăng để tìm cách vượt qua vòng đai phòng thủ của lực lượng VNCH tại sông Thạch Hãn. Nhận được khẩn báo của Trung tướng Thi, Trung tướng Trương liền báo cáo cho Đại tướng Viên và yêu cầu cho Quân đoàn 1 được giữ lại Lữ đoàn 1 Dù, đang có mặt tại Đà Nẵng chuẩn bị về Sài Gòn. Đại tướng Viên báo lại cho Tổng thống Thiệu. Là Tổng tư lệnh tối cao của Quân lực VNCH, Tổng thống Thiệu chấp thuận yêu cầu này với điều kiện: Lữ đoàn Dù được ở lại nhưng Quân đoàn 1 không được sử dụng để tung vào chiến trận. Theo phân tích của Đại tướng Viên, thì khi quyết định cho Lữ đoàn 1 Nhảy Dù ở lại Đà Nẵng, Tổng thống Thiệu muốn tạo niềm tin cho dân chúng và giữ vững tinh thần chiến đấu của các đơn vị khác. (Trong phiên họp tại Dinh Độc Lập vào ngày 13/3/1975, Tổng thống Thiệu ra lệnh cho Trung tướng Trương phải bỏ Huế. Trước đó vào ngày 12/3/1975, theo kế hoạch mới của Trung tướng Trương, Sư đoàn Thủy quân Lục chiến đang hoạt động tại phía Đông Quảng Trị sẽ thay Sư đoàn Nhảy Dù làm lực lượng phản ứng cấp thời tại Vùng 1. Liên đoàn 14 Biệt động quân được điều động ra Quảng Trị chuẩn bị thay dần Thủy quân Lục chiến).

Sáng ngày 20 tháng 3/1975, Trung tướng Trương bay ra Bộ Tư lệnh Tiền phương của Sư đoàn Thủy quân Lục chiến cách Mỹ Chánh, thị trấn ở phía Nam tỉnh Quảng Trị, khoảng 8 km. Tại đây Trung tướng Trương đã gặp các chỉ huy của các đơn vị trong khu vực, cùng họ duyệt lại tình hình và bàn kế hoạch phòng thủ Huế, theo quân lệnh mới nhất của Tổng thống Thiệu là phải phòng thủ Huế với bất cứ giá nào, khác với chỉ thị trước đó một ngày là phải bỏ Huế.

Trước ngày 21/3/1975, tình hình tại khu vực phía Nam sông Mỹ Chánh và khu vực phụ cận Huế chưa đến nỗi quá xấu. Các đơn vị chủ lực quân và diện địa vẫn còn nguyên vẹn, kỷ luật nghiêm minh và tinh thần chiến đấu cao. Việc mất Quảng Trị tuy có ảnh hưởng phần nào nhưng không làm cho tinh thần quân sĩ nao núng. Dù sao thì dân chúng đã bỏ đi trước đó do đó không gây trở ngại cho các đơn vị khi giao tranh với Cộng quân. Hơn nữa với 1 Lữ đoàn Thủy quân lục ứng chiến tại phía Nam sông Mỹ Chánh và 2 Lữ đoàn Thủy quân lục chiến đang là lực lượng tổng trừ bị tại Đà Nẵng thì Quân khu 1 vẫn có các lực lượng nòng cốt để tăng viện khi chiến trường sôi động. Sau buổi họp, các cấp chỉ huy đều bày tỏ sự quyết tâm giữ vững Huế.

Trên đường trở về Đà Nẵng, Tướng Trương đã ghé vào bộ Tư lệnh Tiền phương của Quân đoàn 1 tại Mang Cá, Huế. Sau đó, ông cùng Tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh phó Quân đoàn 1, đi một vòng thanh tra các hệ thống phòng thủ trong thành phố Huế. Tinh thần tướng Trương lúc đó rất phấn chấn vì sự bố phòng bảo vệ Huế rất vững vàng. Đến 1 giờ 30 trưa, Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu lên tiếng trên đài phát thanh Sài Gòn và được đài Huế tiếp vận. Ông hứa với dân chúng, đặc biệt với dân chúng trong thành phố Huế, rằng quân đội VNCH sẽ bảo vệ Huế bằng mọi giá. Sự việc Tổng thống Thiệu lên tiếng trên đài phát thanh là điều mà theo Tướng Trương nghĩ, tuy muộn màng, nhưng cũng rất cần thiết.

Đặt chân xuống Đà Nẵng vào chiều tối, Trung tướng Ngô Quang Trưởng nhận được một công điện ghi "Mật". Đây là lệnh của Tổng thống VNCH do Bộ Tổng Tham Mưu chuyển đến. Theo phân tích của Đại tướng Cao Văn Viên, thì ngược với những gì đã tuyên bố trên Đài phát thanh, nay Tổng thống cho vị Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 được "tự do hành động". Vì không thể nào phòng thủ

nổi ba căn cứ Huế, Đà Nẵng, Chu Lai cùng một lúc, nên Tổng thống khuyên Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 tùy nghi ứng phó và làm sao chỉ giữ một mình Đà Nẵng mà thôi.

NGÀY 25-3-1975: Lực Lượng Quân Khu 1 Rút Khỏi Huế

Vương Hồng Anh

*** Diễn tiến về kế hoạch rút quân khỏi Huế ngày 25 tháng 3/1975.**

Theo hồi ký của Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực VNCH, vào ngày 25 tháng 3/1975, tất cả các lực lượng của Quân đoàn 1/Quân khu 1 đều tập trung tại ba địa điểm: Đà Nẵng (gồm cả Hội An), phía Bắc thành phố Huế và phía Nam Chu Lai. Nhận định về cuộc rút quân của Quân đoàn 1/Quân khu 1, Đại tướng Viên ghi nhận rằng “hành trình cuộc rút về ba địa điểm này vô cùng gian khổ và đắt giá. Phần lớn binh sĩ đều rã rời. Đã bao lâu nay, họ chiến đấu hết trận này đến trận khác, hết năm này đến năm khác, nhưng chưa bao giờ họ cảm thấy nản lòng bằng giờ phút ấy. Hy vọng có bàn tay nào đó giúp đỡ để họ đánh chiếm lại những vùng đất bị lọt vào tay địch, để đủ sức đương cự với kẻ thù nay đã tan biến như chuyện đời xưa.”

Cũng theo ghi nhận của Đại tướng Cao Văn Viên, trong giờ phút nản lòng đó, thì một bức điện khác cũng của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu gửi đi cho Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1, trong đó, Tổng thống chỉ thị lực lượng tại 3 nơi tập trung này phải rút về Đà Nẵng để tổ chức phòng thủ bảo vệ thành phố trọng yếu này. Nhận được chỉ thị của Tổng thống, Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 ra lệnh cho Sư đoàn 1 Bộ binh và các đơn vị khác tại Huế phải rút về Đà Nẵng. Cùng lúc, Trung tướng Trưởng cho Sư đoàn 22 Bộ binh cùng với lực lượng Tiểu khu Quảng Ngãi, rút về đảo Ré, nằm ngoài khơi cách Chu Lai chừng 20 dặm.

Tại Huế, các đơn vị của Sư đoàn 1 Bộ binh phòng ngự ở phía Bắc và khu vực cận sơn ở phía Đông thành phố Huế đã được lệnh rời bỏ phòng tuyến và chuyển quân về gần Huế để cùng với Bộ Tư lệnh và các đơn vị yểm trợ rút quân khỏi chiến trường Trị Thiên. Trong khi đó, các tiểu đoàn Bộ binh và Biệt động quân đang án ngữ phòng tuyến dọc trên Quốc lộ 1 được lệnh di chuyển về bờ biển và tập trung tại các điểm hẹn để tàu Hải quân vào đón.

Theo kế hoạch tổng quát, Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 1 do Trung tướng Lâm Quang Thi chỉ huy sẽ chịu trách nhiệm điều động và kiểm soát cuộc rút quân này. Về phương tiện vận chuyển, Bộ Tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên hải do Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại làm tư lệnh có nhiệm vụ cung cấp tối đa tàu để chở tất cả các đơn vị thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh, Thủy quân Lục chiến, Biệt động quân và lực lượng quân sự của hai tiểu khu Thừa Thiên và Quảng Trị vào Đà Nẵng. Bộ chỉ huy Quân vận Quân khu 1 sẽ sử dụng LCU để đưa các đơn vị từ bờ ra tàu, Công binh sẽ lập những cầu phao tại các cửa sông để đoàn quân đi qua.

*** Những biến cố xảy ra trong hành trình rút quân.**

Theo ghi nhận của Thiếu tướng Bùi Thế Lân, Tư lệnh Sư đoàn Thủy Quân Lục chiến, do lệnh rút quân quá nhanh, các đơn vị không có thời gian chuẩn bị nên kế hoạch rút quân đã không thể thực hiện đúng theo thời biểu. Cũng theo lời Thiếu tướng Lân, khi Trung tướng Trưởng quyết định cho rút quân khỏi Thừa Thiên và thành phố Huế thì Thủy quân Lục chiến có Lữ đoàn 369 đang hoạt động tại chiến trường này. Bộ chỉ huy Lữ đoàn 369 đóng tại căn cứ Tân Mỹ ở cửa Thuận An, 2 tiểu đoàn đang phòng thủ tại phòng tuyến An Lỗ, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 17 km, tiểu đoàn thứ ba đang phòng thủ ở phía Bắc quận Hương Điền và ở phía Nam của sông Mỹ Chánh.

Trước tình hình đó, nhiều đơn vị đã tự tìm ra cách rút quân bằng phương tiện tự túc. Một đơn vị Thủy quân Lục chiến rút theo Quốc lộ 1 để vượt qua đèo Hải Vân vào Đà Nẵng đã bị Cộng quân phục kích chặn đánh và bị tổn thất nặng. Một số đại đội Thủy quân Lục chiến và bộ chỉ huy Lữ đoàn 369 do Đại tá Lương, Lữ đoàn trưởng chỉ huy, từ Thuận An đi bộ dọc theo bờ biển để về hướng Đà Nẵng. Trên đường đi, đoàn quân đã được LCU và tàu Hải quân vào đón. Trong khi đang đứng trên bờ để điều động quân sĩ lên tàu ở ngoài biển, Đại tá Lương đã bị thương ở chân.

Một tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến và một số đơn vị Bộ binh cũng rút theo đường biển nhưng khi đến phá Tam Giang ở cửa Tư Hiền thì gặp phải con sông chắn ngang quá rộng, trong khi phía bên kia sông đã bị Cộng quân chiếm giữ. Một số chiến binh quyết vượt qua sông nhưng đã bị tử thương do đạn Cộng quân bắn sang. Theo ước tính của Thiếu tướng Bùi Thế Lân, Tư lệnh Thủy quân Lục chiến, thì chỉ có một số nhỏ chiến binh Thủy Quân vào đến Đà Nẵng, số đông còn lại bị tử thương vì trúng đạn pháo kích hoặc bị kẹt lại ở Huế. Những người bị kẹt lại đã lập thành từng phân đội quyết tử với Cộng quân cho đến khi hết đạn.

Về cuộc chuyển quân bằng hải vận, Đại tướng Cao Văn Viên cho biết: trong ngày rút quân, biển động mạnh nên tàu Hải quân đến trễ. Cầu phao tại cửa sông cũng chưa hoàn tất kịp để sử dụng. Đến trưa thì thủy triều lên cao, không làm sao qua được. Cũng vào thời gian đó, Cộng quân biết có cuộc chuyển quân nên bắt đầu tập trung hỏa lực pháo binh bắn dồn dập vào các vị trí ẩn quân tại cửa Tư Hiền cùng tại nhiều điểm hẹn để tàu đến đón. Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 1 từ Mang Cá chuyển về đặt tại căn cứ Tân Mỹ cũng bị pháo kích nặng. Nhận định tổng quát về cuộc rút quân khỏi Huế, Đại tướng Cao Văn Viên ghi nhận rằng trong cuộc hành trình triệt thoái này, thì “kỷ luật không còn duy trì nổi. Do đó, chỉ có 1/3 số quân nhân về đến Đà Nẵng được. Nhưng khi về đến Đà Nẵng, thì họ tự động bỏ hàng ngũ đi tìm gia đình và thân nhân. Chỉ còn Thủy quân Lục chiến là giữ được trọn vẹn tình hình.” Về đoàn quân của Sư đoàn 1 Bộ binh, các tiểu đoàn của các Trung đoàn 1, 3, 51 và 54 Bộ binh và các đơn vị thông thuộc như Thiết giáp, Pháo binh, cũng lâm vào tình cảnh như Lữ đoàn 369 TQLC. Một số được tàu Hải quân chở, một số khác mở đường máu ven theo quốc lộ 1 và hoặc ven theo biển phần lớn đã hy sinh ngay trên đường rút quân

*** Sư đoàn 1 Bộ Binh vĩnh biệt chiến trường Quảng Trị-Thừa Thiên.**

Trở lại với tình hình Sư đoàn 1 Bộ binh, một trung tá trưởng phòng của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh (không muốn nêu tên) đã kể lại diễn tiến những giờ phút cuối tại Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh ở trong căn cứ Giạ Lê. Vị trung tá này nói ông không thể nào quên được buổi họp cuối cùng để nghe Chuẩn tướng Nguyễn Văn Điem, Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh, phổ biến lệnh rút quân. Từ vị tư lệnh phó, tham mưu trưởng cho các sĩ quan trưởng phòng, trưởng ban tham mưu như chết lặng khi nghe Thiếu tướng Điem nói: Sư đoàn 1 Bộ binh có lệnh phải rút khỏi Huế. Và chỉ gần một giờ sau, cảnh tượng đó cũng đã diễn ra tại các bộ chỉ huy trung đoàn, tiểu đoàn bộ binh, Thiết đoàn Kỵ binh và các tiểu đoàn yểm trợ.

Là một đại đơn vị đầu lòng của Quân lực VNCH, thành lập ngày 1 tháng 1/1955 trên sự qui hợp 3 Liên đoàn chiến thuật lưu động, Sư đoàn 1 Bộ Binh với danh hiệu đầu tiên là Sư đoàn 1 Dã chiến rồi đổi thành Sư đoàn 1 Bộ binh từ 1959, trong hơn 20 năm từ ngày thành lập cho đến ngày được lệnh rút quân khỏi chiến trường Trị Thiên, Sư đoàn 1 Bộ binh là Sư đoàn Bộ binh đầu tiên mà tất cả quân nhân thuộc Sư đoàn được mang giây biểu chương Bảo Quốc Huân Chương màu tam hợp. Suốt 20 năm trấn giữ tuyến đầu của Việt Nam Cộng Hòa, Sư đoàn 1 Bộ Binh là hình ảnh của sự bảo bọc, gìn giữ Huế trong suốt những năm dài lửa đạn.

NGÀY 26-3-1975: Mỹ Cử Đặc Sứ Đến SG Quan Sát Tình Hình

Vương Hồng Anh

***Đại tướng Weyand, Tham mưu trưởng Lục quân, Đặc sứ của Chính phủ Mỹ, đến Sài Gòn họp bàn tình hình chiến sự**

Ngày 26 tháng 3/1975, sau khi lực lượng VNCH triệt thoái khỏi Kontum, Pleiku, Phú Bổn (Quân khu 2), các sư đoàn chủ lực của CSBV gây áp lực nặng quanh vòng đai Đà Nẵng, các quận phía Tây tỉnh Quảng Nam, và các tỉnh duyên hải của Quân khu 2 (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa). Cũng trong ngày này, chính phủ Hoa Kỳ đã cử Đại tướng Frederick C. Weyand, Tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ, đến Việt Nam để tìm hiểu tình hình. Đại tướng Weyand là một vị tướng đã từng phục vụ ở chiến trường Việt Nam qua nhiều chức vụ khác nhau: Tư lệnh Sư đoàn 25 Hoa Kỳ, Tư lệnh Bộ chỉ huy tiền phương Lực lượng 2 đặc nhiệm, Tư lệnh phó bộ Tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam (tư lệnh là Đại tướng Creighton W. Abrams), sau cùng là Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Yểm trợ Hoa Kỳ (MACV).

Trước khi Đại tướng Weyand đến Việt Nam, vào cuối tháng 2/1975, ông Eric Von Marbod, Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ, đã đến Việt Nam. Lúc đó, CSBV chưa khởi động cuộc tấn công vào Ban Mê Thuột. Trong thời gian viếng thăm VN, ông Marbod đã gặp và trao đổi ý kiến với Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng Quân lực VNCH, về tình hình chiến sự. Trong cuộc tiếp xúc với vị Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ, Đại tướng Cao Văn Viên đã yêu cầu Bộ Quốc phòng Mỹ đặc biệt cung cấp vũ khí nào mà Không quân Việt Nam có thể sử dụng được. Đó là loại bom 15 ngàn cân Anh có tên là bom bạch cúc (Daisy Cutter) mà Không quân Hoa Kỳ thường dùng thả bằng phi cơ C-130 để khai quang dọn bãi đáp trong các khu vực rừng già. Thế nhưng, gần đến cuối cuộc chiến, Hoa Kỳ mới đáp ứng yêu cầu của Bộ Tổng Tham Mưu QL.VNCH, sau chuyến viếng thăm của Đại tướng Weyand.

*** Các cuộc tiếp xúc giữa Đại tướng Weyand và Đại tướng Viên.**

Trong thời gian Đại tướng Weyand thăm Việt Nam, Bộ Tổng Tham mưu Quân lực VNCH đã không có buổi thuyết trình chính thức nào dành cho Đại tướng Weyand, nhưng giữa Đại tướng Weyand và Đại tướng Viên đã có những cuộc tiếp xúc bàn luận về tình hình và trao đổi ý kiến về tình hình chiến cuộc. Trong các lần tiếp xúc, Đại tướng Cao Văn Viên đã cho Đại tướng Weyand biết những khó khăn mà Quân lực VNCH đang gặp phải và chỉ yêu cầu một điều duy nhất: Xin Không quân Hoa Kỳ sử dụng B-52 để đánh vào những nơi tập trung quân và các căn cứ lộ thiên mà Cộng quân vừa thiết lập. Tướng Viên nói rằng nếu có được B-52 thì sự tự tin và tinh thần chiến đấu của quân sĩ sẽ được phục hồi nhanh chóng.

Trước yêu cầu của Đại tướng Cao Văn Viên, tướng Weyand giải thích cho vị Tổng Tham mưu trưởng Quân lực VNCH biết là “bất cứ hình thức can thiệp mới nào của Mỹ tại Việt Nam cũng đều phải được sự chấp thuận của Quốc hội Hoa Kỳ”, do đó yêu cầu của Đại tướng Cao Văn Viên rất ít hy vọng được chấp thuận.

*** Cuộc gặp gỡ giữa Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và Đại tướng Weyand**

Phái đoàn của Đại tướng Weyand sau đó cùng với Đại sứ Hoa Kỳ đến thăm chính thức Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tại Dinh Độc Lập. Trong khi trao đổi ý kiến với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, phái đoàn Hoa Kỳ đưa ra các điểm chính sau đây:

-Chính phủ VNCH nên giải thích cho dân chúng biết tình hình để người dân không còn lo sợ bởi những tin đồn thất thiệt do địch cố tình tung ra. Các nhà lãnh đạo VNCH nên xuất hiện nhiều hơn trên truyền hình cho dân chúng biết mặt.

-Bộ Tổng Tham mưu Quân lực VNCH cần được trao thêm nhiều quyền hạn hơn trước.
-Quân lực VNCH nên tìm một chiến thắng, dù thật nhỏ, để tạo điều kiện cho Chính phủ Hoa Kỳ xin Quốc hội duyệt thêm 300 triệu đô quân viện bổ sung. Theo nhận xét của Đại tướng Weyand, Sư đoàn 5 CSBV tại vùng Mũi Két là một mục tiêu tốt để Quân lực VNCH tạo một chiến thắng “thật ngoạn mục”.
-Vấn đề di tản dân tị nạn nên được giải quyết sớm. Nhất là phải chú tâm đến các thân nhân gia đình binh sĩ. Thành phần này cần sớm được đưa ra khỏi vùng nào có nguy cơ sẽ xảy ra chiến trận.

Tất cả những vấn đề liên quan chính phủ và dân chúng đều được thảo luận giữa Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu và phái đoàn Hoa Kỳ. Theo lời kể của Đại tướng Cao Văn Viên, vấn đề cho Bộ Tổng tham mưu có thêm quyền hạn không được bàn đến nữa vì đây là một vấn đề rất tế nhị và chỉ Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu mới làm được điều đó nếu ông muốn.

Về đề nghị Quân lực VNCH phải tạo một chiến thắng, Đại tướng Cao Văn Viên hoàn toàn đồng ý nhưng ông nhận định rằng muốn làm cũng không làm được vì Bộ Tổng Tham mưu không còn lực lượng nào trong tay để tiêu diệt sư đoàn 5 CSBV, trong tình hình này, phải chờ một cơ hội thuận tiện mới có thể làm được.

Trong cuộc họp, Đại tướng Cao Văn Viên nhắc lại yêu cầu của ông là xin Không quân Hoa Kỳ sử dụng B-52 oanh tạc các nơi địch tập trung quân. Theo Đại tướng Viên, chỉ bằng cách đó mới có hiệu quả, mới làm cho tinh thần quân dân Việt Nam lên cao được. Tướng Viên cũng đã trình bày cho Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và phái đoàn Hoa Kỳ những nỗ lực của bộ Tổng tham mưu Quân lực VNCH trong hoàn cảnh không được sự yểm trợ hỏa lực của B-52. Suốt trong vài tháng cuối của cuộc chiến, Bộ Tổng Tham mưu QL.VNCH đã chỉ thị cho Không quân dùng phi cơ C-130 vận tải để thi hành nhiệm vụ yểm trợ chiến thuật, tăng cường hỏa lực.

Khi được sử dụng để thi hành nhiệm vụ chiến thuật, mỗi C-130 mang theo tám bánh thùng dùng đựng JP-4 chứa đầy dầu phế thải. Phi cơ bay trên độ cao từ 15 đến 20 ngàn feet. Mỗi lần phi cơ bay qua và bom nổ, binh sĩ dưới đất lấy làm vui mừng. Được hướng dẫn bằng vô tuyến từ dưới đất nên rất chính xác, mỗi đợt thả chỉ cách nhau 150 đến 450 mét.

Mỗi C-130 có thể chở đến 8 bành bom loại thùng GP 81-82 (tương đương với 250-500 cân anh) hay ba bành loại GP-117 (tương đương với 750 cân Anh. Binh sĩ đặt tên cho các phi vụ này là “tiểu B-52” hay B-52 Việt Nam. Lần đầu tiên khi loại bom này được thả tại Tây Ninh, dân chúng tưởng đó là B-52 của Mỹ thả. Vậy là tin đồn Không quân Mỹ can thiệp yểm trợ Quân lực VNCH đã được loan đi thật nhanh.

Về việc di tản thân nhân gia đình binh sĩ rời những nơi có chiến trận, Đại tướng Viên cho rằng việc làm này thường có tác dụng ngược. Tướng Viên nêu ra nhận xét: nếu không có thân nhân tại đó, tinh thần chiến đấu của binh sĩ sẽ giảm sút. Vị Tổng Tham mưu trưởng Quân lực VNCH nhắc đến một số kinh nghiệm trong quá khứ, nhất là kinh nghiệm của trận Mậu Thân 1968 và tại các tiền đồn xa xôi, vợ con binh sĩ là những người giúp tải đạn, tải thương và thậm chí sử dụng cả đại liên rất hữu hiệu.

Những đề nghị của Đại tướng Viên được phái đoàn Hoa Kỳ ghi nhận, và khi Đại tướng Weyand rời Việt Nam thì Cộng quân đang bao vây phòng tuyến Phan Rang và tấn công vào mặt trận Long Khánh. Trong tình hình chiến sự sôi động, nhiều giới chức của VNCH hy vọng ở sự can thiệp của Không

quân Hoa Kỳ để chặn đứng cuộc tấn công lớn của Cộng quân, dù biết rằng đó là một hy vọng vô cùng mong manh.

30 NĂM NHÌN LẠI, NGÀY 29-3-1975: Quân Đoàn I Rời Đà Nẵng

Vương Hồng Anh

*** Diễn tiến về cuộc triệt thoái lực lượng Quân đoàn 1/Quân khu 1 khỏi Đà Nẵng**

Sau 10 ngày trải qua nhiều diễn biến đột ngột về chiến sự, với những cuộc triệt thoái lực lượng tại 5 tỉnh để tập trung về Đà Nẵng, đêm 28 rạng ngày 29 tháng 3/1975, toàn bộ lực lượng Quân đoàn 1/Quân khu 1 được lệnh rút khỏi Đà Nẵng, sau khi Trung tướng Ngô Quang Trưởng báo cáo tình hình Đà Nẵng cho Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu và Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng Quân lực VNCH. Cuộc triệt thoái bằng đường biển đã diễn ra hỗn loạn do Cộng quân đã pháo kích vào bãi biển Đà Nẵng và các vị trí tập trung các đơn vị triệt thoái. Sau đây là diễn tiến cuộc triệt thoái của lực lượng Quân đoàn 1/Quân khu 1 khỏi Đà Nẵng trong ngày 29/3/1975 theo ghi nhận của Đại tướng Cao Văn Viên.

Hồi ký của Đại tướng Cao Văn Viên ghi rằng vào tối 28/3/1975, Cộng quân pháo kích vào phi trường Đà Nẵng, căn cứ Hải quân và nhiều vị trí quân sự khác. Tất cả các trái đạn pháo đều từ hướng thung lũng Phước Tường. Đại bác 175 mm của Quân đoàn 1 phản pháo và được phi cơ quan sát điều chỉnh tọa độ nhưng không có hiệu quả cao. Trung tướng Trưởng báo cáo tình hình cho Đại tướng Viên, và cũng gọi điện thoại tường trình cho Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu và xin lệnh.

Đại tướng Cao Văn Viên cho biết: trong cuộc nói chuyện này, Tổng thống không có lệnh nào dứt khoát. Tổng thống không cho Trung tướng Trưởng biết nên rút hay nên cố thủ. Tổng thống chỉ hỏi nếu di tản ngay thì có bao nhiêu người có thể đi an toàn. Đại tướng Viên nhận định rằng “rõ ràng Tổng thống không hài lòng với những diễn biến đang xảy ra. Cuộc di tản lần này không biết chừng lại trở thành một thảm kịch như đã xảy ra cho Quân đoàn 2 từ Cao nguyên xuống Nha Trang. Tổng thống không muốn ra lệnh thêm nữa để phải chịu thêm một nỗi đau thứ hai.”

Vừa khi cuộc nói chuyện chấm dứt, tất cả mọi liên lạc từ Quân khu 1 với Sài Gòn bị gián đoạn, vì đạn pháo kích của Cộng quân. Tình hình lúc bấy giờ trở nên tuyệt vọng, Trung tướng Trưởng cho lệnh rút quân khỏi Đà Nẵng. Vị Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 bàn với Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư lệnh Vùng 1 duyên hải, và các vị Tư lệnh các đại đơn vị về kế hoạch di tản bằng cách cho quân nhân các đơn vị tập trung tại ba địa điểm: một tại cuối đèo Hải Vân, một tại chân núi Non Nước, và một tại cửa biển Hội An.

Vào rạng sáng ngày 29 /3/1975, sương mù trải dài suốt bờ biển. Tất cả tàu của Hải quân đã tập trung tại điểm hẹn nhưng thủy triều còn quá thấp nên tàu không thể cập sát được. Các quân nhân phải lội nước một khoảng xa mới lên tàu được. Việc việc đang diễn tiến thuận lợi đến nửa buổi thì Cộng quân bắt đầu pháo kích ra bãi biển, cuộc di tản trở nên mất trật tự khiến nhiều quân nhân chết đuối. Đại tướng Cao Văn Viên cho biết khi tàu rời điểm đón quân thì chỉ có 6,000 quân nhân Thủy quân Lục chiến và 4,000 quân nhân của Sư đoàn 3 và một vài đơn vị khác được lên tàu.

***Đêm cuối cùng của Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 Ngô Quang Trưởng tại Đà Nẵng.**

Theo nhật ký hành quân của Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ binh kiêm Tư lệnh chiến trường Quảng Nam- Đà Nẵng, và lời kể của một sĩ quan Trưởng phòng Bộ Tư lệnh Sư

đoàn 3 Bộ binh (không muốn nêu tên) vào 7 giờ 30 tối ngày 28/3/1998, Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn 1 Ngô Quang Trưởng và vài sĩ quan tham mưu Quân đoàn 1 đến Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh tại căn cứ Hòa Khánh. Ông bắt tay thật chặt từng sĩ quan tham mưu Sư đoàn 3BB dàn chào ông ở sân chờ bộ Tư lệnh. Một vị trưởng phòng kể lại là Trung tướng Trưởng đã nhìn thẳng vào mặt từng người như muốn nói với họ một điều gì đó. Không ai nghĩ rằng đó là cái bắt tay vĩnh biệt của vị Tư lệnh Quân đoàn.

Cũng theo nhật ký hành quân của Thiếu tướng Nguyễn Duy Hình, thì trong nửa giờ họp riêng tại văn phòng tư lệnh Sư đoàn, Trung tướng Trưởng đã bàn với Tướng Hình kế hoạch rút lui nếu áp lực Cộng quân quá mạnh. 8 giờ tối cùng ngày, Trung tướng Trưởng rời căn cứ Hòa Khánh và bay một vòng quan sát thành phố Đà Nẵng trong khi Cộng quân tiếp tục pháo kích vào thành phố.

9 giờ 30 tối, Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn 1 Ngô Quang Trưởng bay đến Bộ Tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên Hải và triệu tập một cuộc họp với các vị tư lệnh các đại đơn vị ngay tại văn phòng của Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại (*phó đề đốc: tương đương cấp chuẩn tướng*). Tham dự cuộc họp có Trung tướng Lâm Quang Thi, Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 1; Thiếu tướng Nguyễn Duy Hình, Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ binh; Thiếu tướng Bùi Thế Lân, Tư lệnh Sư đoàn Thủy quân Lục chiến, và Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại. Trước khi bắt đầu cuộc họp, Tướng Trưởng gọi điện thoại xin quyết định của Đại tướng Viên và Tổng thống Thiệu. Các vị tướng ngồi chờ kết quả.

Theo lời kể của Thiếu tướng Bùi Thế Lân thì chỉ sau vài phút nói chuyện với Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu, đôi mắt Trung tướng Trưởng đỏ ngầu, khuôn mặt buồn bã. Rời điện thoại, Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 Ngô Quang Trưởng tiến về các vị tướng đang chờ lệnh của ông và giọng nghẹn ngào: “Lệnh bỏ Đà Nẵng”.

*** Tình hình phòng tuyến Quảng Nam-Đà Nẵng trước ngày 29-3-1975**

Trong 2 ngày 26/3 và 27/3, Cộng quân mở các đợt pháo kích vào các vị trí của một số đơn vị thuộc Sư đoàn 3 Bộ binh. Sáng ngày 28 tháng 3/1975, Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân đoàn 1 và Quân khu 1, mở cuộc họp khẩn với các đơn vị trưởng tại bộ Tư lệnh Quân đoàn. Nhiều biện pháp được đưa ra để vẫn hồi trật tự và gấp rút tái tổ chức các đơn vị các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Tín rút về. Tất cả các quân nhân từ những nơi khác về Đà Nẵng trong những ngày trước cũng được tập trung để bổ sung cho các đơn vị trú phòng.

Tại khu vực trách nhiệm của Sư đoàn 3 Bộ Binh, Trung đoàn 56BB được lệnh rút về tuyến vàng (Cầu Lâu-Thu Bồn). Cộng quân tung chiến xa đuổi theo, 1 chiếc M 113 của Thiết đoàn 11 bị bắn cháy. Tại phòng tuyến Đại Lộc, Cộng quân đã chiếm bộ chỉ huy Chi khu quận và lập hệ thống công sự phòng thủ ở đây. Trung đoàn 57BB được lệnh phải triệt phá các chốt chặn của Cộng quân quanh quận lỵ. 1 giờ trưa, Bộ Chỉ huy Tiểu khu Quảng Nam mất liên lạc với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3. Theo lời Đại tá Phạm Văn Chung, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Quảng Nam, thì trưa ngày 28/3/1975, ông đã đến Duyên đoàn 15 Hải quân dùng tàu nhỏ đi quan sát việc bố phòng quanh thị xã Hội An. Sau đó ông liên lạc về Bộ chỉ huy Tiểu khu thì không có ai trả lời.

Cũng vào trưa ngày 28-3-1975, Cộng quân tung một tiểu đoàn thuộc B44 lập các chốt chặn tại Thanh Quít, ngay sau đó, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 BB điều động 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 2 BB giải tỏa khu vực này, 2 tiểu đoàn còn lại và Bộ chỉ huy Trung đoàn 2BB phụ trách phòng ngự phòng tuyến Điện Bàn-Hội An. Đến chiều ngày 28/3/1975: ba tiểu đoàn của Liên đoàn 915 Địa phương quân do Trung tá Võ Vàng chỉ huy được điều động phòng thủ thị xã Hội An. Sau lưng của 3 trung đoàn thuộc Sư

đoàn 3 BB, là các đơn Địa phương quân và Nghĩa quân thì đã bỏ ngõ. Khoảng 2 giờ chiều, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 nhận được mật điện của Phòng 2 bộ Tổng Tham Mưu báo tin là Cộng quân sẽ tấn công vào Đà Nẵng vào khuya ngày 28 rạng ngày 29/3/1975.

Cùng với thông tin tình báo của Phòng 2, Bộ Tổng Tham Mưu cũng đưa ra thêm một lệnh nữa là Sư đoàn 1 Không quân phải đưa hết số trực thăng và phần lực của Sư đoàn vào căn cứ Không quân tại Phú Cát hoặc Phan Rang. Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn 1/Quân khu 1 Ngô Quang Trưởng cho lệnh báo động đỏ, tất cả các đơn vị đều được đưa ngay đến vị trí phòng thủ. Để ổn định tình hình trật tự trong thành phố, Trung tướng Ngô Quang Trưởng cử Chuẩn tướng Nguyễn Văn Điem, Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh, làm quân trấn trường quân trấn Đà Nẵng. Các đại đội Quân Cảnh được điều động tuần tra quanh thị xã và kiểm soát quân nhân đi lẻ tẻ trên đường phố.

Đến tối 28/3/1975, theo nhật ký của Thiếu tướng Hinh, từ 7 giờ tối trở đi, Cộng quân đã kéo pháo 130 ly từ đèo Mũi Trâu để bắn vào phi trường, giờ G của trận chiến tại Đà Nẵng bắt đầu.

30 NĂM NHÌN LẠI, NGÀY 1/4/1975: Kịch Chiến Tại Phú Yên

Vương Hồng Anh

*** Phòng tuyến của Quân đoàn 2 tại tỉnh Phú Yên trước ngày 1/4/1975**

Sau khi VNCH triệt thoái khỏi Cao Nguyên từ giữa tháng 3/1975, Cộng quân gia tăng áp lực trên các cụm tuyến phòng ngự của Sư đoàn 22 Bộ Binh tại tỉnh Bình Định. Để bảo toàn lực lượng, Sư đoàn 22 Bộ Binh và các đơn vị đồn trú tại tỉnh Bình Định rút khỏi Qui Nhơn cuối tháng 3/1975. Bảy giờ vùng trách nhiệm Quân khu 2 chỉ còn 4 tỉnh duyên hải: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và một số khu vực thuộc hai tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức đang bị áp lực nặng của Cộng quân.

Để chỉ huy lực lượng Quân đoàn 2 tại mặt trận Phú Yên, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2, đã cho lập bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 2 tại Tuy Hòa và cử Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân Tư lệnh Quân đoàn 2, trực tiếp chỉ huy. Bộ chỉ huy này hình thành từ giữa tháng 3/1975 ngay sau khi bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 rút khỏi Pleiku. Trước khi làm phụ tá cho Thiếu tướng Phú, Chuẩn tướng Cẩm là Tham mưu trưởng Quân đoàn 2 thời kỳ Tướng Nguyễn Văn Toàn (thăng cấp Trung tướng 1/4/1974) làm Tư lệnh.

Tướng Trần Văn Cẩm nguyên là sĩ quan Pháo binh, từ năm 1966 đến 1969, là Tham mưu trưởng Sư đoàn 1 Bộ binh. Ông được thăng cấp chuẩn tướng vào đầu tháng 11/1972 khi đang giữ chức Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Trong năm 1973, Chuẩn tướng Cẩm được điều động về bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 để đảm trách chức vụ Tham mưu trưởng mà vị Tư lệnh Quân đoàn là Thiếu tướng Nguyễn Văn Toàn (thăng trung tướng tháng 4/1974). Tháng 11/1974, khi Thiếu tướng Phạm Văn Phú thay Trung tướng Nguyễn Văn Toàn thì Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm được bổ nhiệm chức Phụ tá Tư lệnh Quân đoàn.

*** Phú Yên thất thủ, Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm bị địch quân bắt**

Cùng lúc Sư đoàn 3 CSBV tấn công Qui Nhơn và vùng phụ cận thì tại tỉnh Phú Yên, từ ngày 1/4/1975, Sư đoàn 320 CSBV tấn công vào các quận của tỉnh Phú Yên và một số vị trí gần thị xã Tuy Hòa. Gần 7 giờ sáng, Cộng quân pháo kích vào thị xã, một số doanh trại trong đó bộ chỉ huy Tiểu khu Phú Yên là mục tiêu chính của pháo Cộng quân.

7 giờ sáng cùng ngày, Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm, Chỉ huy Bộ tư lệnh Tiền phương của Quân đoàn 2 tại Tuy Hòa, đã gọi máy báo cáo tình hình cho Thiếu tướng Phạm Văn Phú ở Nha Trang. Theo tường trình của Tướng Cẩm, Cộng quân pháo kích rất dữ dội, và bắt đầu tấn công cả 2 mặt vào thị xã. Doanh trại của bộ chỉ huy Tiểu khu Phú Yên, cũng là nơi trú đóng của bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 2, đã bị pháo kích nặng. Sau lần gọi này, Tướng Trần Văn Cẩm không còn liên lạc với Thiếu tướng Phú. Theo lời một số sĩ quan của Quân đoàn 2 có mặt tại Tuy Hòa lúc Cộng quân tấn công, sau khi báo cáo tình hình cho Tướng Phú, Tướng Cẩm cho lệnh rút ban tham mưu của ông ra khỏi doanh trại Tiểu khu, và ông đã sử dụng tân số không lực liên lạc với Không quân để yêu cầu cho trực thăng đến bốc ban tham mưu của ông, nhưng mọi sự liên lạc không có kết quả, sau đó ông đã bị Cộng quân bắt cùng với một số sĩ quan tham mưu. (Sáng ngày 2/4/1975, Bộ Tổng Tham Mưu QL.VNCH nhận được báo cáo của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2 tại Nha Trang về sự việc Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm được ghi nhận là mất tích)

Về tình hình bộ chỉ huy Tiểu khu Phú Yên và lực lượng Địa phương quân của tỉnh này, theo ghi nhận của Đại tướng Cao Văn Viên, một số tiểu đoàn Địa phương quân của tỉnh này đã phải bỏ phòng tuyến tìm cách vào Nha Trang, vị tân tiểu khu trưởng kiêm tỉnh trưởng Phú Yên (một trung tá Biệt động quân nhận chức ngày 29/3/1975) được báo cáo là bị thương và mất tích. Chỉ có một số đại đội do các sĩ quan trẻ chỉ huy đã tiếp tục chiến đấu với Cộng quân suốt cả ngày 1/4/1975 và sau đó gần hết đạn đã phải rút khỏi vị trí phòng ngự để bảo toàn lực lượng. Họ đã bị Cộng quân bắt sau khi phân tán mông đê tìm đường vào địa phận tỉnh Khánh Hòa. Về phía Cộng quân, ngay trong ngày 1/4/1975 đã có một số bộ phận lọt vào Tuy Hòa và rạng sáng ngày 2/4/1975, toàn thị xã này đã lọt vào tay Cộng quân.

***Trận chiến tại phòng tuyến Đèo Cả**

Tại phòng tuyến Đèo Cả, cách Tuy Hòa khoảng 40 km về phía Nam, Một tiểu đoàn Biệt động quân bị một trung đoàn Cộng quân tấn công. Tiểu đoàn đã chống trả quyết liệt và đẩy lùi được nhiều đợt xung phong của Cộng quân. Đến nửa đêm ngày 1 rạng ngày 2 tháng 4/1975, Tiểu đoàn Biệt động quân đã phải rút khỏi phòng tuyến tiến về hướng Nha Trang. 7 giờ sáng ngày 2/4/1975, Bộ Tổng Tham Mưu QL.VNCH được báo cáo là Cộng quân đã chiếm tỉnh Phú Yên. Cùng với thời gian Cộng quân tấn công vào Bình Định và Phú Yên, Cộng quân tung Sư đoàn 7 CSBV tạo áp lực tại Tuyên Đức. Tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng tỉnh này được lệnh rút quân về hết Nha Trang. Các trường quân sự tại Đà Lạt cũng được lệnh rút khỏi Đà Lạt vào những ngày cuối tháng 3/1975.

*** Phối trí lực lượng của Quân đoàn 2/Quân khu 2 vào đầu tháng 4/1975**

Theo tài liệu của Phòng 3/Bộ Tổng Tham Mưu được Đại tướng Cao Văn Viên ghi lại trong hồi ký, lực lượng phòng ngự thị xã Tuy Hòa vào cuối tháng 3/1975 chỉ có các tiểu đoàn Địa phương quân của Tiểu khu Phú Yên, và vùng phụ cận chỉ còn một tiểu đoàn Biệt động quân, một trong những đơn vị đã có công lớn trong việc khai thông lộ trình cuộc rút quân của Quân đoàn 2 trên Liên tỉnh lộ 7 B và hương lộ 436. Các đơn vị còn lại của Quân đoàn 2 từ Kontum và Pleiku rút về được đưa vào Nha Trang theo kế hoạch tái phối trí của Bộ Tổng Tham Mưu như sau:

- Binh sĩ thuộc Sư đoàn 23 Bộ binh được tái tập trung tại Động Ba Thìn cách Cam Ranh 10 km về hướng Bắc. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 BB (do Đại tá Lê Hữu Đức giữ chức quyền Tư lệnh thay thế Chuẩn tướng Lê Trung Tường bị thương ngày 16/3/1975), có nhiệm vụ tổ chức lại đội ngũ các đơn vị trực thuộc. Lực lượng Địa phương quân và Nghĩa quân cơ hữu của các Tiểu khu Pleiku, Kontum, Darlac đều tập trung về hết Trung tâm huấn luyện Lam Sơn để tái huấn luyện và làm lực lượng bổ sung và cung cấp nhân lực.

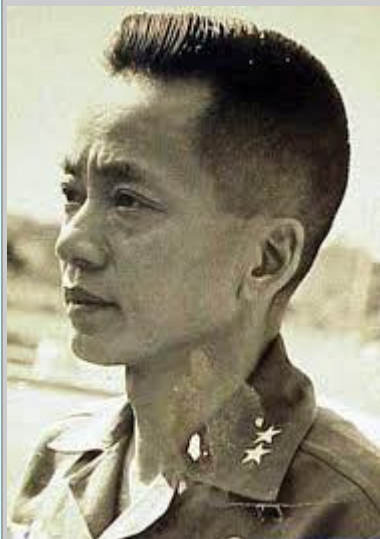
-Các liên đoàn Biệt Động Quân và các tiểu đoàn Pháo binh được tập trung về trung tâm huấn luyện của mỗi binh chủng tại Dục Mỹ, cách Nha Trang khoảng 35 km. Các đơn vị Thiết giáp được chuyển về tập trung tại trường Thiết giáp ở Long Thành, Biên Hòa. Tính đến cuối tháng 3/1975, cuộc tái phối trí đã tiến hành nhanh chóng, Sư đoàn 23 BB hoàn tất được một trung đoàn đầy đủ, Biệt Động Quân tái tổ chức được 2 tiểu đoàn; Pháo binh có 2 pháo đội 105 ly được huấn luyện và nhận súng mới.

Tính đến cuối ngày 1/4/1975, khu vực trách nhiệm của Quân khu 2 (trước ngày Cộng quân tấn công vào Ban Mê Thuột 10/3/1975, quân khu này có 12 tỉnh) chỉ còn lại một phần tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Về quân số, ngoài Lữ đoàn 3 Nhảy Dù đang bảo vệ phòng tuyến Khánh Dương, chỉ còn 1 trung đoàn Bộ binh và 2 tiểu đoàn Biệt động quân, 2 liên đoàn Địa phương quân của hai tiểu khu Ninh Thuận và Bình Thuận cùng một số đại đội biệt lập còn khả năng tham chiến.

30 Năm Nhìn Lại, 2/4/1975: Ngày Cuối Cùng Của Tư Lệnh Quân Đoàn 2

Vương Hồng Anh

*** Ngày cuối cùng trên chiến trường của Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2 Phạm Văn Phú**



Ngày 2 tháng 4/1975, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu nhận được lệnh bàn giao phần lãnh thổ cuối cùng của Quân khu 2 cho Quân đoàn 3/Quân khu 3. Đó cũng là ngày cuối cùng của Thiếu tướng Phạm Văn Phú trên chiến trường trong chức vụ Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2. Những giờ cuối cùng của vị tướng này tại Nha Trang và tại Phan Thiết đầy bi tráng. Trong nhật ký hành quân mang sang Mỹ được và được phổ biến trong cuốn Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975, Thiếu tá Phạm Huân-sĩ quan Báo chí-đã ghi lại một số sự kiện xảy ra cho vị tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2 trong hai ngày 1 và 2/4/1975 với nội dung được tóm lược như sau:

5 giờ 50 chiều ngày 1/4/1975, Thiếu tướng Phú vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân ở Nha Trang, nhưng vị Tư lệnh Sư đoàn này đi vắng. Ông phải ngồi đợi, 20 phút sau thì Chuẩn Tướng Nguyễn Ngọc Oánh-chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Không quân và Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, bước vào. Lúc bấy giờ Tướng Phú ngồi ở chiếc ghế sát bàn của Tư lệnh của Sư đoàn 2 Không quân. Tướng Lượng và Tướng Oánh thấy Tướng Phú không chào hỏi và tới ngồi ở bàn khác đối diện. Thấy thái độ và cách xử sự khác thường của vị Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, một trong 2 sư đoàn Không quân thống thuộc quyền điều động của bộ tư lệnh Quân đoàn 2, Tướng Phú hơi ngạc nhiên nhưng rồi ông chợt hiểu. Ông hỏi Chuẩn tướng Lượng: -Có chuyện gì xảy ra?

Chuẩn tướng Lượng không trả lời, mặt lầm lì. Còn Chuẩn Tướng Oánh, với giọng từ tốn, lễ độ nói với Thiếu tướng Phú:

-Tôi muốn thưa với Thiếu Tướng tôi được chỉ định làm Tư lệnh Mặt trận Nha Trang, vì Quân đoàn 2 không còn nữa. Tướng Phú mặt biến sắc, hỏi dồn:

-Lệnh ai? Anh nhận lệnh ai?

Tướng Oánh vẫn điềm đạm, chậm rãi nói: Thưa Thiếu Tướng, lệnh của Bộ Tổng Tham mưu, của Trung tướng Đồng Văn Khuyên (Tham mưu trưởng Bộ Tổng Tham mưu) từ Sài Gòn.

Nghe Chuẩn tướng Oánh trình bày, Thiếu tướng Phú cảm thấy danh dự bị tổn thương, vì theo tổ chức

quân đội, người có quyền ra lệnh cho ông là Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng, còn Trung tướng Khuyên là tham mưu trưởng, không có quyền ra lệnh cho các tư lệnh Quân đoàn, về vai vế và quyền hạn thì Tư lệnh quân đoàn và Tư lệnh quân chủng chỉ xếp sau Tổng tham mưu trưởng.

18 giờ 40 Tướng Phú dùng điện thoại tại văn phòng Tướng Lương để gọi về Sài Gòn gặp Trung tướng Khuyên. Ngay từ câu đầu tiên, Thiếu tướng Phú đã hét lên trong ông liên hợp:

-Trung tướng hỏi tôi đi đâu à? Tôi bay chỉ huy.

Sau một hồi tranh cãi, Thiếu tướng Phú nói lớn:

-Tôi là Tư lệnh Quân đoàn. Đi đâu, đó là quyền của tôi. Trung tướng Thuận (Chỉ huy trưởng trường Hạ sĩ quan) cùng đi trên máy bay chỉ huy của tôi mấy tiếng đồng hồ, nhưng tôi không cần Trung tướng phải tin. Và tôi cũng không phải trình Trung tướng.

19 giờ 45 phút cùng ngày, Thiếu tướng Phú ra trực thăng bay về Phan Rang. Khi ông vừa ngồi lên xe Jeep để ra bãi đậu trực thăng, thì một sự việc bất ngờ xảy ra. Một xe chở đầy lính và vũ khí phóng tới, một Thiếu tá Không quân nhảy xuống nói lớn:

-Tại sao, tại sao, các ông là Tướng lại bỏ lính chạy. Ai phòng thủ căn cứ này.

Khi đó, Thiếu tá Phạm Huân cùng đi với Thiếu tướng Phú, đã ngồi đèo lên người Thiếu tướng Phú, và chĩa khẩu AR 18 về phía người sĩ quan này và nói: "Anh không được vô lễ, ông Tướng Tư lệnh Quân đoàn không có nhiệm vụ phải phòng thủ căn cứ Không quân". Cuối cùng thì mọi việc êm xuôi, Thiếu tướng Phú hiểu được sự phẫn nộ của vị sĩ quan Không quân và những người lính đi cùng.

* Quân đoàn 2 bàn giao phần lãnh thổ còn lại cho Quân đoàn 3.

Đêm 1 tháng 4/1975, Thiếu tướng Phú nằm dưới chân núi, trên một cái giường bố, tại ban chỉ huy của một tiểu đoàn Địa phương quân Ninh Thuận, phòng thủ căn cứ Phan Rang. 1 giờ 45 trưa ngày 2 tháng 1/1975, Tướng Phú bay đến ngọn đồi "Lâu Ông Hoàng" ở Phan Thiết chờ Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư lệnh phó Quân đoàn 3, để thảo luận về việc bàn giao phần lãnh thổ còn lại của Quân đoàn 2 & Quân khu 2 được lệnh sát nhập vào Quân đoàn 3. Theo kế hoạch, Quân đoàn 3 chính thức phụ trách tuyến Ninh Thuận-Bình Thuận từ ngày 3/4/1975. Vào giờ này, Bộ Tham mưu của Tướng Phú chỉ còn lại Thiếu tá Vinh, chánh văn phòng; Thiếu tá Hóa tùy viên, Thiếu tá Huân, sĩ quan báo chí và Đại tá Lê Hữu Đức, Quyền Tư lệnh Sư đoàn 23BB.

Đúng 2 giờ 12 phút chiều cùng ngày, Thiếu tá Hóa trình với Thiếu tướng Phú là trực thăng của Thiếu tướng Hiếu sắp đáp xuống. Khi Thiếu tá Hóa vừa quay gót, Thiếu tướng Phú rút khẩu súng ngắn ra khỏi vỏ, nhưng tiếng hét thất thanh của Đại tá Đức vang lên: "Thiếu Tướng!", ngay sau đó, khẩu súng trên tay Tướng Phú bị Đại tá Đức gạt bắn xuống đất. Tướng Phú không chết trong ngày 2 tháng 4/1975, nhưng 28 ngày sau ông đã tự sát tại Sài Gòn.

* Cuộc hội ngộ cuối cùng của hai vị Tư lệnh Quân đoàn

Cũng theo nhật ký của Thiếu tá Huân, trước đó vào 5 giờ chiều ngày 30 tháng 3/1975, Tướng Phú đã bay ra Cam Ranh, để cùng với Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh, Tư lệnh Hải quân Vùng hai duyên hải, đi trên một soái hạm chỉ huy ra vùng biển ngoài Cam Ranh để đón Trung tướng Trường đang bị bệnh nằm trên tàu HQ 404 từ Cam Ranh vào (Tướng Trường đã phải bơi từ bờ đê ra tàu hải quân đậu ngoài biển). Trên tàu lúc này có rất đông chiến binh Thủy quân Lục chiến từ Quân khu 1 vào. Tướng Phú và Phó Đề đốc Minh phải khó lắm mới lách xuống được chỗ Trung tướng Trường nằm dưỡng bệnh.

Theo ghi nhận của Thiếu tá Phạm Huân, có mặt vào giờ phút đó, thì lúc này Trung tướng Trường thờ thoi thóp nhờ bình nước biển. Quanh Trung tướng Trường có Chuẩn Tướng Nguyễn Đức Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 Không quân (Đà Nẵng), Đại tá Nguyễn Hữu Duệ, Tỉnh trưởng Thừa Thiên. Thiếu tướng Phú ghé sát tai Trung tướng Trường hỏi hai lần, nhưng sắc diện Trung tướng Trường không

thay đổi. Nhưng rồi có một giây Tướng Trưởng ngược nhìn lên. Đôi mắt như muốn bật máu vì uất ức. Chi tiết về cuộc gặp gỡ này cũng đã được Hải quân Trung tá Nguyễn Đại Nhon, hạm trưởng HQ404 kể lại trong một bài viết phổ biến vào năm 1995. Có một điểm khác biệt về mốc thời gian là tài liệu của Trung tá Nhon thì lại ghi là cuộc gặp gỡ giữa Tướng Phú và Tướng Trưởng diễn ra vào tối ngày 1/4/1975, (nhật ký của Thiếu tá Huân ghi là 5 giờ chiều 30/3/1975, như đã trình bày ở trên). Trong khi đó theo lời kể của một số sĩ quan đi theo Tướng Trưởng, HQ 404 rời Đà Nẵng ngày 29/3/1975 và đến chiều ngày 30/3/1975 thì đã vào vùng biển ở ngoài Cam Ranh.

Theo lời của Trung tá Nguyễn Đại Nhon, Hạm trưởng HQ 404, tối ngày 1/4/1975, Tướng Phú đã đi tàu nhỏ cập vào chiến hạm để lên tàu thăm và nói chuyện với Tướng Trưởng. Tình cờ khi vào phòng lấy hồ sơ, Trung tá Nhon đã nghe câu nói của Thiếu tướng Phú: “Dù sao đi nữa tôi cũng còn vài tiêu khu ở đây với tôi chiến đấu”. Cũng cần ghi nhận rằng Tướng Phú đã có một thời gian làm việc chung với Tướng Trưởng: năm 1967, khi còn là đại tá, ông là Tư lệnh phó Sư đoàn 1 Bộ binh do Tướng Trưởng làm tư lệnh; năm 1972, khi Tướng Trưởng là Tư lệnh Quân đoàn 1 thì Tướng Phú là Tư lệnh Sư đoàn 1 thuộc Quân đoàn này). Cuộc gặp gỡ của hai vị tư lệnh Quân đoàn diễn ra đúng 10 phút. Sau đó, Thiếu tướng Phú đứng nghiêm chào từ biệt Trung tướng Trưởng. Rồi ông bước nhanh ra khỏi căn phòng nhỏ của chiến hạm, những sự kiện bi tráng chờ đợi ông, người hùng Điện Biên Phủ năm nào.

30 NĂM NHÌN LẠI: Quân Đoàn 3 Giữ Phòng Tuyển Phan Rang

Vương Hồng Anh

*** Tổng lược tình hình 7 tỉnh Cao nguyên của Quân khu 2 trước khi Quân đoàn 3 thành lập phòng tuyển Phan Rang**

Như đã trình bày, kể từ ngày 10/3/1975, ngày Cộng quân (CQ) mở trận tấn công cường tập vào thị xã Ban Mê Thuột, tỉnh ly tỉnh Đắc Lắc, cho đến ngày 3 tháng 4/1975, trong vòng 23 ngày, CQ đã chiếm vùng Cao nguyên sau khi lực lượng VNCH triệt thoái, theo trình tự sau đây.

-Ban Mê Thuột (tỉnh ly tỉnh Darlac) thất thủ ngày 11/3/1975; ngày 16-18/4/1975, lực lượng Quân đoàn 2 triệt thoái khỏi hai tỉnh Pleiku và Kontum, và CQ đã chiếm 2 tỉnh này mà không qua các cuộc giao chiến. Ngày 19/3/1975, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 nhận được báo cáo Phú Bồn thất thủ. Ngày 22/3/1975, trên địa bàn tỉnh Quảng Đức, Cộng quân đã mở nhiều cuộc tấn công và pháo kích. Tỉnh Quảng Đức được ghi nhận là thất thủ vào ngày này.

-Ngày 29/3/1975, Bộ chỉ huy Tiểu khu Lâm Đồng và 1 đơn vị Địa phương quân, do vị Trung tá Tham mưu trưởng chỉ huy đã triệt thoái về đến Phan Rang vào 20 giờ tối ngày 29/3/1975. (Theo nhật ký hành quân của Thiếu tá Phạm Huân, sĩ quan Báo chí của Tư lệnh Quân đoàn 2 ghi theo báo cáo của Trung tâm Hành quân Quân đoàn 2 đặt tại Nha Trang thì diễn tiến tình hình chiến sự tại Lâm Đồng như sau:

“Vào 3 giờ sáng ngày 28-3-1975, Cộng quân đã tấn công quận Bờ Sa, tỉnh Lâm Đồng. Đến 7 giờ 15 sáng cùng ngày, Cộng quân bắt đầu pháo kích vào thị xã tỉnh ly Lâm Đồng. Đến 10 giờ 45, tỉnh ly bị tràn ngập.” Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Thế Viên, nguyên trưởng ty Thông tin-Chiêu Hồi tỉnh Lâm Đồng, người đã rời Bảo Lộc vào 12 giờ trưa ngày 29/3/1975, thì ” không hề có vấn đề thị xã Bảo Lộc (tỉnh ly tỉnh Lâm Đồng) bị tràn ngập, ít ra là tính tới 12 giờ trưa ngày này, mà chỉ có việc quân ta tự ý rút lui và đồng bào di tản theo mà thôi.)

- Ngày 3/4/1975, tỉnh và thành phố cuối cùng của Cao nguyên bị CQ chiếm là tỉnh Tuyên Đức và

thành phố Đà Lạt (Sau 1975, CS sát nhập 2 tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng, thành phố Đà Lạt thành tỉnh Lâm Đồng, thành phố Đà Lạt là tỉnh lỵ của tỉnh này).

***Quân đoàn 3 phối trí lực lượng giữ phòng tuyến Phan Rang**

Nhằm ngăn chặn địch quân tràn chiếm hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, thành lỵ cuối cùng của Quân khu 2, Bộ Tổng Tham Mưu Quân lực VNCH đã quyết định giao cho Quân đoàn 3 lập tuyến phòng thủ bảo vệ hai tỉnh này. Để có sự chỉ huy thống nhất, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã chỉ thị cho Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn 3 & Quân Khu 3, thành lập Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3 tại Phan Rang. Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi được Tổng thống Thiệu cử làm Tư lệnh phó Quân đoàn 3, trực tiếp chỉ huy Bộ Tư lệnh Tiền phương của Quân đoàn này. Vào thời gian đó, Trung tướng Nghi là Chỉ huy trưởng Trường Bộ Binh, ông cũng đã từng giữ chức Tư lệnh Quân đoàn 4 & Quân khu 4 từ tháng 5/1972 đến 11/1974 sau khi đã giữ chức vụ Tư lệnh Sư đoàn 21 Bộ binh gần 4 năm (từ tháng 6/1968 đến tháng 5/1972).

Trở lại với việc phối trí hoạt động tại Ninh Thuận và Bình Thuận, theo kế hoạch của bộ Tổng Tham Mưu và sự phân nhiệm của bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 & Quân khu 3, thì Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3 đặt tại căn cứ Không quân Phan Rang cùng với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân mà Tư lệnh là Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang.

Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3 là chỉ huy các lực lượng phòng thủ và bảo vệ hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Trong những ngày đầu của tháng 4/1975, lực lượng chính để bảo vệ phòng tuyến Phan Rang là Lữ đoàn 3 Nhảy Dù tham chiến mặt trận Khánh Dương và tiểu đoàn 3 Nhảy Dù được không vận từ Sài Gòn ra ngày 2/4/1975. Về hỏa lực không pháo là các phi đoàn thuộc Sư đoàn 6 Không quân. Yểm trợ hỏa lực pháo binh có 1 tiểu đoàn Pháo binh của Sư đoàn Dù và một số pháo đội do Quân đoàn 3 điều động đến.

Ngày 8 tháng 3/1975, sau khi Lữ đoàn 2 Nhảy Dù đến Phan Rang để thay thế Lữ đoàn 3, Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3 đã khởi sự phối trí lực lượng để bảo vệ phòng tuyến Phan Rang như sau. Nỗ lực chính là Lữ đoàn 2 Nhảy Dù với các Tiểu đoàn 3, 7, 11 Nhảy Dù, Đại đội Trinh sát 2 và các toán thám sát của Nha Kỹ thuật, lực lượng tiếp ứng này hoạt động tại hai khu vực Đông Bắc và Tây Bắc thị xã Phan Rang. Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 2 Nhảy Dù là Đại tá Nguyễn Thu Lương. Ngoài 3 tiểu đoàn Nhảy Dù nói trên, Lữ đoàn 2 Nhảy Dù còn được tăng cường Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù (đã tham chiến tại mặt trận Khánh Dương trong đội hình của Lữ đoàn 2 Nhảy Dù), và Tiểu đoàn 1 Pháo binh Nhảy Dù.

*** Tình hình Phan Rang trong thượng tuần tháng 4/1975:**

Ngay sau khi Bộ tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3 được thành lập tại Phan Rang (tỉnh lỵ Ninh Thuận), trật tự an ninh tại tỉnh này đã được văn hồi ngay. Vị Đại tá Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Ninh Thuận bỏ đi trong ngày 2/4/1975 được lệnh trở về tái lập việc phòng thủ quanh thị xã và điều hành công việc hành chính trong tỉnh. Tuy nhiên lực lượng Địa phương quân và Nghĩa quân tại Ninh Thuận chỉ còn một phần ba quân số tại hàng. Một số lớn binh sĩ và hạ sĩ quan đã bỏ đơn vị vào Nam tìm gia đình.

Theo kế hoạch, lực lượng Địa phương quân được phối trí phòng thủ gần thị xã, bảo vệ cầu, các cơ sở và tham gia lực lượng giữ gìn an ninh tại thị xã và các vùng phụ cận. Lực lượng nòng cốt để bảo vệ Phan Rang vẫn trông cậy vào các tiểu đoàn Nhảy Dù. Với lực lượng mới được tăng cường, với sự yểm trợ không quân hữu hiệu, với sự chỉ huy thống nhất, an ninh được tái lập và tình hình tại Phan

Rạng lảng dịu lại sau những ngày hỗn loạn.

*** Phần bổ sung về cuộc hành trình của Trung tướng Ngô Quang Trưởng trên đường vào Nam**

Trong khi Cộng quân tiến chiếm các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa thì một số tàu Hải quân đang chở hàng ngàn quân sĩ của các đơn vị Quân khu 1 và một số tiểu đoàn của Sư đoàn Thủy quân Lục chiến từ Đà Nẵng vào Nam. Như đã trình bày, chỉ có một ít đơn vị của Sư đoàn 1 và Sư đoàn 3 Bộ binh lên được tàu cùng với một số sĩ quan. Riêng Trung tướng Trưởng được tàu Hải quân HQ 404 vớt sau khi ông phải bơi từ bờ.

Trong cuộc hải trình vào Nam trên tàu HQ 404, Tướng Trưởng đã nhận được mật điện của Tổng thống Thiệu yêu cầu ông chuyển qua HQ5 hay các chiến hạm lớn có đầy đủ tiện nghi và sạch sẽ hơn vì HQ 404 quá chật chội, không có máy lạnh và chở toàn binh sĩ. Theo lời kể của Trung tá Nguyễn Đại Nhơn, Hạm trưởng HQ 404, thì lúc đó tàu này dơ bẩn và hôi hám vì có nhiều người chết. Dù được yêu cầu chuyển qua một tàu lớn hơn nhưng Trung tướng Trưởng không đồng ý, Ông yêu cầu Trung tá Nhơn báo về Sài Gòn là ông xin ở lại trên tàu với anh em Thủy quân Lục chiến chứ không đi đâu cả. Yêu cầu của Trung tướng Trưởng được chấp thuận.

Khi HQ 404 đến Cam Ranh, Hạm trưởng của tàu này nhận được lệnh bỏ hết anh em Thủy quân lục chiến xuống Cam Ranh và chỉ chở một mình Trung tướng Trưởng vào Sài Gòn. Để thực hiện lệnh này, HQ 404 được phép ủi bãi Tân Cảng để đổ Thủy quân lục chiến xuống. Ngay khi cuộc đổ quân bắt đầu, Trung tướng Trưởng lặng lẽ đứng dậy đi xuống tàu. Trung tá Nhơn thấy vậy tiến đến trình bày: “Lệnh Sài Gòn yêu cầu tôi chở Trung tướng về Sài Gòn. Xin Trung tướng ở lại tàu cho”. Với nét mặt cương quyết, Trung tướng Trưởng nói rõ từng tiếng yêu cầu Hạm trưởng HQ 404 xin phép Sài Gòn cho Thủy quân Lục chiến về Sài Gòn để dưỡng quân và chỉnh đốn đội ngũ. Tướng Trưởng nói tiếp: Nếu anh em Thủy quân Lục chiến xuống Cam Ranh thì tôi cũng xuống đây luôn.

Liên ngay sau đó, Trung tá Nguyễn Đại Nhơn, Hạm trưởng HQ 404 báo về Sài Gòn và chờ đợi kết quả. Cuối cùng công điện trả lời: “Yêu cầu của Trung tướng Trưởng được chấp thuận”. Quân nhân Thủy quân Lục chiến đã xuống bờ được gọi trở lên tàu. Khi tất cả quân nhân Thủy quân Lục chiến đã có mặt đầy đủ, với khuôn mặt khắc khổ, Tướng Trưởng lặng lẽ trở vào phòng của ông.

30 Năm Nhìn Lại: Ngày 9/4/1975, Mặt Trận Long Khánh Bùng Nổ

Vương Hồng Anh

*** Tổng lược về trận chiến Long Khánh ngày 9/4/1975**

Theo tài liệu ghi trong hồi ký của Đại tướng Cao Văn Viên, sau khi đã điều động 3 sư đoàn chính quy vào mặt trận Long Khánh, ngày ngày 9 tháng 4/1975, Cộng quân tung lực lượng tiến chiếm một đoạn đường dài trên Quốc lộ 20 và đặt chướng ngại vật tại ngã ba Dầu Giây, giao điểm của Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20. Cùng thời gian khai triển lực lượng tại khu vực nói trên, rạng sáng ngày 9/4/1975, Cộng quân đã pháo kích như mưa vào Căn cứ Không quân Biên Hòa, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3, Căn cứ Tiếp vận Long Bình.

Tại tỉnh lỵ Xuân Lộc, từ 6 giờ sáng 30 cùng ngày (9/4/1975), Cộng quân đã đồng loạt pháo kích khoảng vào nhiều vị trí quanh tỉnh lỵ Xuân Lộc. Khoảng 1 giờ sau, Cộng quân tung trung đoàn 266 thuộc sư đoàn 341 chính quy Bắc Việt, và 1 tiểu đoàn chiến xa T54, 2 tiểu đoàn pháo, 1 tiểu đoàn đặc công tấn công vào ngay thị xã.

Cũng với trận tấn công vào vào thời gian đó, CQ tấn công vào khu vực ngã ba Dầu Giây. Kế hoạch của Cộng quân là muốn chiếm Dầu Giây để từ đây tấn công vào tuyến phòng thủ của Trung đoàn 52 thuộc Sư đoàn 18 Bộ binh.

Ngay trước khi trận chiến xảy ra, để ngăn chặn các đợt tấn công của Cộng quân, Không quân VNCH đã thực hiện nhiều phi tuần oanh tạc vào các vị trí đóng quân của Cộng quân, tuy nhiên, các phi tuần này đã gặp khó khăn do màn lưới phòng không dày đặc của các trung đoàn pháo binh phòng không của Cộng quân được bố trí quanh vòng đai phòng tuyến của Sư đoàn 18 Bộ binh.

*** Lực lượng VNCH tại mặt trận Long Khánh**

Về lực lượng tác chiến của Quân lực VNCH tại mặt trận Long Khánh, theo tài liệu của Phòng 3/Bộ Tổng Tham Mưu QL.VNCH được Đại tướng Cao Văn Viên ghi lại trong hồi ký, thì tính đến sáng ngày 9/4/1975, các đơn vị phòng ngự gồm có toàn bộ lực lượng Sư đoàn 18 Bộ binh, được tăng cường thêm Trung đoàn 8 Bộ binh thuộc Sư đoàn 5 Bộ binh, Thiết đoàn 3, hai tiểu đoàn Biệt động quân, hai tiểu đoàn Pháo binh. Các đơn vị này được chia thành 3 lực lượng đặc nhiệm 316, 318 và 322 được phối trí án ngữ quanh vòng đai thị xã Xuân Lộc. Tư lệnh mặt trận Long Khánh là Chuẩn tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 Bộ binh, chỉ huy lực lượng diện địa là Đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng/Tiểu khu trưởng Long Khánh.

*** Diễn tiến các trận giao tranh trong ngày 9/4/1975.**

Theo bản tin chiến sự do phát ngôn viên Quân sự QL.VNCH phổ biến và được báo Chính Luận số ra ngày 10/4/1975 phổ biến, diễn tiến các trận giao tranh tại Xuân Lộc trong ngày 9/4/1975 được ghi nhận như sau.

Tại phòng tuyến quanh thị xã Xuân Lộc (tỉnh lỵ tỉnh Long Khánh), 7 giờ 30 sáng, Cộng quân đã mở nhiều đợt tấn công vào vị trí phòng ngự của các chiến đoàn 316, 318 và 320. Tại trung tâm tỉnh lỵ Long Khánh, trận chiến xảy ra ngay tại nhà thờ Chánh tòa và giữa chợ Xuân Lộc. Đối phương sử dụng thiết giáp có bộ binh tùng thiết tấn công vào khu vực trung tâm tỉnh lỵ Long Khánh. Để đẩy lùi địch quân ra khỏi thị xã, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 đã điều động thêm lực lượng đến tăng viện, trận chiến trở nên dữ dội hơn.

Lực lượng tăng viện và trú phòng đã quyết chiến và đẩy lùi được ác đợt tấn công của Cộng quân. 4 chiến xa của địch đã bị bắn cháy gần chợ Xuân Lộc. Đến 6 giờ chiều ngày 10/4/1975, các chốt cầm cự của Cộng quân trong tại thị xã Xuân Lộc, nhà thờ Chánh Tòa đã hoàn toàn bị đẩy lui, 300 Cộng quân bị bỏ xác tại trận địa với trên 100 vũ khí đủ loại, 2 binh sĩ Cộng quân bị bắt sống. Tại các khu vực kế cận thị xã, trận chiến vẫn kéo dài đến 10 giờ đêm mới tạm lắng sau khi lực lượng tăng viện giải tỏa được áp lực của Cộng quân.

*** Cuộc chuẩn bị của Cộng quân tại mặt trận Long Khánh**

Theo lời khai của 2 tù binh Cộng quân, những binh sĩ này thuộc một trung đoàn mới từ miền Bắc xâm nhập vào Nam từ đầu năm 1975. Trước khi tấn công vào thị xã Xuân Lộc, đơn vị của hai tù binh này đã được tập dượt trước với sự tham gia của một tiểu đoàn thiết giáp.

Theo tài liệu trong Tạp chí “Lịch sử Quân đội” CSVN số 3/1998 (do tham mưu trưởng Hành quân Sư đoàn 18 Bộ binh Hứa Yên Lân trích dẫn phổ biến trong KBC số 22, thì kế hoạch chuẩn bị cuộc tấn công vào Xuân Lộc được Lê Đức Thọ, ủy viên Bộ chính trị CSVN, kể lại diễn tiến như sau: ” Sau 2 lần B 2 xin quân thì tôi (Lê Đức Thọ) vào chiến trường gặp lúc hội nghị miền Bắc vừa kết thúc. Lúc đó, tôi cũng được biết trước đó, anh em (CSBV) đã đánh Thủ Thừa, đường số 4, nhưng bị thiệt hại

nặng nề, không giải quyết được chiến trường. Ngoài ra địch còn chống cự như trận đánh vào Đồng Dù, Nước Trong là những trận đánh ác liệt tại miền Đông, thương vong của ta (CSBV) không phải là ít, tôi có ý định toan bàn với các đồng chí (Bộ Tham mưu trung ương của CQ tại miền Nam, nhưng nghe anh Dũng (Văn Tiến Dũng, đại tướng Tổng tham mưu trưởng quân đội CSBV), tôi cũng nghĩ có thể mình mới vào chưa rõ tình hình; cứ để các đồng chí đánh vậy. Kết cục là an hem (CSBV) không đánh được Xuân Lộc, bị thương vong nặng, phải rút ra.

Cũng theo tài liệu nói trên, lực lượng CQ tại mặt trận Long Khánh trong những ngày đầu là quân đoàn 4 CSBV do tướng CSBV Hoàng Cầm làm tư lệnh, chính uỷ là tướng CSBV Hoàng Đình Hiệp. Các đại đơn vị thống thuộc quân đoàn này gồm có: sư đoàn 6 sư đoàn 7 và sư đoàn 341, sư đoàn này vừa di chuyển từ Thanh Hóa vào với thành phần Pháo binh cơ hữu. (Tài liệu phổ biến trong hồi ký của Đại tướng Cao Văn Viên có phần khác biệt về danh hiệu các sư đoàn CSBV, theo đó 2 sư đoàn 3 và 341 là những đại đơn vị đầu tiên của CSBV tại mặt trận Long Khánh, sau đó được tăng cường thêm sư đoàn 7 CSBV).

NGÀY 15/4/1975: Kịch Chiến Tại Mặt Trận Long Khánh

Vương Hồng Anh

*** Kịch chiến tại ngã ba Dầu Giây, tỉnh Long Khánh**

Tại phòng tuyến ngã ba Dầu Giây, đến ngày 15/4/1975, trận chiến tại đây bước vào ngày thứ 7. Lực lượng bảo vệ phòng tuyến này là Trung đoàn 52 Bộ binh với sự yểm trợ của Thiết giáp và Pháo binh. Từ chiều ngày 14/4/1975 đến sáng ngày 15/4/1975, các tiền đồn, công sự phòng thủ của các tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 52 từ Kiềm Tân về đến ấp Phan Bội Châu đã bị Cộng quân tràn ngập. Chiều ngày 15/4/1975, trận chiến đã xảy ra quyết liệt ngay tại xã Dầu Giây, ở ngã ba Quốc lộ 1 và 20, giữa lực lượng trú phòng và 2 sư đoàn chính quy và 1 trung đoàn thiết giáp của Cộng quân.

Thế trận và tương quan lực lượng vô cùng chênh lệch. Lực lượng trú phòng còn khoảng 2 ngàn quân sĩ (kể cả các tiểu đoàn Địa phương quân của Tiểu khu Long Khánh từ Định Quán rút về hợp cùng với các đơn vị Trung đoàn 52 Bộ binh), trong khi đó lực lượng của Cộng quân đông gấp 10 lần. Những người lính VNCH tại phòng tuyến ngã ba Dầu Giây đã phải chiến đấu với thế trận 1 chống 10. Trận chiến đã diễn khốc liệt ngay từ những phút đầu. Cộng quân pháo kích như mưa xuống các vị trí công sự của quân trú phòng, sau đó là đợt tấn công biển người.

Sau 3 giờ kịch chiến, Cộng quân đã tràn ngập chia cắt các lực lượng của quân lực VNCH án ngữ trên quốc lộ 1 và quốc lộ 20. Do trời tối, và 4 chiến xa M-48 của Lữ đoàn 3 Thiết kỵ bị trúng đạn Pháo của Cộng quân ngay từ đầu nên việc yểm trợ của Thiết giáp đã không thực hiện được. Khoảng 8 giờ tối ngày 15/4/1975 thì toàn phòng tuyến ngã ba Dầu Giây vỡ. Tất cả chiến xa và đại bác của quân trú phòng VNCH bị hủy diệt. Về lực lượng Bộ binh và Địa phương quân, chỉ còn khoảng 200 người rút về tuyến sau.

Chiếm được ngã ba Dầu Giây, 2 sư đoàn Cộng quân tiến về Xuân Lộc. Tuy nhiên đại quân của Cộng sản Bắc Việt đã không thể tiến ngay như Văn Tiến Dũng mong muốn, vì rằng ngay sau khi phòng tuyến Dầu Giây thất thủ, hai quả bom khổng lồ “Daisy Cutter” (do Mỹ cung cấp vào trung tuần tháng 4/1975) đã được Không quân VNCH thả xuống khu vực tập trung quân của Cộng quân, và một đoàn xe dài chở quân lính và đại bác Cộng quân trên quốc lộ 20. Theo các tài liệu tình báo, hơn 7 ngàn Cộng quân và hàng trăm vũ khí nặng, quân xa CSVN bị tiêu diệt bởi hai trái bom này.

Theo hồi ký của Đại tướng Cao Văn Viên, trong cuộc tiếp xúc với vị Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ vào cuối tháng 2/1975, Đại tướng Cao Văn Viên đã yêu cầu Bộ Quốc phòng Mỹ đặc biệt cung cấp vũ khí nào mà Không quân Việt Nam có thể sử dụng được. Đó là loại bom 15 ngàn cân Anh có tên là bom bạch cúc (Daisy Cutter) mà Không quân Hoa Kỳ thường dùng thả bằng phi cơ C-130 để khai quang dọn bãi đáp trong các khu vực rừng già. Thế nhưng, gần đến cuối cuộc chiến, Hoa Kỳ mới đáp ứng yêu cầu của Bộ Tổng Tham Mưu QL.VNCH, sau chuyên viếng thăm của Đại tướng Weyand. Vào giữa tháng 4/1975, ba trái chuyển đến trước và sau đó ba trái nữa chuyển đến chỉ hai ngày trước khi cuộc chiến kết thúc. Một chuyên viên Mỹ đi theo chuyên này để hướng dẫn cho chuyên viên VN cách gắn ngòi nổ và cách gắn bom lên phi cơ. Thế nhưng chuyên viên Mỹ này không đến kịp. Trước tình hình khẩn cấp và vì mức độ nguy hiểm nếu tồn trữ thứ bom này tại Tân Sơn Nhất hay tại Long Bình nên Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Tư lệnh Không quân VNCH phải chọn một phi công VNCH kinh nghiệm để bay thả thử trái đầu tiên.

***Lữ đoàn 1 Nhảy Dù tại mặt trận Long Khánh**

Như đã trình bày trong phần trước, để tăng viện cho lực lượng phòng thủ tại mặt trận Long Khánh, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3/Quân khu 3 đã điều động Lữ đoàn 1 Nhảy Dù, lực lượng trừ bị cuối cùng, nhảy vào mặt trận Xuân Lộc.

Theo kế hoạch, hai tiểu đoàn Nhảy Dù được trực thăng vận xuống ấp Bảo Bình, cách Xuân Lộc 5 km về hướng Nam. Theo lệnh hành quân của Bộ Tư lệnh Chiến trường Long Khánh, sau khi nhảy xuống ấp Bảo Bình, 2 tiểu đoàn Nhảy Dù mở cuộc tấn công tái chiếm xã Bảo Định, một xã nhỏ bé giữa rừng cao su, cách ấp này 2 km về hướng Bắc. Tin từ Trung tâm hành quân của bộ Tư lệnh chiến trường Long Khánh cho biết xã này đã bị một tiểu đoàn Cộng quân chiếm giữ từ ngày 10 tháng 4/1975 khi địch tung đợt tấn công thứ hai vào khu vực quanh tỉnh lỵ Long Khánh.

Tiểu đoàn Nhảy Dù thứ ba được trực thăng vận xuống khu vườn cao su, cách xã Bảo Định 1 km về phía Bắc. Từ vị trí này tiểu đoàn được lệnh tiến đánh một tiểu đoàn đặc công Cộng quân đang chiếm giữ vườn cây của cố Thống tướng Lê Văn Ty. Theo sự phối nhiệm tác chiến, tiểu đoàn phải thanh toán thật nhanh mục tiêu nói trên để giải tỏa áp lực cho 1 tiểu đoàn Địa phương quân đang bị Cộng quân bao vây. Cùng thời gian này, tiểu đoàn thứ 4 được trực thăng vận xuống ngay trung tâm thị xã Xuân Lộc để đánh bật các đơn vị Cộng quân đang bao vây bộ Chỉ huy Tiểu khu, để bộ chỉ huy này có thể rút về phía sau, hoạt động chung với bộ Tư lệnh Hành quân Sư đoàn 18 Bộ binh. Cuộc tiến quân tái chiếm xã Bảo Định đã có những sự kiện bất ngờ, lạ lùng. Khi 2 đại đội đầu tiên của Tiểu đoàn 9 Dù tiến đến gần trụ sở xã Bảo Định thì trời đã về chiều. Điều làm cho các đại đội trưởng ngạc nhiên là tại phòng Thông tin xã, giáo đường Bảo Định, cờ Việt Nam Cộng Hòa vẫn bay phất phới, trong khi cả xã im vắng, không một bóng người, một sinh vật nào ở ngoài đường.

Trung đội đi đầu của đại đội 2 được lệnh khai hỏa. Ngay khi đó, các loạt đạn từ bên trong bắn ra. Lại một bất ngờ nữa là tiếng súng từ trong xã bắn ra không phải là từ loại súng AK 47 của Cộng quân mà lại là tiếng súng M 16 và đại liên 30 của Quân lực VNCH. Vị tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 9 Dù cho lệnh các đại đội ngưng tấn công và bố trí chờ đợi. Vị tiểu đoàn trưởng gọi về Trung tâm Hành quân Sư đoàn 18 Bộ binh xin xác nhận lần chót về tình hình trước khi tiểu đoàn 9 Dù tấn công. Một sĩ quan có thẩm quyền của trung tâm hành quân quả quyết là xã Bảo Định đã bị Cộng quân chiếm trước đó vài ngày và yêu cầu tiểu đoàn 9 Dù thanh toán mục tiêu thật nhanh.

Khi tiểu đoàn Dù sắp tấn công thì chuông nhà thờ Bảo Định kéo lên, một sĩ quan Địa phương quân

chạy ra hô lớn là lực lượng trong xã không phải là Việt Cộng. Thế là lệnh tấn công được hủy bỏ, các đại đội Dù tiến hành cuộc lục soát quanh khu vực đề phòng Cộng quân ẩn nấp. Sau khi kiểm soát xã Bảo Định, các đơn vị Dù tiến nhanh về phía suối Gia Cốp, cũng nằm trong rừng cao su, gần vườn cây của cố Thống tướng Lê Văn Ty.

Lại thêm một bất ngờ là khi lực lượng Dù vừa rời khỏi xã Bảo Định khoảng 200 mét, khi đó trời đã tối, thì “đụng đầu” một tiểu đoàn vũ khí nặng của Cộng quân. Trận tao ngộ chiến diễn ra hơn một giờ trong rừng cao su, những người lính Nhảy Dù với kinh nghiệm đánh đêm và cận chiến đã tiêu diệt gần trọn cả tiểu đoàn này. Theo tài liệu tình báo, tiểu đoàn vũ khí nặng của Cộng quân từ Định Quán được lệnh băng rừng di chuyển theo tỉnh lộ 332, bọc xuống phía nam Xuân Lộc để chiếm đóng xã Bảo Định, sau đó sẽ yểm trợ hỏa lực cho các đơn vị của sư đoàn có bí số CT6 đang tập trung tại đồn điền Xuân Lộc. Tuy nhiên vừa đến gần xã Bảo Định thì tiểu đoàn Cộng quân đã bị Tiểu đoàn 9 Nhảy Dù tiêu diệt.

Ngày 16/4/1975: Kịch Chiến Tại Phòng Tuyến Phan Rang *Vương Hồng Anh*

*** Lực ghi tình hình chiến sự tại phòng tuyến Phan Rang**

Như đã trình bày, phòng tuyến Phan Rang được tăng cường lực lượng với nỗ lực chính là Lữ đoàn 2 Nhảy Dù và các toán thám sát của Nha Kỹ thuật, lực lượng tiếp ứng này hoạt động tại hai khu vực Đông Bắc và Tây Bắc thị xã Phan Rang. Trước đó, vào ngày 4/4/1975, Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3 được thành lập tại căn cứ Không quân Phan Rang do Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, nguyên Chỉ huy trưởng Trường Bộ Binh, giữ chức Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3. Với hệ thống chỉ huy mới, lực lượng mới đến tăng cường, được sự yểm trợ hữu hiệu của Không quân, tình hình an ninh, trật tự tại Ninh Thuận-Bình Thuận được vẫn hồi nhanh chóng.

Trong tuần lễ đầu, chỉ có vài trận đụng độ nhỏ không đáng kể, chỉ có áp lực của sư đoàn 7 CSBV ở cạnh sườn Phan Thiết. Trong khi đó, tại Quân khu 3, áp lực của CQ đã gia tăng tại mặt trận Biên Hòa-Long Khánh. Trước tình hình đó, Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn 3, quyết định rút Lữ đoàn 2 Nhảy Dù từ Phan Rang về để củng cố lực lượng trừ bị phản ứng cấp thời. Thay thế cho Lữ đoàn 2 Dù và tăng cường lực lượng phòng thủ Bình Thuận là thành phần còn lại của Sư đoàn 2 BB được tái chính trang sau khi rút khỏi Quân khu 1 vào hai tuần trước đó, một liên đoàn Biệt động quân cũng vừa được củng cố cách đó ba ngày và một chi đoàn M-113 thuộc Quân đoàn 2 mới được tái thành lập.

Theo tài liệu ghi trong hồi ký của Đại tướng Cao Văn Viên thì lực lượng Sư đoàn 2 BB được tái thành lập với 2 trung đoàn BB, 1 tiểu đoàn Pháo binh 105 ly, 1 pháo đội 155 ly và chi đoàn M-113. Việc chuyển quân ra thay thế vừa sắp hoàn tất thì chiến trận bùng nổ. Ngày 14 tháng 4/1975, Sư đoàn F-10 CSBV được tăng cường bởi các đơn vị của Sư đoàn 3 CSBV tấn công vào cụm vị trí của Thiết giáp và Pháo binh. Trước tình thế nguy kịch, Trung tướng Nghi yêu cầu giữ lại một tiểu đoàn Nhảy Dù đang chuẩn bị rút về để đối phó.

*** Tổng trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn thị sát mặt trận Phan Rang.**



Ngày 15/4/1975, cựu Trung tướng Trần Văn Đôn, Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng (nội các của Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn) đã bay ra Phan Rang để thị sát tình hình. Sau khi nghe Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3, trình bày về quân số, vũ khí và thực trạng chiến trường, Tổng trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn hứa là sẽ tìm mọi cách để cung cấp các loại vũ khí chiến lược như hỏa đạn CBU cho lực lượng bảo vệ phòng tuyến Phan Rang. Sau khi về đến Sài Gòn, cựu Trung tướng Trần Văn Đôn cho mời Thiếu tướng Smith, Tùy viên Quân sự tòa đại sứ Mỹ, đến gặp ông tại văn phòng Tổng trưởng Quốc phòng VNCH ở đường Gia Long. Trong cuộc gặp này, cựu Trung tướng Trần Văn Đôn đã yêu cầu Thiếu tướng Smith cung cấp cho Bộ Quốc phòng VNCH những loại vũ khí mà Quân lực VNCH đang cần đến, trong đó có hỏa đạn CBU, ống dòm và máy truyền tin cho các đơn vị chiến đấu.

Trước yêu cầu của Bộ Quốc phòng VNCH, Thiếu tướng Smith cho biết hiện trong kho vũ khí của Hoa Kỳ không còn những loại này. Tướng Smith hứa sẽ hỏi lại Bộ Tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương, vì vào thời gian này vũ khí và đạn dược đều nằm ở những tổng kho ngoài lãnh thổ Việt Nam. Rồi Bộ Quốc phòng, Thiếu tướng Smith ghé qua Văn phòng của Tổng Tham mưu trưởng Quân lực VNCH, ông báo cho Đại tướng Viên biết qua về nội dung cuộc gặp gỡ của ông với Tổng trưởng Quốc phòng VNCH. Thiếu tướng Smith nói với Đại tướng Viên: “Tôi được ông Tổng trưởng Quốc phòng mời đến, tưởng ông bàn chuyện di tản gia đình của ông, không ngờ ông bàn chuyện tiếp vận cho các đơn vị ngoài tiền tuyến. Lần đầu tiên, ông Tổng trưởng Quốc phòng bàn với tôi vấn đề đó từ mấy tháng nay”.

*** Ngày 16-4-1975: trận chiến cuối cùng tại phòng tuyến Phan Rang**

Trong khi Bộ Quốc phòng VNCH đang tìm cách để cung cấp các vũ khí tối cần thiết cho các đơn vị tại chiến trường thì tại mặt trận Phan Rang, ngày 16/4/1975, Cộng quân tung 2 sư đoàn tấn công vào căn cứ Không quân Phan Rang và trung tâm thị xã. Phòng thủ vòng đai căn cứ Không quân là 1 tiểu đoàn Nhảy Dù và 1 tiểu đoàn Địa phương quân. Tiểu đoàn Nhảy Dù này thuộc Lữ đoàn 2 Dù chuẩn bị về Sài Gòn theo kế hoạch chuyển quân của Bộ Tổng Tham mưu nhưng do tình hình chiến sự rất nguy ngập, nên Trung tướng Nghi đã xin giữ lại đơn vị này. Bộ chỉ huy Lữ đoàn 2 Dù cũng còn ở lại Phan Rang khi Cộng quân tấn công vào thị xã này. Tại Trung tâm thị xã, lực lượng phòng thủ là một trung đoàn của Sư đoàn 2 BB và một tiểu đoàn Địa phương quân thuộc tiểu khu Ninh Thuận. Hệ thống bảo vệ từ xa của phòng tuyến Phan Rang do một liên đoàn Biệt động quân, 1 tiểu đoàn Pháo binh, 1 chi đoàn M 113 phụ trách, đã bị Cộng quân tấn công từ ngày 14 tháng 4/1975. Để dọn đường cho bộ binh tấn công vào căn cứ Không quân Phan Rang và trung tâm thị xã, Cộng quân đã pháo liên tục vào các vị trí phòng ngự vòng quanh căn cứ Không quân, đồng thời bắn phá dồn dập vào khu vực phi cơ đậu và phi đạo để không cho phi cơ chiến đấu của Sư đoàn 6 Không quân cất cánh. Cùng lúc đó, Cộng quân tấn công mạnh vào thị xã bằng ba hướng. Lúc bấy giờ đại đa số cư dân Phan Rang đã di tản vào Nam, thị xã chỉ còn lại quân nhân, cảnh sát và một số công chức. Lực lượng phòng thủ thị xã chống trả quyết liệt, nhưng do Cộng quân quá đông nên lần lượt các tuyến phòng thủ trung tâm đều bị chiếm. Cùng lúc đó, Cộng quân tung một trung đoàn cắt đứt đường giao thông trên Quốc lộ 1 ở khu vực Cà Ná cách thị xã Phan Rang khoảng 48 km về hướng Tây Nam cốt để chặn đường rút quân của

các đơn vị VNCH.

* Ngày 16-4-1975: Phan Rang thất thủ



Không còn lực lượng trừ bị để tăng viện cho các tuyến phòng thủ, trong khi đó căn cứ Không quân bị tấn công dữ dội, nên sáng ngày 16 tháng 4/1975, Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 3 kiêm Tư lệnh mặt trận Phan Rang, họp khẩn cấp với Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân, sư đoàn đang phụ trách căn cứ Không quân Phan Rang, và Chuẩn tướng Trần Văn Nhựt, Tư lệnh Sư đoàn 2 Bộ binh, để bàn kế hoạch rút quân. Giải pháp mà các vị tướng chọn lựa là phân tán và rút theo cá nhân.

Tình hình tại bộ Tư lệnh của Tướng Nghi vào lúc đó rất nguy kịch, do hệ thống truyền tin bị trúng đạn pháo kích của Cộng quân, nên Bộ Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3 ở Phan Rang đã không còn liên lạc được với Bộ Tư lệnh chính của Quân đoàn 3/Quân khu 3 đóng tại Biên Hòa, cũng như Bộ Tổng tham mưu ở Sài Gòn. Đến trưa ngày 16/4/1975, thị xã Phan Rang bị Cộng quân chiếm.

Tại Bộ Tư lệnh mặt trận Phan Rang đặt trong căn cứ Không quân, Cộng quân xua quân tiến sát đến vòng đai phi trường, Trung tướng Nghi và Chuẩn tướng Sang cho lệnh các sĩ quan và đơn vị trú phòng tùy nghi phân tán. Riêng Chuẩn tướng Nhựt được trực thăng (dành riêng cho Tư lệnh Sư đoàn 2 Bộ binh) đáp xuống ngoài hàng rào phi trường Phan Rang bốc đưa ra biển. Trực thăng chở Tướng Nhựt gặp tàu Hải quân. Tướng Trần Văn Nhựt kể lại rằng từ trực thăng ông nhảy xuống biển và được chiến hạm HQ 3 vớt lên. Từ HQ3, Tướng Nhựt dùng máy truyền tin của Hải quân báo cáo về Sài Gòn là Phan Rang đã thất thủ.

Trở lại với tình hình tại căn cứ Không quân Phan Rang, sau hàng loạt pháo kích bắn phá căn cứ phi trường, doanh trại và hệ thống công sự phòng thủ trong căn cứ, Cộng quân điều động bộ binh và thiết giáp đánh thẳng vào căn cứ. Trong tình hình nguy kịch, Bộ Chỉ huy Lữ đoàn 2 Nhảy Dù đã mở đường máu ra khỏi phi trường và “bắt tay” Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù ở ngoài.

Sau đó, Đại tá Nguyễn Thu Lương, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 2 Nhảy Dù, đã liên lạc được với phi cơ quan sát, sĩ quan liên lạc của Sư đoàn Nhảy Dù trên phi cơ yêu cầu Đại tá Lương tìm bãi đáp để 25 trực thăng sẽ hạ cánh bốc quân đi. Vị lữ đoàn trưởng lữ đoàn 2 Nhảy Dù trình với Trung tướng Nghi đưa bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn và Sư đoàn 6 Không quân di chuyển đến bãi trống phía trái phi trường để lên chuyên trực thăng đầu, còn toàn bộ anh em Nhảy Dù sẽ di chuyển bộ đi về hướng núi Cà Núi để gặp một số đại đội Nhảy Dù bố phòng tại đây.

Theo tài liệu của cựu thiếu tá Nhảy Dù Trương Dưỡng, thì Trung tướng Nghi đã từ chối kế hoạch bảo vệ sự an toàn cho ông và các sĩ quan tham mưu của Quân đoàn tiền phương, ông nói với Đại tá Lương: “Báo cho đoàn trực thăng trở về túc trực, sáng mai sẽ tính. Bây giờ chúng ta tiếp tục di chuyển về Cà Ná lập phòng tuyến chặn địch tại đó”. Nghe Trung tướng Nghi nói như vậy, Đại tá Lương đành cho lệnh bố trí chờ đêm tối băng đường ra khỏi vòng vây của Cộng quân. Về phần Trung tướng Nghi và Chuẩn tướng Sang, do từ chối kế hoạch đầy tình huynh đệ chi binh của Đại tá Lương, nên bị kẹt lại và cuối cùng đã bị CQ bắt.

Ngày 22/4/1975: Quân Đoàn 3 Lập Phòng Tuyển Trảng Bom

Vương Hồng Anh

***Diễn tiến cuộc triệt thoái của Lực lượng VNCH khỏi Long Khánh**

Sau hơn 10 ngày quyết chiến với 4 sư đoàn Cộng quân, vào ngày 20 tháng 4/1975, toàn bộ lực lượng VNCH tham chiến tại mặt trận Xuân Lộc được lệnh rút khỏi chiến trường này để về Phước Tuy. Cuộc rút quân được diễn ra từ chiều ngày 20 tháng 4/1975, đến sáng ngày 22/4/1975, tất cả các đơn vị đã có mặt tại các vị trí mới do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3/Quân khu 3 phối trí.

Theo kế hoạch rút quân, lực lượng tham chiến tại Xuân Lộc sẽ sử dụng liên tỉnh lộ 2 phía Nam Long Khánh, rút về Phước Tuy theo thứ tự: Sư đoàn 18 Bộ binh và các đơn vị trực thuộc. Bộ chỉ huy Tiểu khu Long Khánh và các tiểu đoàn Địa phương quân của tiểu khu này. Lữ đoàn 1 Dù và tiểu đoàn 3 Pháo binh Dù.

Lộ trình rút quân là các cánh quân sẽ xuất phát từ Tân Phong, Long Giao, theo Liên tỉnh lộ 2 về Phước Tuy. Theo kế hoạch, Lữ đoàn 1 Dù vẫn tiếp tục giao chiến và đánh bật Cộng quân ra khỏi các vị trí trọng điểm trong thị xã và là lực lượng hậu đoạn sẽ rút đi sau cùng. Các đơn vị của Sư đoàn 18 Bộ binh và lực lượng Địa phương quân rút đi ngay trong buổi chiều. Cánh quân của Sư đoàn 18 BB rút đi tương đối an toàn. Còn cánh quân do Đại tá Phạm Văn Phúc, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Long Khánh chỉ huy đã bị Cộng quân chặn đánh. Gần tối 20/4/1975, khi Đại tá Phúc và bộ chỉ huy của ông đang di chuyển, một đơn vị Cộng quân từ trên một đồi cao sát với Liên tỉnh lộ 2, đã bắn nhiều loạt đạn B 40 và bích kích pháo xuống đoàn quân.

Là lực lượng đi đoạn hậu (rút quân sau cùng), các tiểu đoàn của Lữ đoàn 1 Dù đã phải tử chiến với các trung đoàn Cộng quân trên đường lui binh. Do phải bảo mật cho cuộc rút quân, đồng thời để nghi binh, nên chỉ đến tối 20/4/1975, các tiểu đoàn Dù mới nhận được lệnh rời bỏ chiến tuyến. Tại khu vực Bảo Định, 7 giờ tối ngày 20/4/1975, trong khi lực lượng Dù đang giao tranh quyết liệt với Cộng quân thì được lệnh rút quân. Các đơn vị phân thành 2 bộ phận: một bộ phận tiếp tục đánh chặn Cộng quân cho bộ phận khác rút. Nói một cách khác, Lữ đoàn 1 Dù vừa đánh vừa tiến hành kế hoạch di chuyển quân về phòng tuyến mới. Lộ trình rút quân của Lữ đoàn Dù dài hơn 40 cây số đường rừng ven theo Liên tỉnh lộ 2 từ Tân Phong đến Đức Thành, Long Lễ về Bà Rịa...

Trong cuộc rút quân khỏi Xuân Lộc và khu vực phụ cận, các chiến sĩ Dù được lệnh mang theo tất cả cấp số đạn và lựu đạn, quân trang quân dụng. Nhưng có một điều đã làm xót xa các cấp chỉ huy và binh sĩ Dù, đó là những chiến sĩ Dù bị thương nặng trong những trận giao tranh trước khi có lệnh rút quân đang chờ đợi tải thương. Với những người bị thương, nhưng còn tỉnh táo, còn có thể đi được thì từng tổ binh sĩ 4 người sẽ thay nhau diu đi, còn với những chiến binh Dù bị trọng thương thì thật đau lòng. Trong một tình thế bất khả kháng, tất cả những người lính Dù đều khóc khi phải cố nén đau thương từ biệt những đồng đội của mình đang bị trọng thương ở các chiến hào.

Trước phút lên đường, nhiều người lính Nhảy Dù đã òa lên khóc lớn, ôm chầm lấy đồng đội, máu từ áo bạn thấm sang áo mình, lần đầu tiên và cũng lần cuối cùng họ phải để bạn bè bị thương vĩnh viễn ở lại với chiến trường... Họ sửa lại ngay ngắn thể nằm của đồng đội, vuốt từng đôi mắt sau khi các quân y sĩ, y tá quân y đã chích cho thương binh những mũi thuốc an thần. Nón sắt của thương binh được lấy ra, đầu của họ được gói trên ba lô, súng cá nhân để bên cạnh. Như một thước phim bi tráng trong các tác phẩm điện ảnh về đề tài chiến tranh, những người lính Dù đứng nghiêm, chào vĩnh biệt đồng

đội. Rồi, đoàn quân lên đường.

Đến 9 giờ tối ngày 20 tháng 4/1975, các tiểu đoàn Dù ra đến Quốc lộ 1. Tại đây, đông đảo dân chúng của các khu Bảo Định, Bảo Toàn, Bảo An đã đứng sẵn ở hai bên đường và xin đi theo các chiến sĩ Dù để di tản. Cuộc hành trình gian khó bắt đầu...

***Những cảm tử quân trên đường rút quân**

Theo kế hoạch rút quân, ngoại trừ Tiểu đoàn 3 Pháo binh Dù được di chuyển trên đường lộ với sự bảo vệ an ninh lộ trình của đại đội Trinh sát Dù, các tiểu đoàn Dù đều phải băng rừng mở đường di chuyển. 4 giờ sáng ngày 21/4/1975, tại ấp Quý Cả, gần địa giới hai tỉnh Long Khánh và Phước Tuy, đoàn xe chở Tiểu đoàn 3 Pháo binh Dù và Đại đội Trinh Sát Dù bị 2 tiểu đoàn Cộng quân phục kích. Pháo đội C và một trung đội của đại đội Trinh Sát Dù bảo vệ pháo đội này đã bị tổn thất, đa số quân sĩ đều bị thương vong trước các đợt tấn công biển người của Cộng quân. Trên lộ trình triệt thoái, đại đội đi đầu của Tiểu đoàn 9 Dù đã đụng độ nặng với Cộng quân tại thung lũng Yarai, dưới chân núi Cam Tiên. Đại đội này đã bị những “chốt” của Cộng quân từ trên cao bắn xuống. Cuộc giao tranh kéo dài nhiều giờ. Để diệt các chốt của Cộng quân, các toán cảm tử Dù được thành lập ngay tại trận địa với những quân nhân tình nguyện. Những cảm tử quân này mặc áo giáp, đeo súng phóng hỏa tiễn cá nhân M 72, lựu đạn, bò đến các “chốt” Cộng quân ở trên núi cao. Có nhiều toán vừa bò lên núi, đã bị cả chục trái lựu đạn của địch từ trên cao ném xuống.

Họ phải lách thật nhanh, nằm xuống, trước khi lựu đạn địch quân nổ, hoặc chụp lấy và mém trả lại. Trong trường hợp bắn M-72 nếu không có kết quả, họ phải thay đổi ngay vị trí để tránh sự bắn trả của Cộng quân.

Có những người lính Dù đã làm cho mọi người khâm phục về sự dũng cảm phi thường của họ. Chiếc bunker cuối cùng của Cộng quân trên núi Cam Tiên vô cùng kiên cố. Đó là hầm chỉ huy của một đơn vị CSBV. Hai cảm tử quân Dù đã bắn M72 vào bunker này nhưng vẫn không hạ được mục tiêu. Một đồng đội của họ từ lưng chừng núi đứng lên, để M 72 trên vai, bắn thẳng vào mục tiêu. Từng loạt đạn của Cộng quân bắn trả tới tấp. Nhưng người xạ thủ gan dạ này vẫn đứng thẳng không cúi xuống tiếp tục bắn: chiếc bunker chỉ huy và các ổ súng nặng của Cộng quân bị hủy diệt. Thanh toán xong mục tiêu này, các đơn vị Dù tiếp tục cuộc hành trình gian khó tiến về Bà Rịa. (Phần này biên soạn theo tài liệu của Thiếu tá Phạm Huân, 1 nhà báo quân đội, và lời kể của một số nhân chứng)

*** Tái phối trí tại phòng tuyến mới: Trảng Bom-Long Thành-Phước Tuy.**

Ngày 22 tháng 4/1975, cuộc rút quân hoàn tất. Sư đoàn 18 Bộ binh sau khi về đến Long Lễ trong ngày 21/4/1975, đã được Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 cho di chuyển nghỉ dưỡng quân hai ngày tại Long Bình, sau đó các trung đoàn và đơn vị thuộc dụng được điều động đi tăng cường phòng thủ tuyến mặt Đông thủ đô Sài Gòn, kéo dài từ Tổng kho Long Bình đến Kho đạn Thành Tuy Hạ, tiếp cận với lực lượng của các quân trường như Trường Bộ Binh, Trường Thiết Giáp;

Lữ đoàn 1 Dù được bố trí giữ Phước Tuy, bảo vệ Quốc lộ 15 từ Long Thành về Bà Rịa, và là lực lượng tiếp ứng cứu Vũng Tàu khi thành phố này bị tấn công.

Với kế hoạch phối trí mới của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 để bảo vệ Sài Gòn, kể từ sáng 22/4/1975, phòng tuyến án ngữ phía Bắc và phía Đông của Quân đoàn 3 và Quân khu 3 được thành hình với liên tuyến Trảng Bom-Long Thành-Phước Tuy. Lực lượng chính tại phòng tuyến này có Sư đoàn 18 Bộ binh, Lữ đoàn 1 Dù, Lữ đoàn 3 Thiết kỵ (do Chuẩn tướng Trần Quang Khôi chỉ huy) và Lữ đoàn 468

Thủy quân Lục chiến. Trước đó, Lữ đoàn 147 và 258 Thủy quân lục chiến đã được tăng phái cho Quân đoàn 3 và là lực lượng bảo vệ phía Bắc của phi trường Biên Hòa.

Về lực lượng phòng thủ vòng đai xa của Sài Gòn, tính đến ngày 22 tháng 4/1975, có 3 sư đoàn Bộ binh: Sư đoàn 18 BB do Tướng Lê Minh Đảo chỉ huy; Sư đoàn 25 Bộ binh do Tướng Lý Tông Bá chỉ huy, phụ tại phòng tuyến Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Long An; Sư đoàn 5 Bộ binh do Tướng Lê Nguyên Vỹ chỉ huy, phụ trách phòng tuyến Bình Dương.

23/4/1975: Các Cuộc Diễn Xếp Giải Quyết Tình Hình VNCH

Vương Hồng Anh

*** Cuộc họp tại Bộ Tổng Tham Mưu**

Đề ổn định tình thế, 6 giờ chiều ngày 23/4/1975, với chức danh là Tổng trưởng Quốc phòng, cựu Trung tướng Trần Văn Đôn đã họp các tướng lĩnh tại văn phòng Tổng tham mưu trưởng. Tại buổi họp này, cựu Tướng Đôn nói “Dù có thương thuyết để đình chiến, chúng ta cũng cố giữ những gì chúng ta có”. Vị Tổng trưởng Quốc phòng yêu cầu Đại tướng Viên, Trung tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư lệnh Quân đoàn 3 & Quân khu 3 sắp xếp lại tuyến phòng thủ để bảo vệ Sài Gòn và đoạn đường từ Sài Gòn. Cũng tại cuộc họp này, Đại tướng Viên đã báo cáo tình hình chiến sự và khả năng phòng ngự của Quân lực VNCH tại khu vực vòng đai thủ đô Sài Gòn và khu vực các tỉnh lân cận. Tướng Viên cho biết lực lượng Cộng quanh chung quanh Sài Gòn và Biên Hòa đã lên đến 15 sư đoàn, trong đó có 1 sư đoàn pháo binh, nhiều lữ đoàn thiết giáp và các đơn vị phòng không sử dụng hỏa tiễn SAM.

*** Các cuộc diễn xếp về nhân sự lãnh đạo VNCH trong những ngày cuối của cuộc chiến**

Cùng với những diễn biến dồn dập về quân sự, những dị biệt và bất đồng về vấn đề nhân sự lãnh đạo miền Nam cũng đang được các nhà hoạt động chính trị bàn thảo ráo riết, trong đó có cả sự tham dự “nhiệt tình” của Đại sứ quán Pháp.

Theo hồi ký của cựu Trung tướng Trần Văn Đôn, sau khi Tổng Thống Thiệu từ chức, Tòa Đại sứ Pháp đã nhảy vào chính trường Việt Nam. Cố vấn chính trị của sứ quán Pháp là ông Brochand đã gặp cựu Trung tướng Trần Văn Đôn, lúc bấy giờ là Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng của nội các do ông Nguyễn Bá Cẩn làm Thủ tướng. Nhà ngoại giao này đã cho Phó Thủ tướng Đôn biết sứ quán Pháp có liên lạc với Hà Nội và nhấn mạnh thêm: “Nếu có thương thuyết thì Cộng sản chỉ thương thuyết với ông Dương Văn Minh mà thôi”. Ông Brochand cũng cho là ông Minh cần sự hợp của Tướng Đôn.

Trước khi ra về, ông Brochand hỏi Phó Thủ tướng Trần Văn Đôn: Ông Minh có thể gọi điện thoại cho ông được không? Tướng Đôn gật đầu. Mười phút sau, ông Dương Văn Minh gọi điện thoại cho Tướng Đôn và xin một cuộc hẹn. Mười giờ tối ngày 22/4/1975, Tướng Đôn gặp ông Minh. Tướng Đôn hỏi ông Minh:

- Anh có thể thương thuyết với bên kia được không?
- Được, nhưng phải thật lẹ, nếu không chúng ta không có hy vọng.

Tướng Đôn cho rằng ông Minh biết Cộng sản Hà Nội đang chờ ông nắm quyền rồi sẽ thương thuyết. Ông Minh chưa tiếp xúc với Tổng thống Trần Văn Hương vì vị tân Tổng thống không thích ông Minh. Theo Tướng Đôn, việc này rất bất lợi nhất là sau khi VNCH bỏ Xuân Lộc. Ông Minh đề nghị Tướng Đôn đi gặp Đại sứ Mỹ Martin để thuyết phục Tổng thống Trần Văn Hương. Rồi nhà ông Minh, ngay trong đêm 22/4/1975, Tướng Trần Văn Đôn đã đến nhà đại sứ Mỹ Martin dù đã gần 12

giờ khuya. Tướng Đôn kể lại khi ông vừa ngồi xuống trong phòng khách thì sĩ quan tùy viên của Đại sứ Hoa Kỳ đến nói nhỏ bên tai ông Martin. Vị đại sứ xin lỗi Tướng Đôn, bước vào phòng riêng, khi trở ra ông nói: Có một phi cơ xin phép đáp xuống phi trường Manila, vì bên đó Phi Luật Tân nghi trên phi cơ có Tổng thống Thiệu nên họ điện thoại hỏi thử có đúng không. Hỏi lại thì biết Tổng thống Thiệu còn ở trong Dinh Độc Lập.

Cựu Tướng Đôn xin lỗi ông Martin vì tình hình bắt buộc nên phải đến gặp vị đại sứ Hoa Kỳ trong giờ khuya. Sau đó, Tướng Đôn trao đổi với ông Marin về ý kiến của ông Dương Văn Minh và yêu cầu Đại sứ Martin đề nghị Tổng thống Trần Văn Hương giao quyền cho ông Minh đứng ra thương thuyết với CSBV. Ông Martin hứa với Tướng Đôn là sẽ cố thuyết phục Tổng thống Hương. Bấy giờ là 1 giờ sáng ngày 23/4/1975...

Cũng theo tài liệu của cựu Trung tướng Trần Văn Đôn, để tìm một giải pháp ổn định trước những biến động thời cuộc, ngày 23 tháng 4/1975, một số tướng lãnh và sĩ quan cao cấp do Trung tướng Nguyễn Bảo Trị, nguyên Chỉ huy trưởng Trường Chỉ huy Tham mưu, lúc bấy giờ đang giữ chức Tổng cục trưởng Quân Huấn; Trung tướng Vĩnh Lộc, nguyên Chỉ huy trưởng trường Cao Đẳng Quốc Phòng, hướng dẫn, đã đến tư dinh của Tướng Trần Văn Đôn. Phái đoàn này đề nghị Tướng Đôn với chức danh là Tổng trưởng Quốc phòng chỉ định người thay thế Đại tướng Cao Văn Viên trong chức vụ Tổng tham mưu trưởng vì theo các vị này, Đại tướng Viên không còn thiết tha với quân đội nữa.

Trước đề nghị của một số tướng lãnh, cựu Trung tướng Trần Văn Đôn nói: “Tình thế sắp thay đổi, tôi không cần chỉ định ai, tự nhiên cũng có người thay thế.” Khi đó, Trung tướng Nguyễn Bảo Trị đề nghị: “Thôi Trung tướng làm Tổng trưởng Quốc phòng kiêm luôn Tổng Tham Mưu trưởng đi.” Cựu Trung tướng Đôn từ chối và nói: “Tôi đã về hưu lâu rồi, lâu nay không còn mặc quân phục nữa, nhưng nếu cần tôi cũng có thể đảm nhận vai trò Tổng Tham mưu trưởng lúc khó khăn này. Nhưng tôi thấy tình thế biến chuyển quá mau, chưa biết nó sẽ đi tới đâu.”

Tướng Trần Văn Đôn hỏi lại Trung tướng Trị: “Vậy thì ai có thể thay thế Đại tướng Viên?” Trung tướng Trị trả lời: “Trung tướng Nguyễn Đức Thắng, gần hai năm nay ông ấy không có làm việc.”

Theo lời cựu Trung tướng Trần Văn Đôn ghi lại trong hồi ký thì ông biết rõ khả năng của Trung tướng Thắng và đã gợi ý nhưng Tướng Thắng đã từ chối. Tướng Thắng xuất thân khóa 1 Sĩ quan Trừ bị Nam Định-Thủ Đức năm 1952, là một trong bốn tiểu đoàn trưởng đầu tiên của binh chủng Pháo binh VNCH. Từ 1960-1969, ông đã giữ nhiều chức vụ quan trọng: đầu năm 1961, khi còn ở cấp trung tá, ông đã được bổ nhiệm giữ chức Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh và chỉ 1 tháng sau, được thăng cấp đại tá. Tháng 10/1961, ông bàn giao chức vụ nói trên cho Đại tá Nguyễn Văn Thiệu (1967 là Tổng Thống VNCH) và về làm Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ Binh, cuối năm 1962, ông được điều động về Bộ Tổng Tham mưu, phụ trách về kế hoạch hành quân; được thăng Chuẩn tướng vào tháng 8 năm 1964, thăng Thiếu tướng tháng 11/1965 và giữ chức Tổng trưởng bộ Xây dựng Nông thôn trong nội các của Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ (từ 1965-1967), Tổng Tham mưu phó đặc trách Địa phương quân-Nghĩa quân (tháng 9 năm 1967); cuối tháng 1/1968 được bổ nhiệm làm Tư lệnh Quân đoàn 4 & Quân khu 4 (năm 1968), thăng trung tướng vào tháng 5/1968, một tháng sau ông xin thôi giữ chức tư lệnh Quân đoàn, trở lại Bộ Tổng tham mưu giữ chức phụ tá Kế hoạch của Tổng Tham mưu trưởng (1969 đến 1972); năm 1973, ông xin nghỉ dài hạn không lương 5 năm để hoàn tất chương trình cử nhân và cao học toán (trước đó ông đã thi đỗ một số chứng chỉ Toán của đại học Khoa học với hạng ưu).

Tại cuộc gặp gỡ nói trên, một số tướng lãnh còn đề nghị với cựu Tướng Đôn là nên bắt tất cả những người Mỹ còn lại làm con tin để Mỹ tiếp tục viện trợ giữ miền Nam. Tướng Đôn trả lời với phái đoàn là chuyện đó đã có tin đồn rồi, thế nào Mỹ cũng biết và có kế hoạch đối phó. Lực lượng Thủy quân Lục chiến Mỹ đang chờ ở ngoài khơi sẽ đổ bộ với lực lượng hùng hậu, chừng đó, theo Tướng Đôn sẽ có đổ máu và tình thế sẽ rối rắm nguy ngập hơn nữa. Cựu Tướng Đôn cũng phân tích là hơn một ngàn người Mỹ còn lại ở Việt Nam muốn cùng với Quân đội Việt Nam Cộng Hòa để cùng chiến đấu đồng thời thúc đẩy, xoay chuyển dư luận Mỹ yểm trợ cho miền Nam. Cuối cùng cựu Trung tướng Trần Văn Đôn khuyên mọi người là cần phân biệt chính quyền Mỹ và những người Mỹ ở Sài Gòn. Ông nói rằng chính quyền Mỹ ở Sài Gòn chỉ có ông đại sứ đại diện mà thôi, bỏ rơi Việt Nam là chính phủ Mỹ và Quốc hội Mỹ, chứ không phải là những người Mỹ đang ở Sài Gòn, nếu bắt một số người Mỹ ở Sài Gòn làm con tin thì tội nghiệp cho họ và chẳng có ích lợi gì.

27-4-1975: Quốc Hội Họp Khẩn Bầu Tân Tổng Thống VNCH

Vương Hồng Anh

***Quốc hội VNCH họp khẩn xét 2 đề nghị của Tổng thống VNCH Trần Văn Hương về chức vụ Tổng Thống và Thủ tướng VNCH**

Sáng ngày 27/4/1975, Tổng thống Trần Văn Hương đã mở cuộc họp đặc biệt tại tư dinh với thành phần tham dự gồm các ông: Trần Văn Linh, Chủ tịch Tối cao Pháp viện; Trần Văn Lắm, Chủ tịch Thượng viện; Phạm Văn Ut, Chủ tịch Hạ Viện; cựu Trung tướng Trần Văn Đôn, Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng (Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn đã từ chức từ 23-4-1975), và 1 phụ tá Tư pháp của Tổng thống. Tại cuộc họp này, Tổng thống Trần Văn Hương nhắc lại 2 biện pháp mà ông đã đề nghị trong phiên họp với Quốc hội ngày 26/4/1975:

Thứ 1: Giao cho Tổng thống đương nhiệm toàn quyền chỉ định 1 Thủ tướng toàn quyền.

Thứ 2: Bầu ông Dương Văn Minh làm Tổng thống.

Theo lời kể của Cựu Trung tướng Trần Văn Đôn ghi lại trong cuốn Việt Nam Nhân Chứng, trong phiên họp sáng ngày 27/4/1975, Tổng thống Trần Văn Hương trình bày diễn tiến cuộc họp riêng với ông Dương Văn Minh, và cho biết “ông có mời ông Minh làm Thủ tướng toàn quyền nhưng ông Minh không nhận, mà yêu cầu ông phải từ chức, giao chức vụ Tổng thống cho ông Minh để ông Minh có toàn quyền nói chuyện với Việt Cộng”.

Chiều ngày 27 tháng 4/1975, Tổng trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn cầm đầu một phái đoàn gồm nhiều Tướng lãnh trong Bộ Tổng Tham mưu và vị Tư lệnh Biệt khu Thủ Đô đến tham dự cuộc họp đặc biệt của lưỡng viện Quốc hội. Phái đoàn của Tổng trưởng Quốc phòng đến trước, và khoảng 7 giờ 30 phút tối ngày này thì có 138 nghị sĩ, dân biểu hiện diện. Tổng trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn tóm tắt tình hình quân sự: Sài Gòn đang bị bao vây bởi 15 sư đoàn CSBV đặt dưới quyền của ba quân đoàn CSBV. Quốc lộ Sài Gòn-Vũng Tàu bị cắt đứt và CQ đang tiến về Long Bình. Đến 8 giờ 20 ngày 27 tháng 4/1975, Đại hội đồng lưỡng viện Quốc hội bỏ phiếu (136 thuận-2 chống) chấp thuận trao chức vụ Tổng thống VNCH cho ông Dương Văn Minh.

*** Cuộc gặp gỡ giữa Tổng thống Trần Văn Hương và cựu Đại tướng Dương Văn Minh.**

Như đã trình bày, sau khi Tổng Thống Thiệu từ chức vào ngày 21/4/1975, Tòa Đại sứ Pháp đã nhảy vào chính trường Việt Nam. Cố vấn chính trị của sứ quán Pháp là ông Brochand đã gặp Tướng Trần Văn Đôn, lúc bấy giờ là Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng. Ông Brochand đã cho Tướng Đôn biết sứ quán Pháp có liên lạc với Hà Nội và nhấn mạnh rằng “Nếu có thương thuyết thì Cộng sản

chỉ thương thuyết với ông Dương Văn Minh mà thôi”. Ông Brochand cũng cho là ông Dương Văn Minh cần sự hợp của Tướng Trần Văn Đôn.

Theo sự sắp xếp trung gian của cựu Trung tướng Trần Văn Đôn và cựu Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, 10 giờ sáng ngày 24 tháng 4/1975, cựu Đại tướng Dương Văn Minh đã đến gặp Tổng Thống Trần Văn Hương tại tư dinh của Đại tướng Khiêm trong Bộ Tổng Tham mưu. Tiếp đó, vào buổi trưa, cựu Trung tướng Đôn cũng đến nhà Đại tướng Khiêm để tìm hiểu tình hình, ông đã gặp bác sĩ Nguyễn Lưu Viên, cựu Phó Thủ tướng và Nguyễn Văn Hảo, Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Canh nông của nội các Nguyễn Bá Cẩn (nội các này từ chức ngày 23/4/1975 và được yêu cầu xử lý thường vụ trong khi chờ nội các mới). Tại cuộc gặp này, các nhân vật trên đã nói là cuộc gặp gỡ vừa rồi giữa Tổng thống Trần Văn Hương và ông Dương Văn Minh đã thất bại vì ông Minh từ chối ghe “Thủ tướng toàn quyền”.

Trước tình hình như thế, Đại tướng Khiêm đề nghị cựu Trung tướng Đôn nên nhận chức vụ thủ tướng để thương thuyết. Cựu Tướng Đôn đã kể cho Đại tướng Khiêm nghe lời của ông Brochand là Pháp đã liên lạc với CS Hà Nội và phía CS chỉ muốn nói chuyện với ông Minh mà thôi. Sau đó cựu Trung tướng Đôn đến thẳng Tòa Đại sứ Pháp. Các viên chức cao cấp sứ quán này lặp lại ý kiến trên và cho biết thêm rằng Cộng sản chờ đến ngày Chủ nhật 27/4/1975, nếu không tiến triển gì thì CQ sẽ pháo kích vào Sài Gòn. Theo lời kể của cựu Trung tướng Đôn, sau khi nghe tin này, ông lo ngại cho dân chúng sống chen chúc trong thành phố bị trúng đạn pháo của Cộng quân bắn bừa bãi, nên ông hứa sẽ cố gắng dàn xếp để tìm một giải pháp tạm thời. Chiều hôm đó, Đại tướng Khiêm điện thoại cho cựu Tướng Đôn biết là Tổng Thống Trần Văn Hương sẽ chỉ định ông Nguyễn Ngọc Huy làm Thủ tướng. Theo Đại tướng Khiêm, ông Huy là người chống Cộng triệt để nên khó có thể hòa giải được. Cựu Trung tướng Đôn điện thoại báo cho cựu Đại tướng Minh, ông Minh mời cựu Trung tướng Đôn lại nhà để bàn tính tìm một giải pháp.

Lúc 5 giờ 45 ngày 24/4/1975, cựu Trung tướng Đôn vào Dinh Độc Lập thì gặp ông Nguyễn Ngọc Huy đang nói chuyện với ông Nguyễn Xuân Phong, Quốc vụ khanh đặc trách hòa đàm, từ Pháp mới về. Vừa lúc đó, Đại sứ Martin từ trong văn phòng Tổng Thống Trần Văn Hương đi ra. Cựu Trung tướng Đôn hỏi Đại sứ Mỹ là có phải Tổng Thống Hương chỉ định ông Huy làm thủ tướng hay không. Nhưng ông Martin đã trả lời là không có chuyện đó. Thế nhưng, sau đó, Đại tướng Khiêm vào gặp Tổng thống Hương và ra báo cho cựu Trung tướng Đôn biết là ông Hương sẽ chỉ định ông Huy làm thủ tướng. Đến lượt ông Huy vào gặp Tổng thống Hương. Cuối cùng là Tổng trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn và Đại tướng Viên vào trình bày cho Tổng thống Hương tình hình quân sự: Cộng quân đang tiến sát vòng đai Sài Gòn, vũ khí, quân dụng, đạn dược thiếu, tinh thần chiến đấu của binh sĩ sa sút... Nghe xong phần trình bày, Tổng Thống Hương nhìn Đại tướng Viên và nói: “Ông sẽ làm Tổng tư lệnh Quân đội”. Tổng Thống Hương nói tiếp rằng ông sẽ chia xẻ với số phận của anh em quân nhân trên các chiến trường, nghĩa là ông sẽ chết cùng với anh em binh sĩ.

Trước khi rời Dinh Độc Lập, cựu Trung tướng Đôn nói với Tổng thống Hương: “Cụ nghiên cứu lại, vì bên kia họ chỉ muốn nói chuyện với ông Minh mà thôi”. 8 giờ tối hôm đó, cựu Trung tướng Đôn trở lại nhà ông Dương Văn Minh và thấy một số nhân vật ở đây: ông Nguyễn Văn Huyền, cựu chủ tịch Thượng nghị viện, giáo sư Vũ Văn Mẫu và ông Brochand, cố vấn chính trị sứ quán Pháp. Cựu Tướng Đôn giải thích với ông Dương Văn Minh: “Ông Hương vừa mới lên mà yêu cầu ông từ chức thì cũng khó xử cho ông ấy, hơn nữa còn Hiến pháp, còn Quốc hội.” Ý kiến của cựu Trung tướng Đôn chỉ có ông Huyền đồng ý, còn ông Minh và ông Mẫu thì cho rằng ông Hương trì hoãn như vậy nhưng thế

nào rồi cũng chấp thuận.

*** TT Nguyễn Văn Thiệu gặp cựu Trung tướng Trần Văn Đôn lần cuối cùng**

8 giờ sáng ngày 25 tháng 4/1975, cựu Tổng Thống Thiệu điện thoại cho cựu Trung tướng Đôn ngỏ ý muốn gặp ông tại Dinh Độc Lập (sau khi từ chức, cựu TT Nguyễn Văn Thiệu vẫn còn ở trong dinh này) để nhờ lấy giúp cho bạn của ông một giấy chiếu khán đi ngoại quốc. Khi cựu Trung tướng Đôn vào dinh Độc Lập, cựu Tổng Thống Thiệu cho biết là ông đã hiểu rõ diễn biến. Câu chuyện nửa chừng thì cựu Tổng Thống Thiệu điện thoại cho Tổng thống Hương và nói: “Nếu ông Dương Văn Minh không chịu làm Thủ tướng toàn quyền thì cụ tìm một người khác có thể thương thuyết với bên kia và người đó theo tôi là ông Đôn”.

Để điện thoại xuống, cựu Tổng Thống Thiệu nói với ông Đôn: “Theo tôi, ngoài ông Minh ra, ông là người có thể nhận trách nhiệm này. Tôi đã nghĩ đến ông từ năm 1973. Tôi đã biết ông từng tiếp xúc nhiều giới chức... Ông có uy tín trong giới chính trị và quân đội. Nhưng tôi không thay đổi lập trường chống Cộng triệt để của tôi nên không thể ngồi chung với Cộng sản. Nếu chịu thương thuyết tôi đã mời ông làm Thủ tướng từ năm 1973 rồi. Nhưng ngày nay thì tôi đề nghị với ông Hương mời ông làm việc”.

Cựu Trung tướng Đôn hỏi lại cựu TT Thiệu: “Ông có nghĩ là bây giờ đã trễ không?” Ông Thiệu im lặng không đáp. Trước khi từ giả, cựu Trung tướng Đôn nhìn thẳng cựu TT Thiệu, rồi nói: “Còn phần ông, chừng nào ông đi? Tôi biết Mỹ không muốn chuyện xảy ra như ông Diệm. Xung quanh ông đang bỏ ông nhất là khi nghe có tân thủ tướng và chính phủ mới. Ông phải đi cho nhanh. Nếu tôi làm Thủ tướng, nội các của tôi cũng sẽ đòi bắt ông và tôi làm theo.”

Từ biệt cựu TT Thiệu, cựu Trung tướng Đôn ghé nhiều nơi để trao đổi ý kiến với một số yếu nhân và sau đó trở về nhà. Đến nhà, cựu Trung tướng Đôn được biết cựu Tổng Thống Thiệu điện thoại cho ông mấy lần và có để lại số điện thoại. Cựu tướng Đôn gọi lại thì cựu Tổng thống Thiệu nói lời từ giả với cựu Tướng Đôn: “Chúc anh thành công và cảm ơn anh.” Cựu Tướng Đôn nhắc lại những gì đã nói khi gặp cựu Tổng thống Thiệu và nói: “Ông đừng quên những gì tôi đã nói hồi sáng, nghĩa là ông phải ra đi.” Sau đó, cựu Tướng Đôn được báo là người Mỹ đã giúp cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và cựu Thủ tướng Trần Thiện Khiêm và cả gia đình hai vị này rời khỏi Việt Nam bằng máy bay đặc biệt đến Đài Bắc, Thủ đô Đài Loan.



Ngày 28/4/1975: Tướng Minh Nhậm Chức Tổng Thống VNCH
Vương Hồng Anh

*** Tổng thống Trần Văn Hương từ chức, trao quyền cho ông Dương Văn Minh**

Trong khi Cộng quân áp lực nặng quanh vòng đai Thủ đô Sài Gòn, thì một sự kiện trọng đại đã xảy ra trong ngày 28/4/1975: Tổng thống Trần Văn Hương từ chức, trao quyền nguyên thủ quốc gia cho ông Dương Văn Minh, cựu đại tướng. Lễ bàn giao diễn ra vào chiều ngày 28 tháng 4/1975. Trong buổi lễ này, Quân lực VNCH cử Trung tướng Trần Văn Minh, Tư lệnh Không quân và Trung tướng Đồng Văn Khuyên tham mưu trưởng Liên quân thay mặt Đại tướng Cao Văn Viên đến dự lễ. Trước khi bước xuống bục để nhường cho ông Dương Văn Minh đọc

lận chức, Tổng thống Trần Văn Hương đã công bố sắc lệnh giải nhiệm Đại tướng Cao Văn Viên khỏi nhiệm vụ tham mưu trưởng (theo nguyện vọng của Đại tướng Viên). Sau nghi lễ nhận chức, ông Dương Văn Minh bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Huyền làm Phó Tổng thống và ông Vũ Văn Mẫu làm Thủ tướng.

*** Tướng Trần Văn Đôn kể lại những biến cố, sự kiện trong ngày 28/4/1975**

Theo lời kể của cựu Trung tướng Trần Văn Đôn ghi lại trong Việt Nam Nhân Chứng, trong buổi lễ bàn giao, ông Dương Văn Minh đã “trầm tĩnh đọc bản tuyên bố đường lối của mình là “sẽ chấm dứt chiến tranh bằng cách thương thuyết và hòa giải với Mặt trận Giải phóng miền Nam”.

Vào 6 giờ chiều, cuộc lễ xong, ông Minh tiễn cựu Trung tướng Trần Văn Hương ra cổng. Nhà của cựu Trung tướng Trần Văn Đôn ở gần dinh Độc Lập nên chỉ vài phút sau ông đã về đến nhà, lại nghe “tiếng nổ âm ầm, súng bắn lung tung, phi cơ bay. Trên dinh Độc Lập. Nửa giờ sau, tiếng súng ngưng nổ, tiếng động cơ máy bay nhỏ dần rồi im lặng. Tướng Đôn điện thoại cho Bộ Tổng Tham mưu và Bộ Tư lệnh Không quân thì được báo cáo có 3 phi cơ của Không quân VNCH bị bỏ lại ở Đà Nẵng và Việt Cộng đã sử dụng để bay vào Sài Gòn dội bom. Hai phân lực cơ F-5 của Không quân đã bay lên nghinh chiến đuổi 3 phi cơ này. (Tài liệu của Đại tướng Cao Văn Viên cho biết 3 phi cơ tham gia cuộc dội bom là phân lực cơ A-37).

Cũng theo lời kể của cựu Trung tướng Trần Văn Đôn, trước lễ bàn giao chức vụ Tổng thống VNCH diễn ra vào buổi chiều 28/4/1975, thì vào 8 giờ sáng ngày 28 tháng 4, cựu Trung tướng Đôn đã đến văn phòng Tổng tham mưu trưởng như thường lệ gặp Đại tướng Cao Văn Viên để theo dõi tình hình quân sự. (Theo tài liệu ghi trong Quân sử VNCH, vào năm 1955, ông Trần Văn Đôn là Thiếu tướng Tham mưu trưởng Bộ Tổng Tham mưu, ông Cao Văn Viên là Thiếu tá, giữ chức vụ Trưởng phòng 4 Bộ Tổng Tham mưu).

Trong cuộc gặp nói trên, Tướng Viên nhắc với Tướng Đôn rằng Tổng thống Trần Văn Hương đã ký sắc lệnh cho ông nghỉ, do đó, ông yêu cầu Tướng Đôn với chức danh là Tổng trưởng Quốc phòng, cử người thay thế. Ngay lúc đó, có điện thoại của ông Dương Văn Minh gọi cho Tướng Đôn, dặn ông cố gắng giữ Tướng Viên ở lại chức vụ Tổng Tham mưu trưởng, đừng cho Tướng Viên đi.

Trước sự việc như thế, Tổng trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn không biết xử sự làm sao vì Tướng Viên đã được Tổng thống Trần Văn Hương cho nghỉ (sắc lệnh này được Tổng thống Trần Văn Hương công bố vào chiều ngày 28/4/1975). Tướng Đôn hỏi Tướng Viên:

-Nếu anh đi, thì theo anh ai sẽ thay thế được ?

Tướng Viên không trả lời thẳng mà hỏi lại Tướng Đôn:

-Anh sẽ làm gì ?

Tướng Đôn trả lời:

-Tôi cũng chưa quyết định. Mấy ngày trước, ông Minh và ông Mẫu muốn tôi tiếp tục giữ ghế Tổng trưởng Quốc phòng nhưng tôi chưa trả lời, nay ông Minh cho tôi biết Hà Nội không muốn có người nào trong nội các cũ ở lại trong nội các mới.”

Về lại văn phòng, Tướng Đôn nhận được điện thoại của ông Dương Văn Minh hủy bỏ sắc lệnh mà Tổng thống Trần Văn Hương đã ký cho phép Tướng Viên nghỉ dài hạn không lương, nhưng sắc lệnh đó Tổng thống Trần Văn Hương đã ký trước khi bàn giao chức vụ Tổng thống.

*** Chức vụ Tổng tham mưu trưởng Quân lực VNCH vào những ngày cuối tháng 4**

Về chức vụ Tổng Tham mưu trưởng Quân lực VNCH, như đã trình bày, sau khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức vào tối 21 tháng 4/1975, và sau cuộc rút quân khỏi Xuân Lộc, Đại tướng Cao Văn Viên không còn thiết tha với chức vụ Tổng tham mưu trưởng Quân lực VNCH, trong khi đó, tân Tổng Thống Trần Văn Hương lại muốn bổ nhiệm Đại tướng Cao Văn Viên làm Tổng tư lệnh Quân đội với đầy đủ quyền hạn, so với chức vụ Tổng Tham mưu trưởng mà Đại tướng Viên đã nắm giữ từ tháng 10/1965. Thế nhưng, Đại tướng Cao Văn Viên đã trình xin Tổng Thống Trần Văn Hương cho ông được giải nhiệm. Tổng thống Trần Văn Hương không đồng ý và yêu cầu Đại tướng Viên tiếp tục giữ chức vụ. Chỉ đến khi Tổng Thống Trần Hương trao quyền cho ông Dương Văn Minh thì Đại tướng Viên mới nhận được quyết định giải nhiệm. Kể lại chuyện này, Đại tướng Cao Văn Viên ghi trong hồi ký như sau: “Trước khi Tổng Thống Hương bước xuống, Tổng Thống đưa ra một sắc lệnh giải nhiệm tôi khỏi chức vụ Tổng Tham mưu trưởng Bộ Tổng Tham Mưu. Đến khi tân Tổng Thống (cựu Đại tướng Dương Văn Minh) muốn chọn người thay thế tôi, tôi đề nghị Tướng Đồng Văn Xuyên, lúc ấy đang giữ chức Tham mưu trưởng Bộ Tổng Tham mưu kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục Tiếp vận”.

*** Tình hình chiến sự trong ngày ông Dương Văn Minh nhận chức Tổng Thống**

Tình hình chiến sự trong ngày 28/4/1975 ghi nhận nhiều diễn biến dồn dập. Cộng quân đã tung thêm lực lượng áp sát vòng đai Sài Gòn. Tại Bình Dương, sau khi đã đưa một sư đoàn vào khu Đông Nam và tấn công vào các khu vực Phú Giáo, Tân Uyên, Cỏ Mi, Cộng quân đã điều động 2 sư đoàn thuộc Quân đoàn 1 CSBV tiến sát đến các tuyến phòng tuyến do các trung đoàn 7, 8, 9 của Sư đoàn 5 Bộ binh. Trong các trận đánh tại Bình Dương vào 10 ngày cuối của tháng 4/1975, nổi bật nhất là trận Bến Sắn giữa sư đoàn 5 Bộ binh và 1 sư đoàn chủ lực Quân đoàn 1 của Cộng quân. Cộng quân muốn chiếm Bến Sắn để từ đó chọc thủng mặt đông của tỉnh Bình Dương và mặt tây của tỉnh Biên Hòa nhưng đã bị sự kháng cự mãnh liệt của Sư đoàn 5 Bộ binh, Cộng quân bị tổn thất nặng. Cũng trong ngày 28/4/1975, Căn cứ Không quân Biên Hòa bị pháo kích dữ dội. Theo tài liệu của Đại tướng Cao Văn Viên, tất cả các phi cơ tại căn cứ này đều đã được dời qua phi trường Tân Sơn Nhất hay xuống phi trường Trà Nóc ở miền Tây. Sư đoàn 3 Không quân bắt đầu phá hủy những phương tiện còn lại trong căn cứ Biên Hòa.

29/4/1975: Tân Chính Phủ VNCH Đòi Mỹ Rút Khỏi Việt Nam

Vương Hồng Anh

*** Tân Thủ tướng Vũ Văn Mẫu nhận chức, yêu cầu Mỹ rút khỏi VN**

11 giờ 30 phút ngày 29/4/1975, ông Vũ Văn Mẫu chính thức nhận chức Thủ tướng. Do ông Nguyễn Bá Cẩn, Thủ tướng do Tổng thống Thiệu bổ nhiệm đã rời Việt Nam, nên Phó Thủ tướng Đôn thay mặt nội các cũ ký biên bản bàn giao với tân thủ tướng Vũ Văn Mẫu. Diễn tiến lễ bàn giao này được cựu Trung tướng Trần Văn Đôn ghi lại như sau:

10 giờ sáng ngày 29 tháng/4, cựu Tướng Trần Văn Đôn đến Phủ Thủ Tướng, đi đường Thống Nhất. Khi đi ngang Tòa Đại sứ Mỹ, ông thấy nhiều người vô ra tấp nập như thường ngày.

Nguyên Phó thủ tướng Trần Văn Đôn đến Phủ Thủ Tướng cùng với sĩ quan tùy viên, nơi đây một số Tổng trưởng nội các mới đã có mặt. Nội các cũ thì có Phó thủ tướng Nguyễn Văn Hảo, Dương Kích Nhưỡng.... Một lúc sau, ông Châu, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng cho biết ông Mẫu muốn điện đàm với Tướng Đôn. Ông Mẫu xin lỗi đến trễ một giờ vì phải qua đài phát thanh đọc lời tuyên bố quan trọng. 11 giờ 30 ông Châu cho biết ông Thủ tướng đến, Tướng Đôn ra cầu thang đón. Ông Mẫu đến

đúng nghi lễ, đi bằng xe Mercedes dành cho Thủ tướng, có xe máy dầu hộ tống”.

Tướng Đôn mời ông Mậu vào văn phòng Thủ tướng và bắt đầu cuộc lễ. Ông Mậu ngồi bên tay mặt Tướng Đôn. Ông Châu đưa biên bản bàn giao để ký. Tướng Đôn ký xong trao cho ông Mậu ký, nhưng ông Mậu ký hoài mà viết của ông ấy vẫn không ra mực nên Tướng Đôn phải đưa viết của ông cho ông Mậu ký. Ai cũng im lặng chờ đợi. Ký biên bản bàn giao xong, Tướng Đôn nói vài lời cầu chúc và ông Mậu đáp từ. Sau đó, ông Mậu nói chuyện với các Tổng trưởng:

-Tôi vừa lên Đài phát thanh tuyên bố, yêu cầu Mỹ rút khỏi Nam Việt Nam trong vòng 24 tiếng đồng hồ kể từ 5 giờ sáng nay(29-4-1975)

Nghe ông Mậu nói, Tướng Đôn dùng điện thoại màu xanh lá cây dành riêng cho Thủ tướng và Phó Thủ tướng để liên lạc với Tòa Đại sứ Mỹ. Có tiếng người bắt điện thoại, Tướng Đôn hỏi ngay: Chuyện gì đã xảy ra? Tôi vừa nghe ông Thủ tướng yêu cầu DAO (Cơ quan tùy viên Quân sự tại Đại sứ quán Mỹ) trong vòng 24 tiếng đồng hồ.

Phía Đại sứ quán Mỹ trả lời:Không phải chỉ có DAO mà tất cả những người Mỹ sẽ rút. Nếu ông muốn đi thì lên Tòa Đại sứ Mỹ trước 2 giờ trưa này (ngày 29-4-1975)

***Tổng thống Dương Văn Minh cho Hải quân toàn quyền hoạt động**



Theo ghi nhận của cựu Tướng Trần Văn Đôn ghi lại trong hồi ký, vào sáng ngày 29/4/1975, Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang, Tư lệnh Hải quân đến gặp Tổng thống Dương Văn Minh cho biết hiện tình tàu bè đủ để chở Chính phủ và binh sĩ xuống miền Tây, nhưng ông Minh cho biết đang lo thương thuyết. 5 giờ chiều cùng ngày, Tổng thống Dương Văn Minh gọi phó Đô Đốc Chung Tấn Cang đến gặp. Phó Đô Đốc Cang cử Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy đi thay. Tổng thống Dương Văn Minh nói với Phó Đề Đốc Thủy: “Tôi trao cho Hải quân được toàn quyền hoạt động.”

***Tình hình chiến sự trong ngày 29/4/1975**

Rạng sáng ngày 29 tháng 4/1975, Bộ Tổng Tham mưu, Căn cứ Không quân Tân Sơn Nhất, Bộ Tư lệnh Hải quân tại bến Bạch Đằng đã trở thành mục tiêu của pháo binh Cộng quân. Những đợt pháo kích liên tiếp của Cộng quân đã rót vào các vị trí trên. Ngay tại Bộ Tổng tham mưu và bộ Tư lệnh Hải quân chỉ bị thiệt hại nhẹ, nhưng căn cứ Tân Sơn Nhất bị thiệt hại nặng nhất. Các bãi phi cơ đậu, các ụ xăng dầu và các trạm truyền tin đều bị đạn pháo bắn trúng. Lửa cháy, đạn nổ khắp nơi.

Cộng quân bắt đầu tấn công bằng Bộ binh và Thiết giáp vào Sài Gòn bằng hai mũi: Phú Lâm và cầu Nhị Thiên Đường. Sau một đợt giao tranh, Cộng quân chiếm cầu Nhị Thiên Đường. Tại Phú Lâm, khu phát tuyến tại đây bị pháo kích nặng và bị tấn công. 9 giờ 30 ngày 29/4/1975, căn cứ Không quân bị pháo kích nặng. Nhiều phi cơ trong bãi đậu, kể cả những chiếc A 37 và đặc biệt có 4 chiếc C 130 có gắn bom sẵn, bị trúng đạn pháo kích và nổ tung. Lửa cháy cùng khắp, lan đi rất nhanh. Căn cứ Tân Sơn Nhất hoàn toàn bất khả dụng và hỗn loạn. Khoảng hơn 3 ngàn người đang chờ sau lưng cơ quan DAO (Phòng Tùy viên Quân sự Sứ quán Hoa Kỳ) từ ngày 28 tháng 4/1975 để chờ phi cơ đến đón đi, kinh hoàng bỏ chạy ra khỏi căn cứ. Đến 10 giờ thì hầu như bộ Tư lệnh Không quân không còn kiểm soát được quân sĩ thuộc quyền nữa. Trên trời, từng đoàn trực thăng của Mỹ vẫn vũ và bay lơ lửng trên các nóc cao ốc và trong cơ quan DAO để đón nhân viên Hoa Kỳ. Lúc bấy giờ, khó phân biệt được trực thăng của Không quân Mỹ hay của Không quân VNCH.

Quanh vòng đai Sài Gòn, chiến trận khốc liệt đã diễn ra tại Long An, Hậu Nghĩa, Bình Dương, Biên Hòa. Tại Long An, các đơn vị Sư đoàn 22 Bộ binh đã giao chiến quyết liệt với hai trung đoàn Cộng quân muốn chọc thủng phòng tuyến thị xã Tân An. Sư đoàn 22 Bộ binh từ Quân khu 2 rút vào và được phối trí hoạt động tại khu vực này.

Tại mặt trận Củ Chi, Hậu Nghĩa, 7 giờ sáng ngày 29/4/1975, Bộ Chỉ huy Tiểu khu Hậu Nghĩa bị mất liên lạc với Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 & Quân khu 3. 10 giờ sáng cùng ngày, Quân đoàn 3/Quân khu 3 báo cáo về Bộ Tổng tham mưu là Tiểu khu Hậu Nghĩa thất thủ. Tại phòng tuyến Củ Chi của Sư đoàn 25 Bộ binh, Cộng quân tung 1 sư đoàn chính quy CSBV có 1 trung đoàn chiến xa yểm trợ tấn công ồ ạt vào các vị trí của quân trú phòng. Từ hầm chỉ huy, Chuẩn tướng Lý Tông Bá trực tiếp điều động các tuyến chống trả các đợt xung phong biển người của địch quân và xin trực thăng chiến đấu yểm trợ. Quốc lộ 1 nối Sài Gòn với Củ Chi bị đắp mô, giao thông tắc nghẽn. Đêm 29/4/1975, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 25 Bộ binh phải bỏ phòng tuyến Củ Chi rút về Hóc Môn.

Tại tuyến phòng thủ Trảng Bom do một đơn vị thuộc Sư đoàn 18 phụ trách, vào 7 giờ 30 sáng, nhiều vị trí bị Cộng quân chọc thủng và đến 10 giờ phòng tuyến này hoàn toàn bị Cộng quân tràn ngập. Một số đơn vị của Sư đoàn 18 rút về phía nam căn cứ Long Bình, Lữ đoàn 257 Thủy quân Lục chiến án ngữ mặt bắc Long Bình cũng bị tấn công. 11 giờ sáng ngày 29/4/1975, Cộng quân tấn công vào phòng tuyến nam Long Bình, Sư đoàn 18 Bộ binh đã đẩy lùi được nhiều đợt xung phong của các trung đoàn Cộng quân. Trong khi đó căn cứ Long Bình đã bị pháo kích liên tục. Tại căn cứ kho đạn Thành Tuy Hạ, nhiều vựa chứa đạn trong kho đã bị pháo kích và vòng đai phòng thủ kho đạn đã bị khoảng 2 tiểu đoàn Cộng quân bao vây.

Tại Bình Dương, căn cứ Lai Khê bị pháo kích dữ dội suốt đêm 28 và rạng ngày 29/4/1975. Quận lỵ Bến Cát bị một trung đoàn Cộng quân tấn công. Quốc lộ 13 bị cắt đứt tại đoạn giữa Phú Cường, tỉnh lỵ Bình Dương, và Lai Khê. Ngay trong sáng ngày 29 tháng 3/1975, nhiều biệt đội đặc công của Cộng quân đã lọt được vào Phú Cường và đóng chốt nhiều nơi trong thị xã.

Tại Biên Hòa, quận lỵ Tân Uyên bị tấn công ác liệt. Lực lượng Địa phương quân và Cảnh sát chiến đấu phòng thủ quân lỵ đã phải bỏ phòng tuyến, thị xã bỏ ngõ. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 & Quân khu 3, căn cứ Không quân Biên Hòa, và một số doanh trại quân đội gần Biên Hòa, dọc xa lộ Biên Hòa-Sài Gòn cũng bị pháo kích.

Tại phía Tây Nam Sài Gòn, hai liên đoàn Biệt động quân bị tấn công vào giữa 0 giờ 30 giờ sáng ngày 29/4/1975 và bị tổn thất 50% quân số. Rạng sáng cùng ngày, quận lỵ Hóc Môn cũng bị tấn công, đơn vị Địa phương quân và Nghĩa quân bị thiệt hại nặng. Trung tâm Huân luyện Quang Trung cũng bị tấn công và pháo kích từ 1 giờ sáng. Tại khu vực tiếp vận Hạnh Thông Tây bị Cộng quân tấn công.

Tại Vũng Tàu, ngay từ đêm 28/4/1975, Bộ Chỉ huy hành quân của Thiếu tướng Hinh, Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ binh kiêm Tư lệnh mặt trận Vũng Tàu, đã phải làm việc tại duyên đoàn 33 Hải quân để điều động các cánh quân. 4 giờ sáng ngày 29/4/1975, Đại tá Lợi và Trung tá Nhã đến gặp Tướng Hinh trên một chiếc tàu nhỏ của Duyên đoàn 33 và cho biết tình hình tại Bộ Tổng Tham mưu. Theo hai vị sĩ quan này thì Đại tướng Viên và Chuẩn tướng Thọ, Trưởng phong 3 BTM, đã ra đi từ chiều ngày 28/4/1975. Gần sáng, lại có thêm Chuẩn tướng Huỳnh Bá Tính, Tư lệnh Sư đoàn 3 Không quân và đại tá cùng khoảng 60 sĩ quan, binh sĩ Không quân từ Biên Hòa về Vũng Tàu. Tướng Tính đã đến gặp Tướng Hinh tại Duyên đoàn 33. Chuẩn tướng Tính cho biết ngay trong chiều 28/4/1975, phi trường

Biên Hòa đã được lệnh phá hủy các cơ sở. Lệnh này do Chuẩn tướng Bê, chỉ huy Tiếp vận Không quân trực tiếp ban hành mà không thông qua tư lệnh Sư đoàn 3 Không quân. Sáng ngày 29/4/1975, có thêm rất nhiều sĩ quan từ Sài Gòn ra Vũng Tàu.

30/4/1975: LỰC LƯỢNG VNCH TỬ CHIẾN TẠI THỦ ĐÔ SÀI GÒN Tử Thủ Sau Lệnh Đầu Hàng: Giết 1,000 VC, Diệt 32 Xe Tăng CS

Vương Hồng Anh

*** Hơn 1 ngàn Cộng quân tử trận, 32 chiến xa CSBV bị bắn cháy trong trận chiến sáng ngày 30-4-1975 tại phòng tuyến Sài Gòn**

Vào những ngày cuối cùng của tháng 4/1975, trong khi những người lãnh đạo tối cao của quốc gia và quân đội tìm mọi cách để ra đi, thì tại mặt trận vòng đai Sài Gòn và ngay trong Thủ đô của Việt Nam Cộng Hòa, người lính Quân lực VNCH từ anh binh nhì cho đến các trung đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng... thuộc các binh đoàn bộ chiến, vẫn giữ vững tay súng tử chiến với Cộng quân đến phút cuối cùng.

Từ 0 giờ sáng đến 10 giờ ngày 30/4/1975, trên các cửa ngõ vào thủ đô Sài Gòn, những người lính Bộ binh, Nhảy Dù, Biệt kích Nhảy Dù, Biệt động quân, Thiết giáp, Thủy quân Lục chiến... đã đánh trận cuối cùng trong đời lính của họ: 32 chiến xa và gần 30 quân xa Cộng quân bị bắn cháy, hơn 1,000 Cộng quân tan xác... Đó là chiến tích của người lính VNCH tại mặt trận Thủ Đô Sài Gòn trong buổi sáng cuối cùng của cuộc chiến, trước khi ông Dương Văn Minh ra lệnh Quân lực VNCH buông súng vào lúc 10 giờ 15 phút ngày 30/4/1975. Trong những giờ phút cuối cùng này, tại Sài Gòn, trái tim của Việt Nam Cộng Hòa, có rất nhiều sự kiện diễn ra dồn dập, những trận đánh hào hùng và bi tráng của một số đơn vị Nhảy Dù, Biệt Cách Nhảy Dù... trước giờ G.

*** Bộ Tổng Tham Mưu QL/VNCH, những giờ cuối cùng:**

Trưa ngày 29 tháng 4/1975, các vị tướng có thẩm quyền tại Bộ Tổng tham mưu Quân lực VNCH đã ra đi. Đại tướng Viên rời Việt Nam từ chiều 28/4/1975 cùng với Chuẩn tướng Thọ (trưởng phòng 3); Trung tướng Đồng Văn Khuyên, Tham mưu trưởng Liên quân Bộ Tổng tham mưu kiêm Tổng cục trưởng Tiếp vận ra đi vào lúc 11 giờ 30 ngày 29/4/1975. Trung tướng Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh Biệt khu Thủ đô cũng đã “chia tay” với các cộng sự viên của mình từ sáng ngày 29/4/1975. Để có tướng lãnh chỉ huy Quân đội, tân Tổng thống Dương Văn Minh đã cử một số tướng lãnh và cựu tướng lãnh giữ các chức vụ trọng yếu: Trung tướng Vĩnh Lộc giữ chức Tổng Tham mưu trưởng; Nguyễn Hữu Hạnh, Chuẩn tướng, đã về hưu từ tháng 4/1974, làm Phụ tá Tổng tham mưu trưởng; cựu Thiếu tướng Lâm Văn Phát, được cử làm Tư lệnh Biệt khu Thủ Đô; chuẩn tướng Lê Văn Thân, nguyên Tư lệnh phó Quân khu 2, làm Tư lệnh phó phụ giúp Tướng Phát; Chuẩn tướng Nguyễn Văn Chức, nguyên Cục trưởng Công binh, Thứ trưởng Định cư trong Nội các Nguyễn Bá Cẩn, giữ chức Tổng cục trưởng Tiếp vận.

Sau khi nhận chức Tổng tham mưu trưởng, chiều 29/4/1975, Trung tướng Vĩnh Lộc đã triệu tập một cuộc họp với các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp đang còn ở lại Sài Gòn tại phòng họp bộ Tổng Tham Mưu và yêu cầu “mọi người đừng bỏ đi, hãy ở lại để làm việc với tất cả trách nhiệm”.

*** Trận chiến tại các cửa ngõ vào Sài Gòn:**



Tại phòng tuyến Củ Chi, tối 29/4/1975, toàn bộ quân trú phòng và bộ Tư lệnh Sư đoàn 25 Bộ binh mở đường máu về Hóc Môn. Riêng Chuẩn tướng Lý Tông Bá, Tư lệnh Sư đoàn và một Thượng sĩ cận vệ tên Ngọc đã phải thay nhau làm kinh binh với chiến thuật cá nhân để thoát khỏi vòng vây của Cộng quân. Cuối cùng vị tư lệnh Sư đoàn 25 Bộ binh bị lọt vào tay địch khi ông và người cận vệ gần đến Hóc Môn.

Tại mặt Nam của Sài Gòn, ngay từ ngày 28/4/1975, bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô không còn quân trừ bị để giải tỏa áp lực của Cộng quân. Một liên đoàn Biệt động quân đang hành quân dọc theo quốc lộ 4 phía nam Bến Tranh đã được điều động về quận lỵ Cần Đước theo liên tỉnh lộ 5A vào buổi trưa và đặt dưới quyền điều động của bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô. Liên tỉnh lộ nối liền Chợ Lớn và Cần Đước cũng bị cắt nhiều đoạn nên các lực lượng VNCH không thể phá vỡ được các chốt chặn của Cộng quân tại cầu Nhị Thiên Đường (khu vực này bị Cộng quân chiếm từ rạng sáng ngày 29/4/1975).

Trong khi trận chiến xảy ra tại nhiều nơi thì kho đạn Thành Tuy Hạ lại bị pháo kích nặng nề nên phát nổ nhiều nơi. Hệ thống truyền tin liên lạc với bộ chỉ huy Kho đạn bị mất vào lúc 1 giờ chiều. Xe tăng Cộng quân xuất hiện tại Cát Lái và bắn vào cầu tàu chất đạn chưa được bốc dỡ.

Tại cụm phòng tuyến khu vực từ ngã tư Quân Vận (gần trung tâm huấn luyện Quang Trung) đến cầu Tham Lương Bà Quẹo; Bình Thới-Ngã ba Bà Quẹo; Bảy Hiền-Lăng Cha Cả, đơn vị Nhảy Dù phòng ngự tại đây đã nỗ lực ngăn chặn Cộng quân. Những người lính Dù không hề nao núng, bình tĩnh chuẩn bị cho trận đánh giờ thứ 25.

Tại vòng đai Bộ Tổng Tham Mưu, một chiến đoàn thuộc Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù do thiếu tá Phạm Châu Tài chỉ huy đã dàn quân chặn địch, từ 8 giờ sáng đến 10 giờ sáng, chiến đoàn này đã bắn cháy 6 chiến xa Cộng quân và nỗ lực đánh bật địch ra khỏi trận địa.

* Những trận đánh trước giờ G...



Từ sáng sớm ngày 30 tháng 4, tại các mặt trận quanh Sài Gòn và Biên Hòa, các đơn vị của Sư đoàn 5BB, Sư đoàn 18BB, Lữ đoàn 3 Thiết kỵ, các đơn vị Dù, Thủy quân Lục chiến, Biệt động quân... đều đặt trong tình trạng sẵn sàng ứng chiến để chặn đánh Cộng quân. Tại bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, Thiếu tướng Lâm Văn Phát từ sáng sớm đã dùng trực thăng bay quan sát tình hình, vừa đáp xuống bộ Tư lệnh ông gọi máy liên lạc với Chuẩn tướng Tân, sĩ quan cao cấp nhất của Không quân vào lúc đó. Tướng Phát yêu cầu

Tướng Tân cho các phi tuần khu trục liên tục oanh kích Cộng quân đang chuyển quân dọc theo con đường từ ngã tư Bảy Hiền lên đến Hóc Môn.

Trong khi các đơn vị VNCH đang nỗ lực đẩy lùi Cộng quân ra khỏi bộ Tổng tham mưu, thì vào 10 giờ 15 phút, tân Tổng thống Dương Văn Minh ra lệnh cho Quân lực Việt Nam Cộng Hòa ngưng chiến. Trước đó vài phút, chiến đoàn Biệt Cách Dù đang tung các đợt phản công để đánh bật địch quanh vòng đai Bộ Tổng Tham Mưu. Khi nhận được lệnh ngưng bắn, Thiếu tá Phạm Châu Tài, chiến đoàn trưởng Biệt Cách Dù đã lấy xe jeep vào Bộ Tổng Tham Mưu, ông được anh em binh sĩ gác cổng cho biết là Trung tướng Vĩnh Lộc, Tân Tổng Tham mưu trưởng, đã ra đi lúc 6 giờ sáng, tất cả tướng lãnh và các đại tá đã họp với Thiếu tá Tài về kế hoạch phòng thủ Tổng hành dinh bộ Tổng Tham mưu trong đêm 29/4/1975, cũng không còn ai.

Trước tình hình đó, Thiếu tá Tài đã bốc điện thoại quay số gọi về văn phòng Tổng Tổng phủ, gặp Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh ở đầu giây. Ông Hạnh hỏi Thiếu tá Tài là ai? Vị chiến đoàn trưởng đã trả lời: “Tôi là chiến đoàn trưởng Biệt cách Nhảy Dù đang trách nhiệm bảo vệ bộ Tổng tham mưu, tôi xin được gặp Tổng thống”. Vài giây sau, thiếu tá Tài nghe tiếng ông Dương Văn Minh nói ở đầu máy: “Đại tướng Dương Văn Minh nghe đây, có chuyện gì đó?” Thiếu tá Tài trình bày: “Tôi đang chỉ huy cánh quân tử chiến với Cộng quân ở Bộ Tổng Tham mưu thì có lệnh ngưng bắn, nhưng Cộng quân vẫn tiến vào, tôi đã liên lạc với bộ Tổng Tham mưu nhưng không có ai, nên muốn nói chuyện với Tổng thống là Tổng Tư lệnh Tối cao của Quân đội để xin quyết định.” Tướng Minh trả lời: “Các em chuẩn bị bàn giao đi!”. Thiếu tá Tài ngạc nhiên hỏi lại: “Bàn giao là như thế nào thưa Đại tướng, có phải là đầu hàng không?”, Tướng Minh đáp: Đúng vậy, ngay bây giờ xe tăng Việt Cộng đang tiến vào Dinh Độc Lập. Nghe tướng Minh cho biết như vậy, Thiếu tá Tài nói ngay: “Nếu xe tăng Việt Cộng tiến vào dinh Độc Lập, chúng tôi sẽ đến cứu Tổng thống”. Tướng Minh suy nghĩ, Thiếu tá Tài nói tiếp: “Tổng thống phải chịu trách nhiệm trước 2 ngàn cảm tử quân đang tử chiến với Cộng quân ở bộ Tổng tham mưu.” Tướng Minh trả lời: “Tùy các anh em”.

Theo lời Thiếu tá Tài, sau này, khi bị CQ giam trong trại tù, ông đã gặp trung tá Võ Ngọc Lan, Liên đoàn trưởng Liên đoàn phòng vệ Tổng thống Phủ. Trung tá Lan nói với Thiếu tá Tài: “Lúc đó, moa đứng cạnh ông tướng Minh, moa nghe toa nói vào cứu Tổng thống”. Thiếu tá Tài giải thích: “Tổng thống là vị lãnh đạo tối cao của Quân lực, phải cứu ông ra để có người chỉ huy Quân đội”.

Tài Liệu Đặc Biệt: Mật Trình Của Tướng Weyand & Tài Liệu Tướng Nguyễn Văn Hiếu *Vương Hồng Anh*

*** Từ chuyên viếng thăm VN của Đại tướng Weyand, đến cái chết bí ẩn của Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư lệnh phó hành quân Quân đoàn 3, ngày 8-4-1975.**

Như đã trình bày, vào tuần lễ cuối cùng của tháng 3/1975, Tổng thống Ford đã cử Đại tướng Frederick C. Weyand, Tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ, đến Việt Nam để tìm hiểu tình hình. Đại tướng Weyand là một vị tướng đã từng phục vụ ở chiến trường Việt Nam qua nhiều chức vụ khác nhau: Tư lệnh Sư đoàn 25 Hoa Kỳ, Tư lệnh Bộ chỉ huy tiền phương Lực lượng 2 đặc nhiệm, Tư lệnh phó bộ Tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam (tư lệnh là Đại tướng Creighton W. Abrams), sau cùng là Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Yểm trợ Hoa Kỳ (MACV).

Đại tướng Weyand đã thăm và tìm hiểu tình hình VN từ ngày 28/3/1975 đến ngày 4/4/1975. Trở về Mỹ, ông đã làm một phúc trình đặc biệt lên Tổng thống Ford về tình hình VN và những đề nghị khẩn cấp để cứu nguy VNCH.

Bốn ngày sau khi Đại tướng Weyand rời VN, vào ngày 8 tháng 4/1975, trong khi Cộng quân khai triển lực lượng để mở cuộc tấn công vào Long Khánh, thì tại Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 ở Biên Hòa, Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư lệnh phó Quân đoàn 3, đã chết một cách bí ẩn ngay tại văn phòng. Những người gần văn phòng của Tướng Hiếu nghe 1 tiếng súng nổ, 1 đại tá chạy qua thì thấy Tướng Hiếu nằm bất động trên chiếc ghế bành bàn giấy. Một giòng máu tươi chảy chan hoà xuống mặt và ngực. Một viên đạn đã xuyên qua trán đi thẳng lên óc. Viên đạn này còn trón bay lên trần nhà, soi thủng một lỗ.

***Tập tài liệu đặc biệt “Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu”, và những bí mật về những phúc trình của Sứ quán Mỹ tại Sài Gòn, và của Đặc sứ Tổng thống Mỹ.**

30 năm sau ngày VNCH bị bức tử, những bí ẩn về cái chết của Tướng Nguyễn Văn Hiếu, từng là Phó tá Phó Tổng thống VNCH Trần Văn Hương đặc trách bài trừ tham nhũng, cùng những tài liệu mật về những phúc trình của Đại sứ Bunker, của các tướng lãnh Mỹ, đã được công bố qua tập tài liệu: “Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu, Một viên ngọc quân sự ẩn tàng”, dày 546 trang, khổ giấy lớn, do ông Nguyễn Văn Tín, em ruột của Tướng Hiếu, sưu tầm và biên soạn với tất cả tấm lòng của một người em đối với người anh được đồng đội vinh danh là “dũng tướng”. Tập tài liệu vừa được phát hành vào cuối tháng 4/1975. Theo ghi nhận của một số cựu sĩ quan cao cấp và cựu viên chức Chính phủ VNCH, đây là tập tài liệu có giá trị về phương diện lịch sử và chiến sự với những bài viết, tài liệu về các cuộc hành quân lớn trên chiến trường VN, về sự tham chiến của Hoa Kỳ tại VN, về thực trạng chính trị xã hội VN, thông qua đời binh nghiệp của Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu từ khi theo học khóa 3 sĩ quan hiện dịch trường Võ bị Liên quân Đà Lạt năm 1950 cho đến tháng 4/1975 qua các chức vụ: sĩ quan phòng 3 Bộ Tổng tham mưu, Trưởng phòng Quân đoàn 1, Tham mưu trưởng Sư đoàn 1 Bộ binh, Tham mưu trưởng Quân đoàn 1, Quân đoàn 2, Tư lệnh Sư đoàn 22, Tư lệnh 5 Bộ binh, Tư lệnh phó Quân đoàn 1, Phó tá Phó Tổng thống đặc trách bài trừ tham nhũng, và chức vụ cuối cùng là Tư lệnh phó đặc trách hành quân của Quân đoàn 3. (Bạn đọc muốn mua tập tài liệu này, xin liên lạc với Tin Nguyen, 1144 Simpson Street, Bronx, NY 10459, điện thư: tinvnnguyen@generalhieuc.com)

***Báo cáo lượng định tình hình VNCH của Đại tướng Weyand đệ trình lên Tổng thống Ford**
Trở lại chuyện thị sát tình hình VN của Tướng Weyand, sau khi trở về Mỹ, vị đại tướng này đã làm phúc trình lên Tổng thống Ford. Phúc trình này đã được dịch và phổ biến trong tập tài liệu ” Thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu” (trang 315-328). Sau đây là những điểm chính của bản phúc trình mà Đại tướng Weyand đệ trình lên Tổng thống.

-Phân mở đầu, Đại tướng Weyand viết như sau:

“Vâng theo chỉ thị của Tổng Thống, tôi đã viếng thăm Nam Việt Nam trong thời gian từ 28/3 đến 4/4. Tôi đã hoàn tất công việc lượng định tình hình hiện tại đó, đã phân tách Chính Phủ Cộng Hòa Việt Nam có những dự tính nào để phản công sự gây hấn từ phía Bắc Việt, đã cam kết với Tổng Thống Thiệu sự hỗ trợ kiên trì của Tổng Thống trong thời gian khủng hoảng này, và đã kiểm điểm các lựa chọn và các đường lối hành động mà Hoa Kỳ có thể thi hành để trợ giúp Nam Việt Nam.”

“Tình hình quân sự hiện tại đang lâm vào tình trạng gây cản, và sự tồn tại của Nam Việt Nam trong tư thế một quốc gia đứt đoạn tại các tỉnh phía nam thật là mong manh. Chính Phủ Nam VN đang bên bờ vực thẳm của một sự thất bại quân sự hoàn toàn. Tuy nhiên, Nam Việt Nam dự tính tiếp tục chống cự với phương tiện có trong tay, và, nếu được phép dưỡng thở, có thể tái tạo khả năng chiến đấu tùy thuộc vào sự yểm trợ chiến cụ về phía Hoa Kỳ cho phép. Tôi xác tín là chúng ta có bổn phận phải hiến sự hỗ trợ này cho họ.”

“Chúng ta đã tới Việt Nam, trước tiên là để hỗ trợ nhân dân Nam Việt Nam, -chứ không phải để đánh bại Bắc Việt. Chúng ta đã chìa bàn tay ra cho nhân dân Nam Việt Nam, và họ đã nắm lấy bàn tay ấy. Giờ đây họ cần tới bàn tay đó hơn bao giờ hết. Bằng mọi giá chúng ta đã trợ giúp cho 20 triệu người. Họ đã nói với cả thế giới là họ lo sợ cho tính mạng của họ. Họ là những người ưa chuộng các giá trị trùng hợp với các giá trị của các hệ thống không cộng sản, họ tha thiết đeo đuổi cơ hội tiếp tục phát triển một lối sống khác lối sống của những người hiện sống dưới ách Bắc Việt.”

-Về phần viện trợ, Đại tướng Weyand ghi nhận

“Mức độ yểm trợ hiện tại của Hoa Kỳ bảo đảm cho sự thất bại của Chính Phủ Nam VN. Trong số 700

triệu mỹ kim cho tài khóa 1975, số còn lại 150 triệu mỹ kim có thể sử dụng trong một thời gian ngắn cho một cuộc tiếp tế qui mô; tuy nhiên, nếu muốn đạt được một cơ may thành công thật sự, cần có lập tức thêm 722 triệu mỹ kim để đưa Nam Việt Nam tới một thế phòng thủ tối thiểu chống lại sự xâm chiếm được Nga và Tàu hỗ trợ. Sự viện trợ bổ túc này của Hoa Kỳ hợp với tinh thần và ý định của Hiệp Định Ba Lê. Hiệp Định này vẫn là phương thức thực tiễn làm việc cho một sự thỏa hiệp ôn hòa tại Việt Nam.”

“Việc sử dụng hỏa lực không quân Hoa Kỳ để tăng cường khả năng Nam Việt Nam chống lại sự xâm chiếm của Bắc Việt sẽ đem lại sự hỗ trợ cả trên hai bình diện chiến cụ và tâm lý đối với Chính Phủ Nam VN và đồng thời sẽ đem lại một thế trì hoãn cần thiết trên chiến trường. Tuy nhiên tôi nhìn nhận những phiền phức khả quan về mặt pháp lý và chính trị nêu thi hành chọn lựa này.”

-Về kế hoạch di tản, Đại tướng Weyand đề nghị

“Xét về mặt biến chuyển nhanh chóng của các biến cố, Tổng Thống cần phải quan tâm tới một vấn đề khác. Dựa trên các lý do thận trọng, Hoa Kỳ phải có ngay bây giờ một kế hoạch di tản đại qui mô 6 ngàn kiều dân Mỹ và hàng vạn người Nam Việt Nam và Đệ Tam Quốc Gia mà chúng ta có bổn phận phải bảo vệ. Bài học tại Đà Nẵng cho thấy công việc di tản này đòi hỏi tối thiểu một chiến đoàn Hoa Kỳ của một sư đoàn tăng cường yểm trợ bởi không lực tác chiến để dập tan pháo binh và hỏa lực phòng của Bắc Việt. Khi tình thế đòi hỏi, một lời xác định công khai về chính sách này phải được công bố và Bắc Việt phải được cảnh cáo một cách rõ ràng : về ý định của Hoa Kỳ sẽ dùng tới vũ lực để bảo toàn tính mạng của các người được di tản. Hành Pháp phải được Quốc Hội cho toàn quyền sử dụng các hình phạt quân sự chống lại Bắc Việt nếu họ cản trở công cuộc di tản.”

“Thế giới đánh giá sự trung tín của Hoa Kỳ trên tư cách một đồng minh tại Việt Nam. Để duy trì sự tin tưởng đó, chúng ta phải thực hiện một nỗ lực tối đa trong việc hỗ trợ cho Nam Việt Nam ngay bây giờ.”

-Về vai trò và các lựa chọn hành động của Hoa Kỳ, Đại tướng Weyand đề nghị và phân tích như sau:

“Điều gì Hoa Kỳ làm, hay không làm, trong những ngày tới có lẽ là yếu tố định đoạt cho những biến cố xảy ra trong mấy tuần tới; điều này cũng đúng đối với điều gì Sài Gòn hay Hà Nội làm hay không làm. Một mình Hoa Kỳ không thể cứu vãn Nam Việt Nam, nhưng Hoa Kỳ có thể, cho dù có vô tình đi nữa, xô đẩy Nam Việt Nam xuống hố chôn.”

“Đề nghị cụ thể của tôi có thể được phân thành hai loại. Có những hành động ngắn hạn—một phần về mặt thể lý nhưng chính yếu về mặt tâm lý—cần để nâng tinh thần Nam Việt Nam và, nếu có thể, ép buộc đình trệ hành động. Điều này chỉ mua được thời giờ, nhưng trong tình thế hiện tại thời giờ là điều tối cần. Thứ đến, có những hành động dài hạn, tuy mang tính chất vật chất nhưng cũng có khía cạnh tâm lý mạnh mẽ, cần thiết nếu muốn Nam Việt Nam có tí hy vọng tồn tại trước sự tàn phá của Bắc Việt hay thương thảo một hiệp ước khác hơn là đầu hàng.”

“Điều kiện tiên quyết và cấp bách là Việt Nam cảm thấy Hoa Kỳ ủng hộ. Cảm quan này quan trọng về mọi mặt. Cảm quan Hoa Kỳ giảm thiểu ủng hộ Nam Việt Nam khuyến khích Bắc Việt tiếp tục tấn công. Chính cảm quan này đã khiến Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu triệt thoái khỏi các vị trí lẻ tẻ và lộ liễu tại các tỉnh phía bắc. Cảm quan này được cấu tạo bởi các hành động sau đây: Ngay sau khi ký kết Hiệp Định Ba Lê, 1.6 tỷ mỹ kim được đệ trình để cung ứng cho nhu cầu của Nam Việt Nam cho tài

khóa 1974; 1.126 tỷ mỹ kim được xuất ra–thanh toán 70% nhu cầu. Tiếp sau đó 500 triệu mỹ kim còn lại bị từ khước không được tháo khoán. Đối với tài khóa năm nay, 1.6 tỷ được đề trình để duy trì khả năng tự vệ của Nam Việt Nam; 700 triệu được chấp thuận–thanh toán 44 nhu cầu. Những hành động này đã giúp khai sinh khủng hoảng tin tưởng khiến Chính Phủ Nam VN dùng tới biện pháp triệt thoái chiến lược.”

“Điều then chốt cho sự tồn tại sống còn của quốc gia Việt Nam nằm trong khả năng của Chính Phủ NVN ổn định tình thế, và đem các nguồn lực quân sự chống đối lại sức tấn công của Bắc Việt. Khả năng ổn định tình thế này tùy thuộc, một phần lớn, vào khả năng thuyết phục hạ tầng giới quân nhân và dân sự là chưa đến nỗi mất tất cả, và còn có thể chặn đứng Bắc Việt. Tuy đó là trách vụ chính của Chính Phủ Việt Nam, các hành động về phía Hoa Kỳ mang tính chất quyết liệt trong việc tái tạo niềm tin.”

“Hành động mà Hoa Kỳ có thể làm để gây nên ấn tượng tức khắc cho Việt Nam–Bắc lẫn Nam–là dùng không lực Hoa Kỳ để chặn đứng thế tấn công hiện tại của Bắc Quân. Cho dù chỉ giới hạn trên phần đất Nam Việt Nam và chỉ thực hiện trong một thời gian giới hạn, những tấn công này sẽ gây tổn thất lớn lao cho lực lượng viễn chinh Bắc Việt về mặt nhân sự và quân cụ, và sẽ tạo một chấn động về mặt tâm lý đối với các chiến binh xâm lăng. Những tấn công không tập này cũng sẽ khiến giới lãnh đạo Hà Nội phải đắn đo suy nghĩ, thái độ mà hiện giờ họ không có, đến hậu quả tai hại có thể xảy đến nếu họ làm ngơ lời cam kết chính thức họ đã hứa với Hoa Kỳ.”

“Giới lãnh đạo quân sự Nam Việt Nam thuộc mọi cấp bậc đều luôn lập đi lập lại tầm mức quan trọng của sử dụng B-52 phản công chống lại một lực lượng địch to lớn hơn và quan điểm này hợp lý về mặt quân sự. Tôi ý thức đến các khó khăn về mặt pháp lý và chính trị gây nên bởi việc thi hành biện pháp không tập này.”

“Một việc quan trọng mà Hoa Kỳ cần phải làm là xác định cách rõ ràng Hoa Kỳ quyết tâm ủng hộ Nam Việt Nam. Việc này phải bao gồm lời minh định tích cực của Tổng Thống và các giới chức cao cấp Mỹ. Tinh thần suy sụp của dân chúng Việt Nam đã hừng khởi lên rõ rệt khi phái đoàn Hoa Kỳ do Tổng Thống phái đi với nhiệm vụ điều tra tình hình đặt chân tới Sài Gòn. Có thêm những hành động tương tự như vậy sẽ minh chứng mối quan tâm của Hoa Kỳ. Cộng thêm vào các lời xác định của Ngành Hành Pháp, cần thêm nỗ lực tạo một mối quan tâm chung tại mọi lãnh vực trên đất Hoa Kỳ. Sự ủng hộ từ các thành viên của Quốc Hội; xác định lập trường ủng hộ từ các nhân vật có trọng trách trong và ngoài chính phủ; và sự thông cảm trong giới báo chí Hoa Kỳ sẽ cải biến cảm quan về phía Hoa Kỳ liên quan đến tình hình tại Việt Nam.”

Vương Hồng Anh

Nguồn: <http://ongvove.wordpress.com/2010/04/29/nh%E1%BB%AFng-ngay-cu%E1%BB%91i-vnch-3/>



Nhóm mạng Việt Nam Văn Hiến

Trang : Những Ngày Cuối Của Việt Nam Cộng Hòa

www.vietnamvanhien.net

www.vietnamvanhien.org

www.vietnamvanhien.info

www.vietnamvanhien.com

[Email: thuky@vietnamvanhien.net](mailto:thuky@vietnamvanhien.net)

"Bất chiến tự nhiên thành" chi kế
Văn Hiến ngàn năm sử đã đề
Phá tan giặc Cộng bằng Tâm lược
"Nhân Chủ (tự chủ) - An Vi (an lạc)" khai lối về

Trang mạng Việt Nam Văn Hiến là nơi bảo tồn di sản văn hóa của Việt tộc. Thắp sáng niềm tin Diên Hồng và nếp sống Văn Hiến hầu phục hồi nền "An Lạc & Tự Chủ" ngàn đời của Việt tộc.

[Trở lên đầu trang](#)

[Trở Lại Trang Mặt](#)